

Em học
ĐỊA-LÝ
LỚP BA



BỘ GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

EM HỌC ĐỊA - LÝ
LỚP BA

thuongmaitruongxua.vn

SÁCH ĐỊA-LÝ BẬC TIỂU-HỌC
BỘ GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN
1965

SOẠN-THẢO VÀ ÁN-HÀNH TRONG
KHUÔN - KHỔ CHƯƠNG - TRÌNH
HỢP-TÁC GIỮA BỘ GIÁO-DỤC
VÀ PHÁI-BỘ KINH-TẾ HOA-KỲ
TẠI VIỆT-NAM

Soạn-thảo dưới sự hướng-dẫn của :

Ông PHẠM-VĂN-THUẬT

Nguyên Chánh-sư-vụ Sở Học-liệu

Ông TRỊNH-HUY-TIẾN

Chánh-sư-vụ Sở Học-liệu

Với sự tham-gia ý-kiến của :

Ông ĐÌNH-GIA-DZU

Đại-diện Nha Tiểu-học

Ông FRED J. ARMISTEAD, Ph. D.

Phái-đoàn Đại-học-đường Southern Illinois

và

Bà MABEL RING

M. Sc. , B. Com.

Và sự giúp đỡ về kỹ-thuật của :

Ông RALPH H. HALL, Ph. D.

Phái-bộ Kinh-tế Hoa-Kỳ tại Việt-Nam.

BAN BIÊN-TẬP :

Soạn-giả :

VĂN-CÔNG-LẦU
LƯU-VĂN-LÊ
TRẦN-TRỌNG-PHAN
PHẠM-VĂN-VỆ

Họa-sĩ :

LÊ-CHÁNH

Nhạc-sĩ :

VĂN-TRÍ

Chuyên-viên Tu-thư :

Bà LÊ-DOÃN-KIM

Chuyên-viên Hoa-Kỳ :

Bà MABEL RING, M. Sc. , B. Com.
Ông FRED J. ARMISTEAD, Ph. D.

Lời nói đầu

Soạn quyển ĐỊA-LÝ Lớp Ba, chúng tôi vẫn tiếp-tục theo đúng phương-pháp đã đề ra trong khi biên-soạn quyển Địa-lý Lớp Tư.

Nhưng ở đây, với trẻ em 8, 9 tuổi, chúng tôi mở rộng tầm quan-sát, khơi mạnh óc tìm-tòi và hướng-dẫn sự phát-triển khả-năng sáng-tạo.

Do đó, mỗi bài học được trình bày đầy-đủ hơn và gồm các mục chánh sau đây :

— *Em quan-sát* : tập trẻ quan-sát, nhận-xét, tìm hiểu, ôn và ghi lại việc đã qua, suy-luận và so-sánh...

— *Em đọc bài* : cung-cấp cho trẻ tài-liệu mới, liên-quan đến đề-tài học. Các tài-liệu được lồng trong những câu chuyện kể, hoặc đối-thoại, vừa vui vừa sát với tâm-lý tình-cảm học-sinh.

— *Em có biết không* : tập trẻ kiểm-điểm lại những điều đã học-hỏi và ghi nhớ điểm chánh.

— *Em thực-hành* : giúp trẻ thực-hành bằng cách vẽ, dán, nắn, sưu-tập,... ứng-dụng lý-thuyết vào thực-tế, phối-kiểm điều đã học-hỏi bằng việc làm.

Tất cả các mục trên đều được xây-dựng trên căn-bản phương-pháp giáo-dục mới với 2 đặc-điểm : hợp-lý và linh-hoạt.

Hợp-lý : vì theo đúng quá-trình phát-triển tư-tưởng qua 3 giai-đoạn : quan-sát, phối-hợp, diễn-đạt.

Linh-hoạt : vì tạo cho trẻ niềm hứng-khởi trong việc làm : nơi lớp học, ngoài đường phố, trong gia-đình, lúc nào và ở đâu cũng có thể là dịp để trẻ quan-sát, tìm-tòi, ghi chép, suy-luận. Một bài học là một phiếu công-tác hướng-dẫn trẻ học-tập bằng tài-sức riêng, bằng kinh-nghiệm riêng qua nhiều cố-gắng và trong sự hăng-say.

Với hình-thức mới này, chúng tôi ước mong quyển ĐỊA-LÝ Lớp Ba sẽ được trẻ em vui-sướng tiếp-nhận như bắt được một dụng-cụ vừa tay, nhờ đó các em sẽ làm việc dễ-dàng, hứng-thú, vừa mở-mang sự hiểu biết về địa-lý, vừa rèn-luyện các năng-khiếu tinh-thần cần-thiết cho con người.

Các bạn giáo-viên sẽ tìm gặp nơi quyển ĐỊA-LÝ Lớp Ba, không phải một tập tài-liệu về địa-lý, chứa đầy những bảng thống-kê và con số, mà là một phương-tiện giáo-khoa thích-hợp, khả-dĩ hướng-dẫn học-sinh học-tập một cách hứng-thú, linh-hoạt và hữu-hiệu.

Cuối cùng, chúng tôi rất mong các bạn đồng-nghiep và quý-vị phụ-huynh học-sinh vui lòng chỉ giáo cho những chỗ sơ-sót mà chúng tôi tin chắc không sao tránh khỏi.

Các Soạn-giả

MỤC-LỤC

BÀI	ĐỀ TÀI	ĐẦU BÀI	TRANG
CHƯƠNG I			
1	Trái đất	Làn khói trên mặt biển	12
2	Mặt trời	Mặt trời đẹp quá !	15
3	Mặt trăng	Trăng đêm nay tròn quá !	18
4	Âm-lịch và dương-lịch	Hôm nay thứ bảy 29 tháng 8 dương-lịch	20
5	Ngày và đêm	Ngày và đêm	22
6	Bốn mùa	Ở đây có mùa đông không ?	26
7	Đại-dương	Thái - bình - dương là một đại-dương	28
8	Thủy-triều	Ủa, thuyền đó sao nằm trên bãi	30
	Bài ôn		32
CHƯƠNG II			
9	Bắc-cực, Nam-cực	Bắc-cực và Nam-cực	36
10	Đời sống ở Bắc-cực và Nam cực	Họ sống cách nào ?	38
11	Xích-đạo	Trời nóng quá	42
12	Bắc bán-cầu, Nam bán-cầu	Hai phần của quả địa-cầu	44
13	Đời sống ở miền nhiệt-đới : Sa-mạc	Sa-mạc	46
14	Đời sống ở miền nhiệt-đới: Rừng-rậm Phi châu	Người chim-chích	48
15	Lục-địa - Ngũ-châu	Tây bán-cầu, Đông bán-cầu	50
	Bài ôn		54

CHƯƠNG III

16	Làng	Làng Mỹ-phước	56
17	Đời sống trong làng ở miền đồng-bằng Việt-Nam	Chừng nào lúa trở bông ?	60
18	Quận	Quận-ly là gì ?	64
19	Tỉnh	Tôi tỉnh-ly rồi !	66
20	Phố và thành-phố	Thành-phố Sài-gòn	70
21	Đời sống ở thành phố	Xưởng dệt ở đâu ?	72
	Bài ôn		76

CHƯƠNG IV

22	Tập vẽ bản đồ		78
23	Bản đồ lớp học		80
24	Bản đồ trường học		82
25	Bản đồ làng		84
26	Bản đồ tỉnh		86
27	Bản đồ Thành-phố Sài-gòn		88

CHƯƠNG V

28	Việt-Nam : vị-trí, ranh-giới, bờ biển	Nước Việt-Nam	94
29	Việt-Nam : núi, đồng bằng, sông ngòi	Sông Hương đẹp quá	98
30	Việt-Nam : dân-cư	Dân-số nước mình tăng	102
31	Việt-Nam : lúa, gạo và cao-su	Nước mình có nhiều lúa gạo	106
32	Bản đồ Việt-Nam		110
	Bài ôn		111

CHƯƠNG I



Bài 1. TRÁI ĐẤT

EM QUAN-SÁT và TÌM HIỂU:

1.— Lần đầu tiên, vào năm 1949, một phi-cơ Hoa-kỳ bay một vòng, quanh trái đất. Khởi-hành tại nước Mỹ ngày 26 tháng 2, phi-cơ ấy bay thẳng tới mãi, đến ngày 2 tháng 3 thì trở lại ngay chỗ khởi-hành. Xem hình trái đất

vẽ bên cạnh, em thử tưởng-tượng con đường do phi-cơ ấy đã bay qua : tại sao phi cơ bay thẳng tới mãi mà trở về chỗ khởi-hành được ?

2.— Hai chiếc tàu từ ngoài khơi chạy vào bờ. Em quan-sát hai chiếc tàu ấy : chiếc đồ sắp cập bến, em thấy rõ các bộ-phận. Chiếc kia còn ngoài khơi, em chỉ thấy ống khói tàu thôi. Tại sao vậy ?

3.— Ngồi trên một chiếc xe đang chạy, nhìn hai bên đường, em thấy cây cối chạy lùi lại phía sau. Em có biết tại sao vậy không ? Mỗi sáng em thấy mặt trời mọc ở hướng Đông, đi vòng trên không, rồi chiều lặn về hướng tây. Nhưng sự thật không phải mặt trời chạy vòng trên không, mà chúng ta thấy thế vì trái đất xoay tròn như con vù quanh mình trong khi mặt trời đứng một chỗ. Trái đất xoay giấp một vòng quanh mình trong 24 giờ.



EM ĐỌC BÀI :

LÀN KHÓI TRÊN MẶT BIỂN

Thành đưa hai em đi du-ngoạn Vũng-tàu.

Sáng sớm, Gia, An theo anh ra bãi sau hứng mát.

Gia co bàn tay làm "ống dòm" nhìn ra khơi, nói :

"Một làn khói từ mặt biển bay lên kìa An ơi!"

An nhìn ra biển hồi lâu :

"Có một cây cột ở dưới phải không anh?"

Thành dẫn giải : "Hai em nhìn kỹ coi!

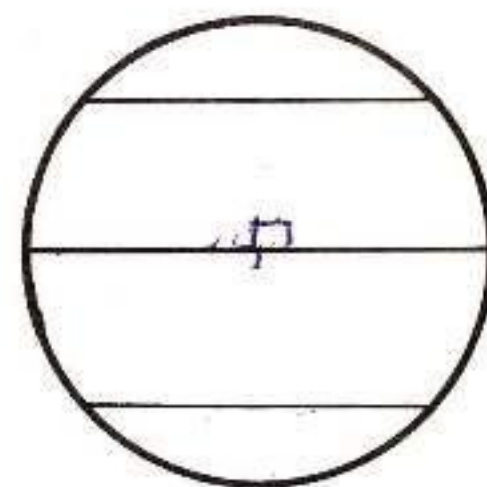
Một chiếc tàu từ ngoài khơi chạy vào."

Gia và An reo to : "Phải rồi! mũi tàu và thân tàu kia."

Thành tiếp : "Trái đất tròn, mặt biển cong theo.

Lúc này, mũi tàu và thân tàu còn khuất.

Khói bay lên cao nên hai em thấy trước".



EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

- Trái đất hình gì ?
- Mỗi ngày, em thấy mặt trời mọc lên, đi vòng trên không rồi lặn. Sự thật có phải mặt trời đi vòng như vậy không ? Tại sao em thấy thế ?
- Trái đất xoay cách nào ?
- Trái đất xoay gấp một vòng quanh mình trong mấy giờ ?

EM NẢN :

Một viên đạn bằng đất sét, rồi dùng một cây kim ghim ngang như hình vẽ bên cạnh để làm trái đất.

EM NHỚ :

Trái đất hình tròn như trái cam, hai đầu hơi gập.

Trái đất xoay tròn như con vù.

Trái đất xoay một vòng quanh mình trong 24 giờ.

EM TÔ MÀU :

Quả địa-cầu.



Bài 2. MẶT TRỜI

EM QUAN-SÁT :

1.— Em hãy quan-sát mặt trời trong giờ học địa-lý. Em ghi lại vị trí của mặt trời đối với chân trời, với ngọn cây, với nóc nhà.

Lúc 8 giờ, mặt trời ở đâu ? Lúc 12 giờ ? Lúc 16 giờ (4 giờ chiều) ?

Trong ngày, lúc nào nóng bức hơn hết ? Lúc ấy mặt trời ở đâu ?

2.— Em cắm một khúc cây dài 1m. ở giữa sân. Ghi lại sự thay đổi của bóng cây đó trong những giờ sau đây : 8 giờ, 10 giờ, 12 giờ.

3.— Em quan-sát hình vẽ bên cạnh (hình mặt trời lặn). Hình dáng, màu sắc mặt trời lặn ra sao ?



EM ĐỌC BÀI :

MẶT TRỜI ĐẸP QUÁ !

Mặt trời hạ thấp xuống mặt biển.

Gia vỗ tay reo lên : « An ơi, coi kìa ! Mặt trời đẹp quá ! »

An vui-vẻ đáp lời :

« Ủ, mà sao nó đỏ vậy, anh Gia ? »

— « Thì nó là cục lửa, không đỏ sao được ! »

Rồi Gia dạy qua hỏi Thành : « Phải vậy không anh Thành ? »

Thành gật đầu, đáp : « Mặt trời là khối lửa to. Nó như cây đèn tỏa ánh-sáng và hơi nóng cho ta. »

An thắc-mắc xen vào :

« Anh Thành coi kìa, mặt trời bằng cái đĩa chớ to gì anh ! »

— « Vì nó ở xa nên em thấy nhỏ. »

Chê thật ra, nó lớn gấp triệu lần trái đất. »

— « Mặt trời cách trái đất bao xa, anh ? »

— « Xa lắm ! Nếu đi máy bay, phải mất ba mươi năm mới tới ! »

An nhìn mặt trời, le lưỡi...

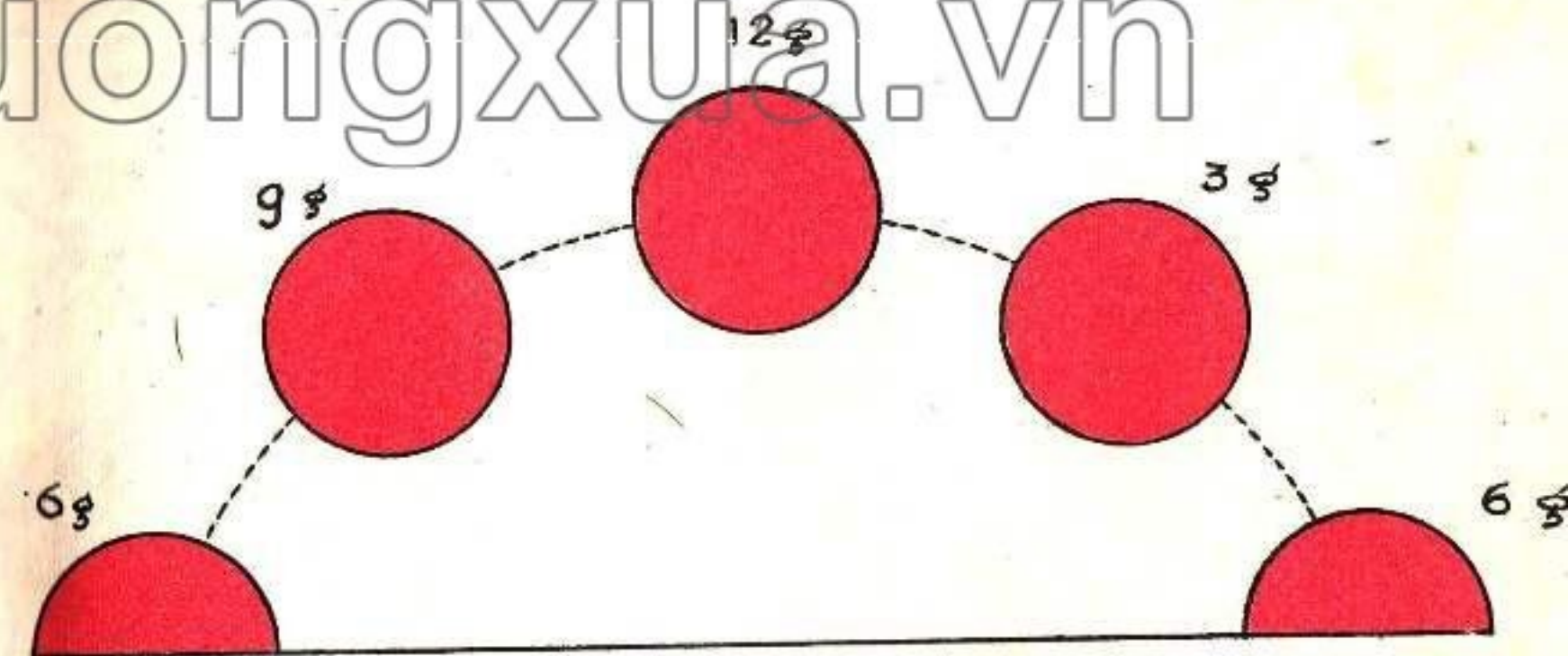
EM CÒ BIẾT KHÔNG ?

— Tại sao ta thấy mặt trời nhỏ ?

— Tại sao vào lúc 12 giờ trưa, ta không thể nhìn thẳng vào mặt trời lâu được ?

— Lúc trưa, đứng lâu dưới mặt trời, em thấy thế nào ?

EM VẼ :



EM NHỚ :

Mặt trời ở xa và lớn hơn trái đất.

Mặt trời tỏa ánh-sáng và hơi nóng cho ta.

①

Bài 3. MẶT TRĂNG

EM QUAN-SÁT và SUY-NGHĨ :

- 1.— Quan-sát hình 1, hình một đêm rằm về mùa nắng, em thấy những gì trên nền trời? Mặt trăng đêm rằm ra sao? Mặt trăng có ở mãi một chỗ không? Mặt trăng có giữ mãi hình-dáng tròn như thế mỗi đêm không?
- 2.— Quan-sát hình 2, em thấy mặt trăng thế nào? Em biết tại sao người ta gọi trăng khuyết là trăng lưỡi liềm không?
- 3.— Em hỏi phụ-huynh đêm nào trong tháng trăng tròn, đêm nào không có trăng rồi ghi vào trong mảnh giấy.

EM ĐỌC BÀI :

TRĂNG ĐÊM NAY TRÒN QUÁ !

Thành, Gia, An ngồi hóng mát ngoài sân. Ánh trăng vàng-vặc.

An trầm-trồ : « Trăng đêm nay tròn quá, anh Gia há ! »

Gia nói : « Trăng rằm mà không tròn sao được ! »

— « À, mà sao trăng khi tròn khi méo vậy anh Gia ! »

Gia đáp-ứng nhìn anh. Thành cười, giảng-giải :

« Trăng xoay quanh trái đất.

Vì thế, có khi em thấy nguyên mặt trăng,

Có khi em thấy một phần mặt trăng mà thôi.

Đó đó, trăng khi tròn khi khuyết.

Chớ thật ra, trăng lúc nào cũng tròn như trái đất.

Các em vào nhà, anh sẽ chỉ rõ-ràng hơn. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

— Em có biết thế nào là trăng non, trăng tròn, trăng già không ?

— Thường trong tháng, những đêm trăng tròn hơn hết là những đêm nào ?

Người ta nói mười chín trăng nín một cạnh nghĩa là gì ?

EM CHƠI :

1.— Trên một trang giấy màu xanh đậm, em dán một hình tròn lớn màu vàng lọt để làm mặt trăng

và những hình nhỏ trắng li-ti để làm sao.

2.— Một buổi sáng, khi mặt trời đã lên cao, em ra sân, dùng một cái kiếng tròn hứng lấy ánh sáng mặt trời và cho rọi vào trong nhà. Em nhận-xét kiếng phải cầm cách nào để ánh sáng rọi ra thành hình tròn, cách nào thì ánh sáng rọi ra nhỏ, rồi ghi hoặc vẽ vào một mảnh giấy.

EM NHỚ :

Trăng xoay quanh trái đất. Trăng phản chiếu ánh mặt trời xuống trái đất.

②

Bài 4. ÂM-LỊCH VÀ DƯƠNG-LỊCH

EM QUAN-SÁT và SUY-NGHĨ :

- Nhà em chắc có cuốn lịch treo tường. Em quan-sát kỹ và nói những điều em thấy trên một tờ lịch.
- Phần trên lịch ghi gì ? và phần dưới ghi gì ?
- Con số lớn ở phần trên tờ lịch là gì ? Còn con số ở phần dưới ?
- Ngày tháng trên hai phần tờ lịch có giống nhau không ?

EM ĐỌC BÀI :

HÔM NAY THỨ BẢY 29 THÁNG 8 DƯƠNG-LỊCH

Thành cầm trái banh trên tay, giảng cho hai em :
« Trăng xoay quanh trái đất trong vòng một tháng. Người ta dựa vào thời-gian đó mà tính ngày tháng. Đó là âm-lịch hay lịch ta.

Kìa, hai em xem trên tấm lịch treo có ghi ở phía dưới :
Ngày 22 tháng 7 là ngày âm-lịch. »

Gia hỏi : « Còn số lớn ở trên là ngày gì, anh Thành ? »

« Đó là ngày dương-lịch. »

An thắc-mắc : « Dương-lịch là gì, anh Thành ? »

— « Là lịch tính ngày tháng theo thời-gian trái đất xoay quanh mặt trời. Thời-gian đó là ba trăm sáu mươi lăm ngày.

Chúng ta thường gọi dương-lịch là lịch tây. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

— Dương-lịch là gì ? Âm-lịch là gì ?

— Theo dương-lịch, năm nay là năm mấy ? Theo âm-lịch năm nay gọi là năm gì ?

EM GHI NGÀY DƯƠNG-LỊCH và ÂM-LỊCH TRONG TUẦN NÀY :

	Dương-lịch			Âm-lịch		
	Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm
Thứ hai	1 23	...	...	...	...	...
Thứ ba	2 24	...	...	...	...	...
Thứ tư	3 25	...	...	...	...	...
Thứ năm	4 26	...	...	...	...	...
Thứ sáu	5 27	...	...	...	...	...
Thứ bảy	6 28	...	...	...	...	...

EM NHỚ :

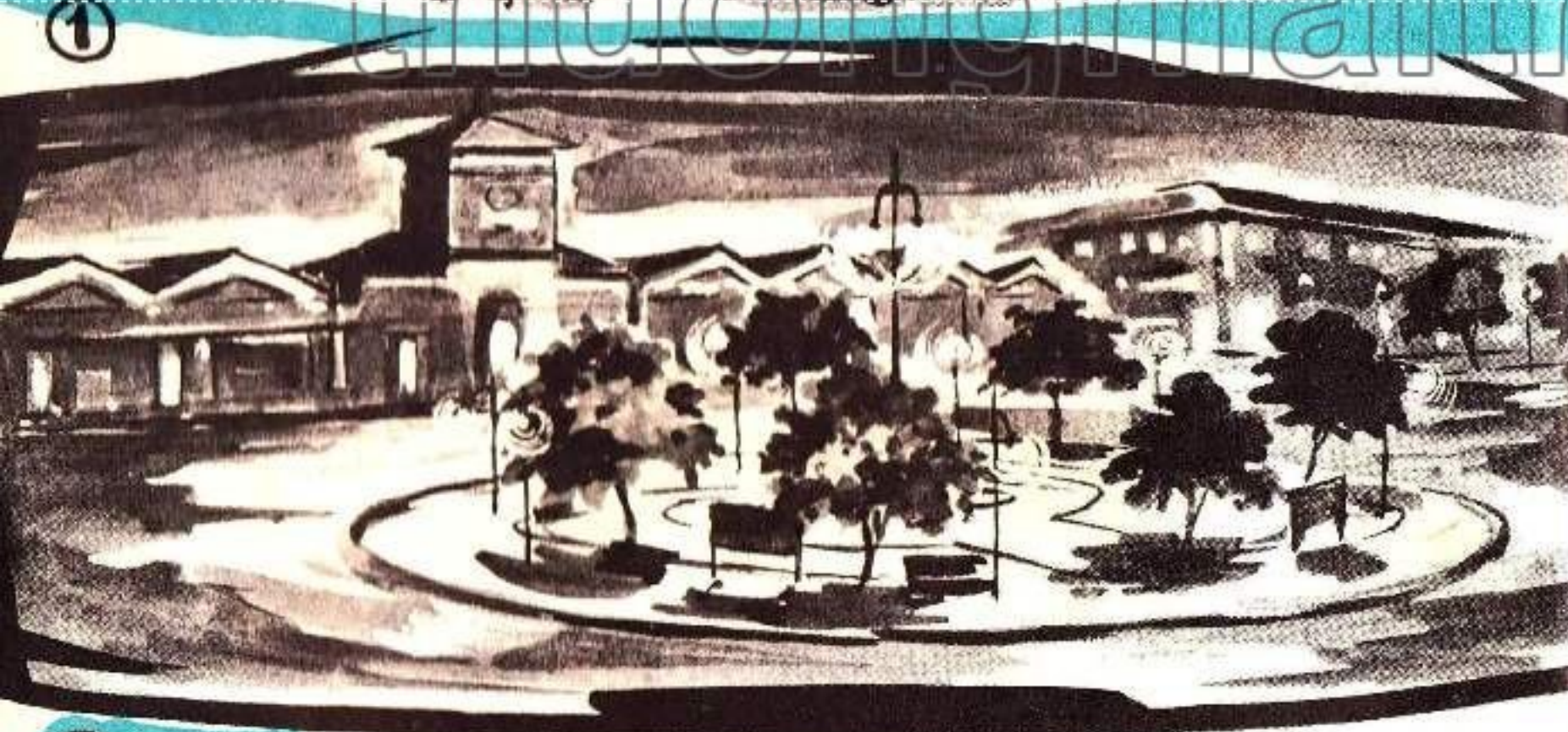
Âm-lịch (hay lịch ta) tính ngày tháng theo thời-gian mặt trăng xoay quanh trái đất.

Dương-lịch (hay lịch tây) tính ngày tháng theo thời-gian trái đất xoay quanh mặt trời.

Bài 5. NGÀY VÀ ĐÊM



①



②

EM QUAN-SÁT và SUY-LUẬN :

1. = Em so-sánh quang-cảnh Công-trường Diên-Hồng ban ngày (hình 1) và ban đêm (hình 2).

Ở đây, bộ hành và các loại xe qua lại tấp nập ban ngày hay ban đêm ? Ban đêm, Công-trường được soi sáng bởi gì ? Còn ban ngày ?

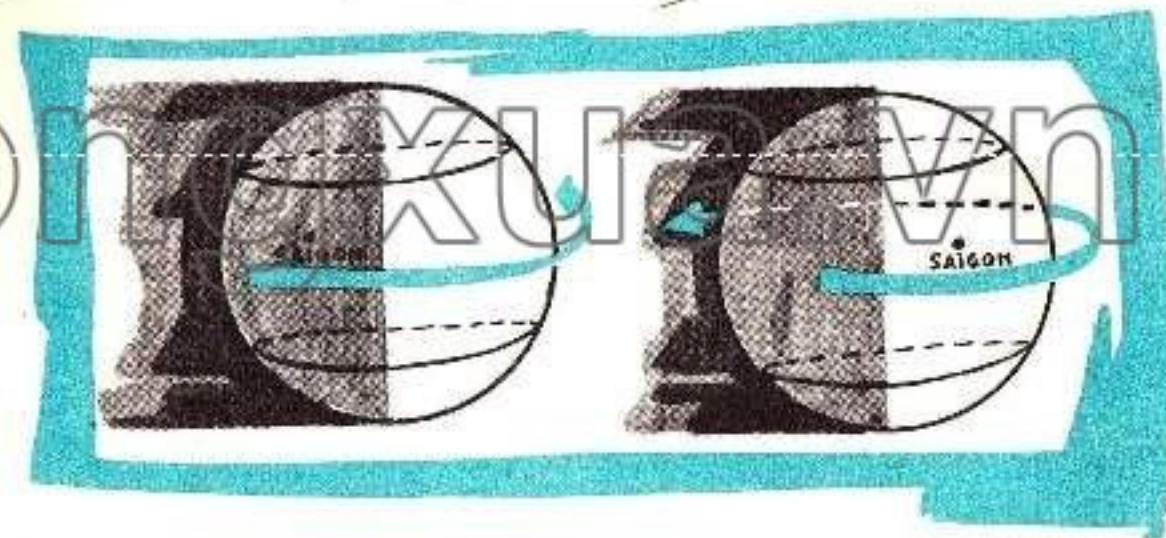
2. = Em biết trái đất xoay giấp một vòng quanh mình trong 24 giờ, nghĩa là một ngày và một đêm.

Trên một đồng hồ, em thấy từ số một đến số mấy ? Vậy trái đất xoay giấp một vòng quanh mình thì kim ngắn xoay mấy vòng trên mặt đồng hồ ?

3. = Nhìn vị-trí Sài Gòn trên hai quả địa-cầu dưới đây, em thấy :

a) Sài Gòn ở trong vùng không có ánh-sáng, ấy là ban đêm tại Sài Gòn.

b) Sài Gòn ở trong vùng có ánh sáng, ấy là ban ngày tại Sài Gòn.



EM ĐỌC BÀI :

NGÀY VÀ ĐÊM

An ngồi xoay quả địa-cầu mới mua.

Thành đến gần, hỏi : « An làm gì đó ? »

An giựt mình, day lại, reo mừng :

« Anh Thành đây rồi !

Anh cắt nghĩa cho em biết tại sao có ngày đêm.

Anh đã hứa với em hồi xế đó. »

Thành gật đầu, đáp :

« Ừ phải ! Em đưa quả địa-cầu cho anh...

Đây, trái đất.

Cây đèn kia ví như mặt trời rọi ánh sáng cho trái đất.

Trái đất xoay tròn quanh mặt trời.

Lúc nào nó cũng có một bên sáng và một bên tối.

Ngày ở bên sáng thì đêm ở bên tối.

Hiện giờ nước ta ở vào bên nào, em biết không ? »

— « Dạ, bên tối. »

— « Vì hiện giờ là đêm. Trái đất xoay nửa vòng, xứ ta lại ra sáng. »

An vỗ tay, tiếp lời anh : « Em biết rồi ! Chừng đó, xứ ta sẽ là ngày. »

Thành vuốt đầu An, khen : « An thông-minh lắm ! »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

— Mỗi chiều, em thường nghe ra-đi-ô phát thanh : bây giờ là 17 giờ. Lúc ấy, em có để ý xem đồng hồ nhà em chỉ mấy giờ không ? Nếu có, em cho biết 17 giờ là mấy giờ chiều ?

— Khi đồng hồ chỉ 9 giờ tối thì ra-đi-ô gọi là mấy giờ ?

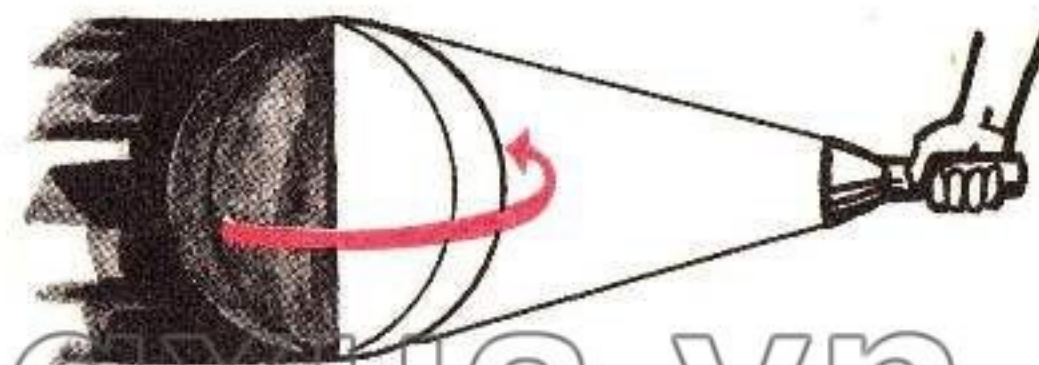
— Lúc này, mặt trời mọc vào lúc 7 giờ sáng và lặn hồi 19 giờ. Vậy, lúc này ngày kéo dài mấy giờ, đêm mấy giờ ? Tháng 5, mặt trời mọc hồi 6 giờ sáng, lặn hồi 19 giờ. Vậy, lúc ấy ngày kéo dài mấy giờ ? đêm mấy giờ ?



EM THỰC-HÀNH :

Ngày và đêm

- Ghi một dấu "x" trên quả địa-cầu phía nghịch với ngọn đèn. Dấu ấy ở vào chỗ sáng hay tối ? ngày hay đêm ?
- Em xoay quả địa-cầu theo chiều mũi tên. Dấu "x" sẽ di-chuyển lần đến đâu ? Em phải dừng ở chỗ nào để dấu "x" ở vào chỗ đúng ngọ (12 giờ trưa) ?



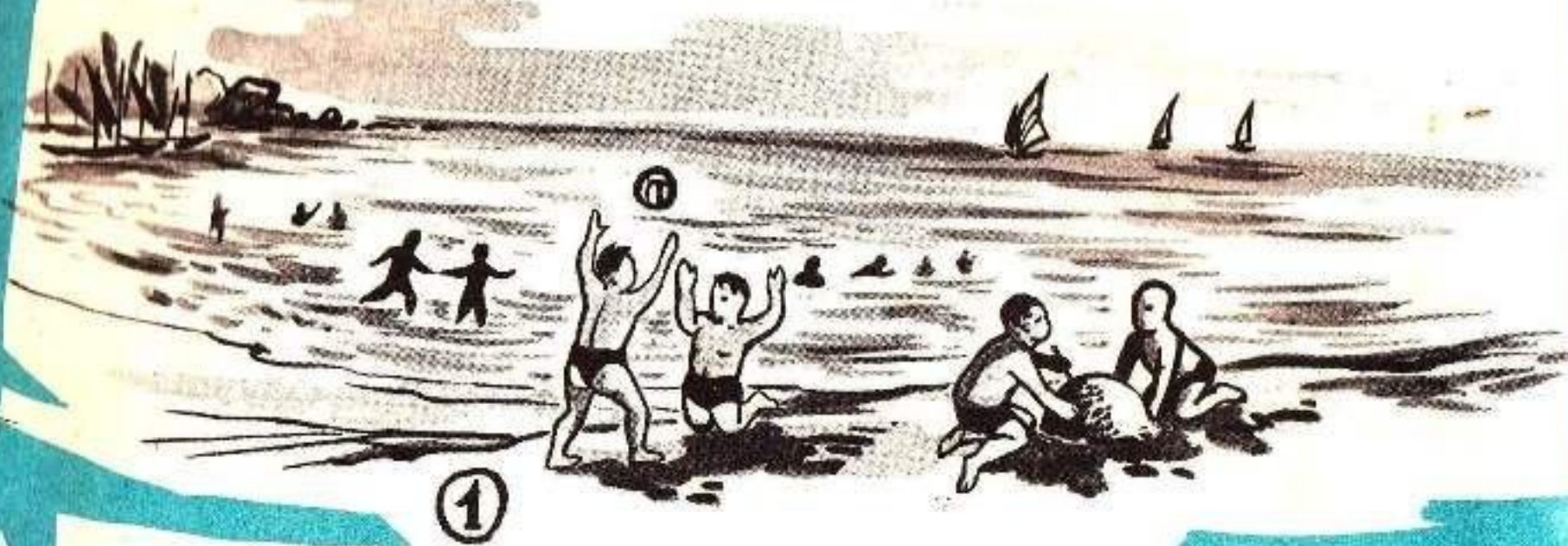
EM NHỚ :

Trái đất lúc nào cũng có nửa sáng và nửa tối. Ngày ở bên sáng và đêm ở bên tối.

EM VẼ :

Hình mặt trời mọc.





Bài 6. BỐN MÙA

②

EM QUAN SÁT và SUY NGHĨ:

1) — Hôm tựu trường đến nay, em đi học thường mặc mưa có khi ướt cả áo quần. Em có biết lúc này là mùa gì không? Vào mùa này, em thường chơi gì? Em biết xếp tàu giấy không? Mùa mưa nhà nông lo làm gì?

Vào khoảng gần Tết em thấy còn mưa nữa không? Đó là hết mùa mưa sang mùa nắng. Em nhớ lại lúc ấy, em thường chơi gì? Em biết làm điều giấy không? Mùa nắng nhà nông lo làm gì?

2) — Cảnh bãi biển buổi trưa mùa nắng (hình 1), em thấy gì trên bãi biển? Những người đứng trên bãi cát ăn mặc thế nào? Họ đang làm gì?

Mặt biển ra sao? Trên mặt biển có gì?

3) — Cảnh miền quê dưới một cơn mưa (hình 2), em có thấy mặt trời không? Ngoài đồng có người không? Thú vật trốn ở đâu? Cảnh vật ra sao?



EM ĐỌC BÀI :

Ở ĐÂY CÓ MÙA ĐÔNG KHÔNG ?

«Mùa đông gió, gió lạnh-lùng...»

Tiếng hát từ xa vọng lại.... Thành bật cười :

«Đang nóng-nực thế này mà lạnh-lùng nổi gì!»

An cũng cười theo Thành rồi hỏi :

«Ở đây không có mùa đông, hả anh Thành?»

Thành đáp : «Miền Nam mình chỉ có mùa mưa và mùa nắng.»

— «Em nghe nói bên Pháp có bốn mùa phải không anh?»

— «Ừ! Nước Pháp có bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông.»

An hỏi : «Mùa đông bên Pháp lạnh lắm hả anh?»

Thành đáp : «Lạnh lắm! Trái lại mùa hạ thì nóng nực, mùa thu thì mát-mẻ. Còn mùa xuân thì ấm-áp, hoa lá xanh tươi.»

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

Miền Nam Việt-Nam có mấy mùa ?

Nước Pháp có mấy mùa ?

Mùa nào lạnh, mùa nào nóng ?

Nếu nắng suốt năm thì người, súc vật, cây cối ra sao ?

Nếu chỉ có ánh-sáng mặt trời không thì cây-cối có thể sống được chăng? Vậy, cần có gì nữa ?

Xứ ta một năm có mấy mùa? Mỗi mùa, từ tháng nào đến tháng nào? (Nếu các em không biết, các em hãy hỏi cha mẹ hay anh chị).

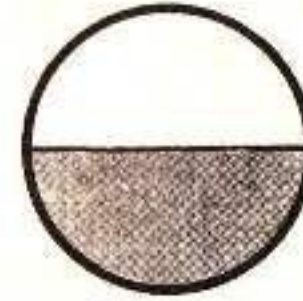
Em thường nghe nói : tháng năm chưa năm đã sáng, tháng mười chưa cười đã tối. Em hiểu nghĩa hai câu ấy không ?



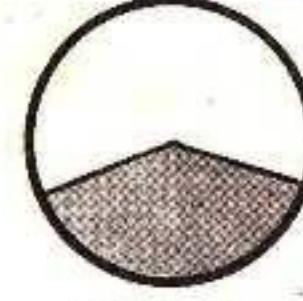
Tháng 9



Tháng 12



Tháng 3

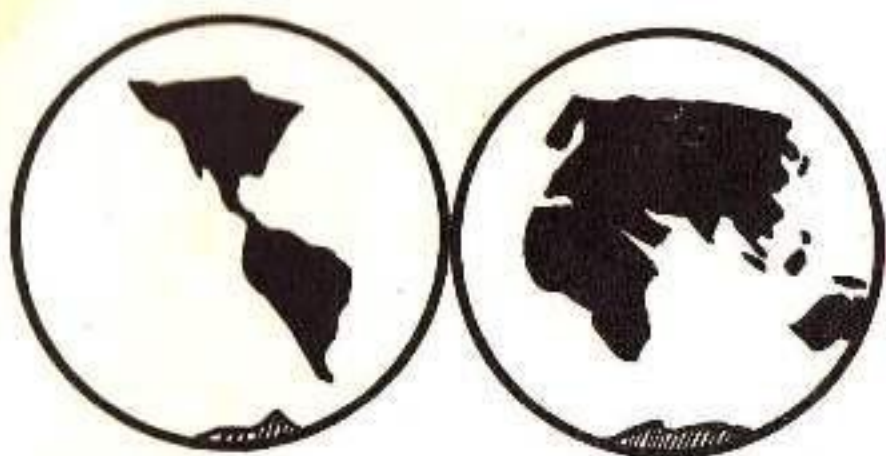


Tháng 6

EM NHỚ :

Miền Nam Việt-Nam có hai mùa : mùa mưa và mùa nắng.

Các nước như Pháp, Mỹ... có bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông.



Bài 7. ĐẠI DƯƠNG

EM QUAN-SÁT và SUY NGHĨ :

1. — Em đã có dịp đi tắm biển lần nào chưa? Nếu có, em hãy ghi lại những điều em biết. Biển rộng hay hẹp hơn sông? Mặt biển ra sao? Em có thấy bờ biển bên kia không? Tại sao?
2. — Quan sát hình, em so-sánh diện-tích của các đại dương và đất liền. Trong bốn đại dương, đại dương nào lớn nhất?



EM ĐỌC BÀI :

THÁI-BÌNH-DƯƠNG LÀ MỘT ĐẠI DƯƠNG

Thành, Gia, An ngồi trên bãi cát.

An nhìn ra khơi, hỏi: « Biển này là biển gì, anh? »

Thành đáp: « Đây là biển Nam-Hải.

Biển này nằm trong Thái-bình-dương.

Thái-bình-dương là một đại dương. »

Gia chạy qua hỏi Thành: « Biển lớn như vậy mà còn nằm trong Thái-bình-dương? Vậy Thái-bình-dương lớn lắm phải không anh? »

— « Phải, Thái-bình-dương lớn nhất trong các đại dương. Ngoài Thái-

bình-dương, còn có Đại-tây-dương, Ấn-độ-dương và Bắc-băng-dương.

Các đại dương này chiếm gần ba phần tư diện-tích quả địa-cầu.

Đất liền chỉ chiếm hơn một phần tư mà thôi! »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

Đại dương là gì? Em kể tên các đại dương.

Đại dương nào lớn nhất?

Phía đông, Việt-Nam giáp với biển nào?

Biển Nam-Hải nằm trong đại dương nào?

EM NHỚ :

Quả địa-cầu có bốn đại dương: Thái-bình-dương, Đại-tây-dương, Ấn-độ-dương, Bắc-băng-dương. Các đại dương chiếm gần ba phần tư diện-tích quả địa-cầu.

Bài 8. THỦY TRIỀU

EM QUAN-SÁT và SUY NGHĨ :

1.— Em có dịp ra bờ sông hay bờ rạch chơi, em quan-sát mực nước. Mực nước sông, rạch không đứng yên một chỗ. Khi nước sông hạ xuống, người ta gọi là gì ? Khi nước sông dâng lên, người ta gọi là gì ?

Nếu em có dịp ra bãi biển, em sẽ thấy mực nước biển lên xuống rõ ràng hơn. Có khi nước rút thật xa để lộ bãi cát rộng.

2.— Em quan-sát kỹ hình 1 và 2, coi có phải là cùng một cảnh không.

Có vài chỗ trong hình 1 mà ta không thấy rõ ở hình 2. Em biết tại sao không ?

EM ĐỌC BÀI :

ỦA, THUYỀN ĐÓ SAO NẸM TRÊN BÃI ?

Gia, An theo Thành ra bãi xem người ta kéo lưới. Vài chiếc thuyền nằm phơi trên cát. An ngạc-nhiên hỏi Thành :



« Ủa, thuyền đó sao nằm trên bãi vậy anh Thành ? »

Thành cười, đáp : « Đó là thuyền đánh cá.

Vì nước ròng rút xuống, nên thuyền vướng trên bãi.

Đến chiều nước lớn dâng ngập bãi, thuyền lại nổi lên. »

— « Ngộ quá, anh Gia há ? »

Gia nói : « Thì nước biển lên xuống mỗi ngày, có gì đâu mà ngộ ! »

— « Mỗi ngày nước biển lên xuống đều như vậy sao ? »

— « Vậy chớ sao, An hỏi anh hai coi ! »

Thành gật đầu, rồi hỏi Gia :

« Em biết nước biển lên xuống như thế gọi là gì không ? »

— « Dạ, là thủy-triều, em còn nhớ lắm chớ anh hai ! »

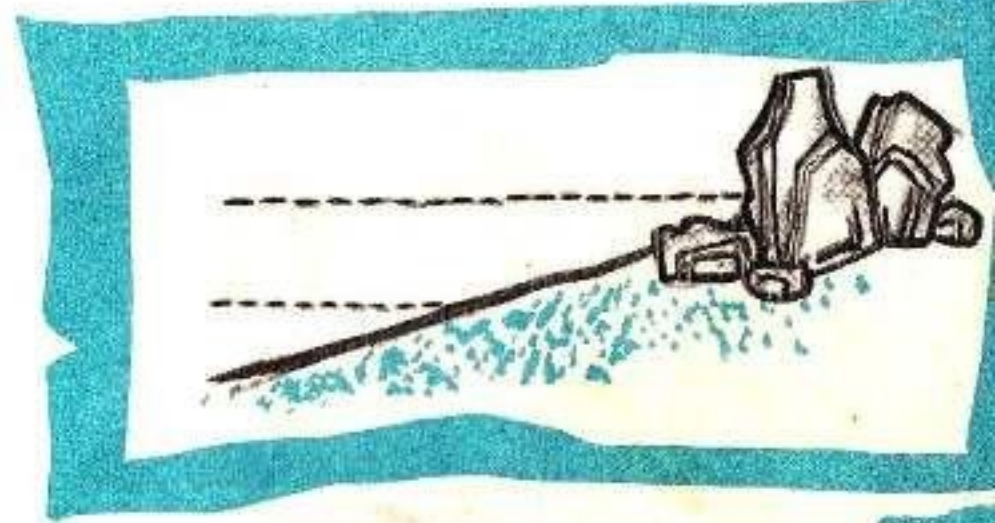
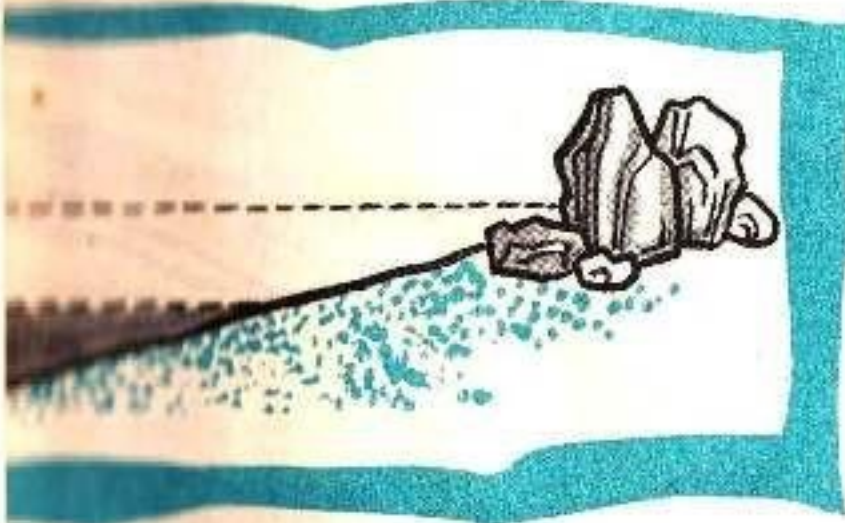
EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

— Tại sao có khi ta thấy mực nước sát bờ biển, có khi ta thấy nó rút xa ?

Nước biển lên xuống gọi là gì ?

Nước ròng là gì ?

Nước lớn là gì ?

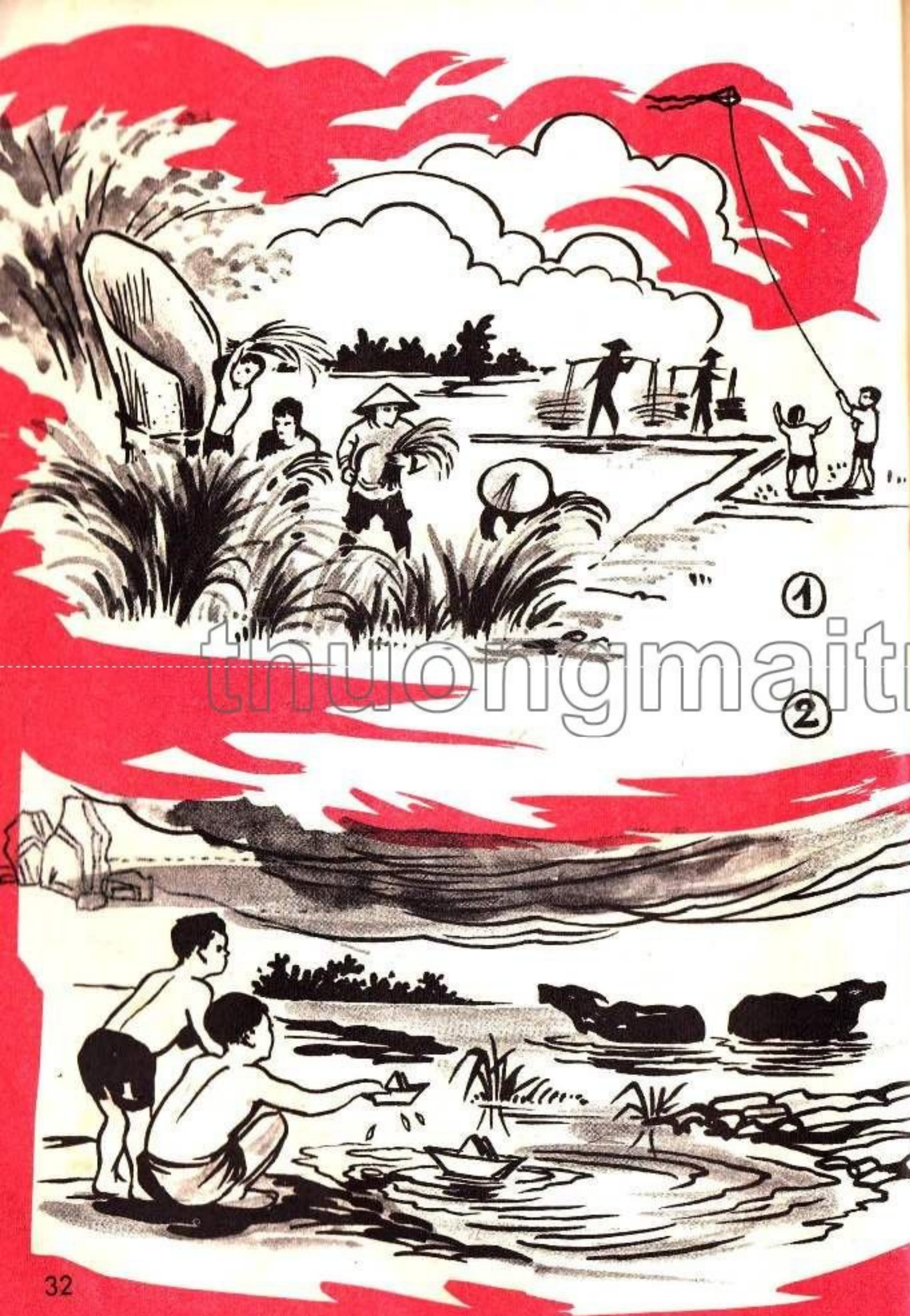


EM VẼ :

Trong hình bên cạnh, những dấu chấm chỉ mực nước lên khi nước lớn. Hình này vẽ trong lúc nước ròng. Em hãy vẽ cảnh này lúc nước lớn.

EM NHỚ :

Nước biển lên xuống gọi là thủy triều.



BÀI ÔN

EM QUAN-SÁT :

— Trong hình 1, những gì chỉ rằng đây là hình một cánh đồng về mùa nắng ?

— Trong hình 2, em thấy hai đứa trẻ cỡ tuổi em đang thả tàu giấy xuống một rãnh nước. Hai bên bờ rãnh, cây cối xanh tươi. Trên không, mây đen che kín mặt trời. Cảnh này ở vào mùa nào tại miền nam Việt-Nam ?

EM ĐIỀN VÀO CHỖ TRỎNG NHỮNG TIẾNG HỢP NGHĨA :

- Miền nam Việt-Nam có hai mùa : mùa *hạ* và mùa *đông*.
- Nước Pháp có bốn mùa : xuân, *hạ*, *thu*, *đông*.
- Quả địa-cầu có bốn đại-dương : *Châu*, *Âm*, *Đông*, *Tây*.
Đông, *Âm*, *Đông*, *Tây*.

EM TRẢ LỜI :

- Hôm nay là ngày mấy, tháng mấy dương-lịch ?
- Tính theo âm-lịch, ngày nay là ngày mấy, tháng mấy ?
- Âm-lịch là gì ?
- Dương-lịch là gì ?
- Trong ngày, lúc nào mặt trời nóng bức hơn hết ? Lúc ấy, mặt trời ở đâu ?
- Tại sao ban đêm em không thấy mặt trời ?

thuongmaitruongxua.vn

CHƯƠNG II

Bài 9. BẮC CỰC, NAM CỰC



EM QUAN-SÁT :

1.— Trong phần thực hành của bài 1, em đã nắn 1 viên đạn bằng đất sét và dùng kim gút ghim xuyên qua ngay chính giữa, để có thể xoay viên đạn như quả địa-cầu. Cây kim ấy là cái trục (sự

thật trái đất không có trục như viên đạn của em, nhưng người ta tưởng tượng một cái trục để giải-thích cách xoay quanh mình của nó). Hai điểm ở viên đạn chỗ trục xuyên qua trái đất là Bắc-cực và Nam-cực.

2.— Quan sát hình 1, em có thấy cây-cối hay đất không? Vậy, em thấy gì? Hình này chụp giữa mùa hè đấy! Em có nhận ra các con vật gì trong cảnh này không?

3.— Quan sát hình 2, em thấy gì? Hình 2 khác với hình 1 thế nào?



EM ĐỌC BÀI :

BẮC CỰC VÀ NAM CỰC

An tiếp-tục dùng ngón trỏ đẩy cho quả địa-cầu xoay tròn.

Gia chăm-chú nhìn theo rồi nói : « Á ngộ ! Trái đất xoay mà phía trên và phía dưới không thấy động-dậy. »

An hỏi : « Chỗ nào, anh ? »

Gia vừa lấy tay chỉ vừa nói : « Chỗ hai đầu trục tiếp giáp quả địa-cầu đây này. »

Thành xen vào : « Đố hai em, hai điểm ấy gọi là gì ? »

Thấy hai em không đáp được, Thành tiếp :

« Hai điểm đó là Bắc-cực và Nam-cực. »

Anh sáng mặt trời chỉ rọi xiên xiên vào hai miền ấy.

Mỗi năm có mặt trời suốt ngày đêm liên-tiếp trong ba tháng.

Tuyết phủ quanh năm, Bắc-cực và Nam-cực lạnh không thể tả được. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

Bắc-cực ở về miền nào của trái đất? Nam-cực ở đâu?

Tại sao ở Nam-cực và Bắc-cực khí-hậu lạnh quanh năm?

Mùa hè ở Bắc-cực có mấy tháng? Mùa đông kéo dài bao lâu?

Nếu có mặt trời là ngày, thì một ngày ở Bắc-cực dài bao lâu? Đêm dài bao lâu?

EM NHỚ :

Chỗ hai đầu trục tiếp giáp quả địa-cầu là Bắc-cực và Nam-cực. Quanh năm bị tuyết phủ, Bắc-cực và Nam-cực lạnh lắm.

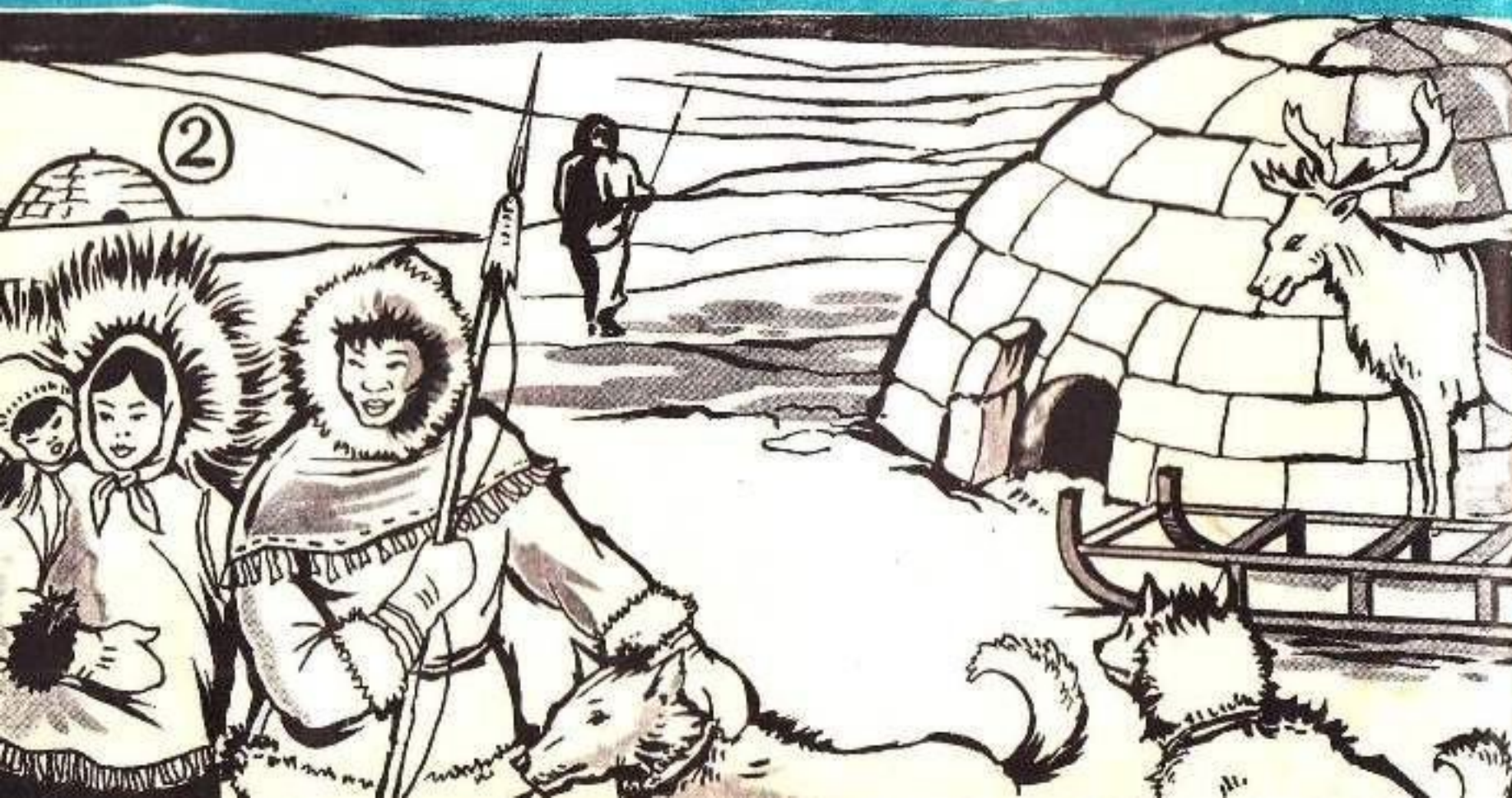




Bài 10. ĐỜI SỐNG Ở BẮC CỰC VÀ NAM CỰC

EM QUAN-SÁT và SUY-LUẬN :

1.— Quan-sát hình 1 : đây là cảnh Nam-cực, tuyết phủ mặt đất và một phần mặt biển. Phía mặt có 2 con thú gì ? Ngay giữa và bên trái có mấy con hải-cẩu ? Phía sau có bầy chim biển. Đàng xa, bên trái, em thấy gì ?



2.— Quan-sát hình 2 : đây là cảnh miền Bắc-cực, cảnh gia-đình người Et-ki-mô sống ở miền này. Gia-đình này có mấy người ? Quần áo họ ra sao ? Tay mặt người đàn ông cầm một cây lao dùng để đâm cá. Tay trái sờ đầu con gì ? Ông ta có vẻ thương mấy con chó lắm. Em có biết tại sao không ? Em có biết tên con thú đứng ở phía mặt, cạnh cái xe trượt tuyết không ? Đó là con nai chà. Em thử đoán người Et-ki-mô nuôi nai để làm gì ? Phía sau con nai là cái nhà xây bằng nước đá của người miền



Bắc-cực. Em có thấy cửa sổ không ? Người ta ra vào tại chỗ nào ? Ở Việt-Nam, tại sao người ta không xây nhà thấp và kín như nhà này ?

3.— Trong hình 3, em thấy phía trái một người Et-ki-mô ngồi trong một chiếc thuyền bằng da hải cẩu. Người ấy đi đánh cá. Phía mặt có hai người thợ săn hải-cẩu. Con thú này rất cần cho đời sống người Et-ki-mô, thịt để ăn, mỡ để đốt, da để lợp lều, bọc thuyền, làm quần áo để bán.

EM ĐỌC BÀI :

HỌ SỐNG CÁCH NÀO ?

Nghe Thành nói Bắc-cực, Nam-cực quanh năm tuyết phủ, Gia hỏi :
« Tại đó có ai ở không, anh Thành ? »

Thành đáp : « Miền Bắc-cực có người ở. Đó là dân Êt-ki-mô.

Còn Nam-cực không có người. »

— « Người Êt-ki-mô sống cách nào, anh há ? »

— « Họ chuyên nghề săn bắn và đánh cá. »

An nhìn Thành, tỏ vẻ ngạc-nhiên : « Lạnh như vậy mà cũng có thú ở nữa sao anh ? »

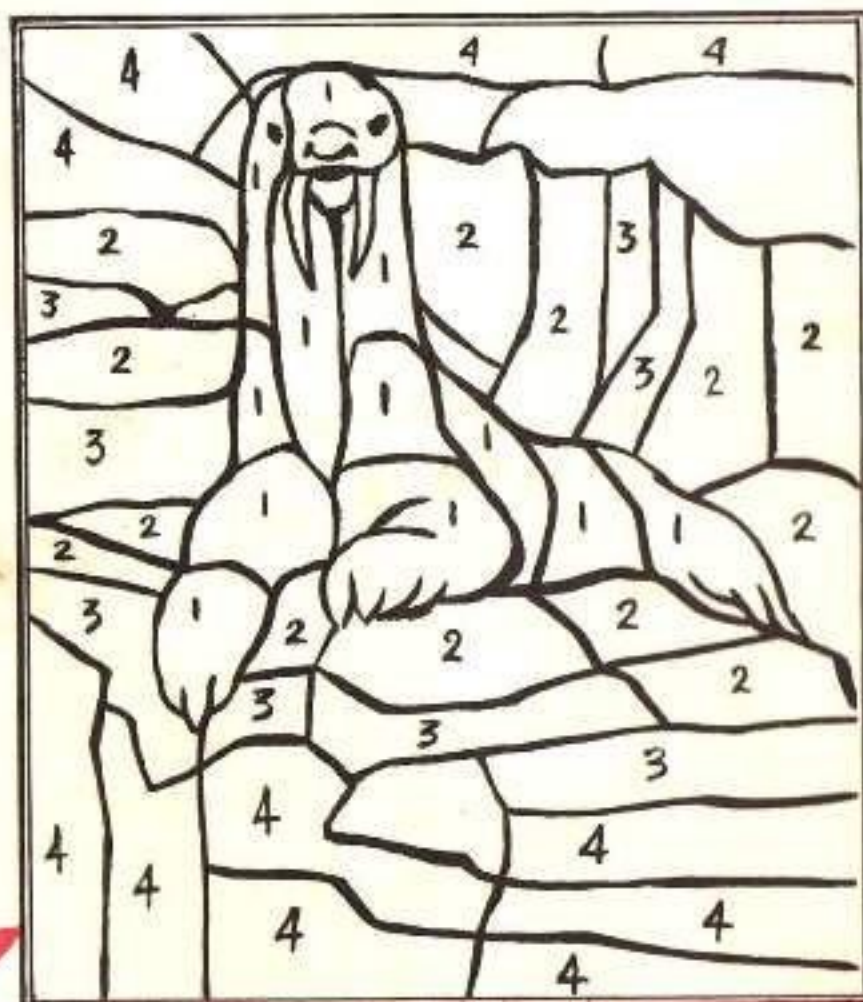
— « Ở hai cực đều có nhiều hải-cẩu, chồn, gấu trắng.

Riêng ở Nam-cực còn có chim biển nữa. »

— « Nước biển đóng thành băng mà cũng có cá nữa sao anh ? »

— « Có chứ. Mặt biển băng phủ, nhưng phía dưới có nước nên cá vẫn ở được. Nhiều như là cá thu, cá voi... »

EM TÔ MÀU :



EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

— Tại sao người Êt-ki-mô không cày cấy để có lúa gạo ăn ?

— Tại sao họ ít dùng gỗ ?

— Người Êt-ki-mô sinh sống cách nào ?

— Hải-cẩu ích-lợi thế nào đối với họ ?

EM NHỚ :

Người Êt-ki-mô sinh sống trên miền Bắc-cực. Mùa hè họ đi đánh cá và mùa đông họ săn thú.





Bài 11. XÍCH-ĐẠO

EM QUAN-SÁT và SUY-LUẬN :

1. Em quan-sát hình quả địa-cầu vẽ bên trái. Em chỉ và đọc tên đường đỏ giữa quả địa-cầu. Em dùng một sợi chỉ đo từ điểm x ghi trên xích-đạo tới Bắc và Nam-cực. Từ xích-đạo đến Bắc-cực xa hay gần hơn đến Nam-cực ?
2. Em đã biết Bắc-cực lạnh quanh năm vì mặt trời lúc nào cũng rơi xiên xiên vào miền ấy. Các vùng gần xích-đạo quanh năm nóng bức, em thử đoán tại sao.

EM ĐỌC BÀI :

TRỜI NÓNG QUÁ !

« Trời nóng quá ! Em mới tắm lên mà mồ-hôi đã ra ướt mình. »

Gia vừa nói vừa mở nút, cởi áo.

Thành nhìn em, mỉm cười : « Đố em tại sao xứ mình nóng quanh năm ? »

Thấy Gia áp-úng, Thành tiếp : « Xứ ta ở gần xích-đạo, mặt trời chiếu thẳng xuống nên nóng quanh năm. »

An xen vào hỏi : « Xích-đạo là gì, anh Thành há ? »

Thành vói lên bàn viết, lấy quả địa-cầu cầm trên tay.

Đoạn, anh vừa chỉ vừa giảng-giải : « Xích-đạo là đường vòng quanh quả địa-cầu đây nè ! »



An thắc-mắc : « Trên trái đất mình đang sống đây có một đường như vậy phải không anh ? »

Thành cười : « Xích-đạo chỉ là một đường tưởng-tượng do người ta đặt ra. Xích-đạo chia quả địa-cầu ra làm hai phần bằng nhau. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

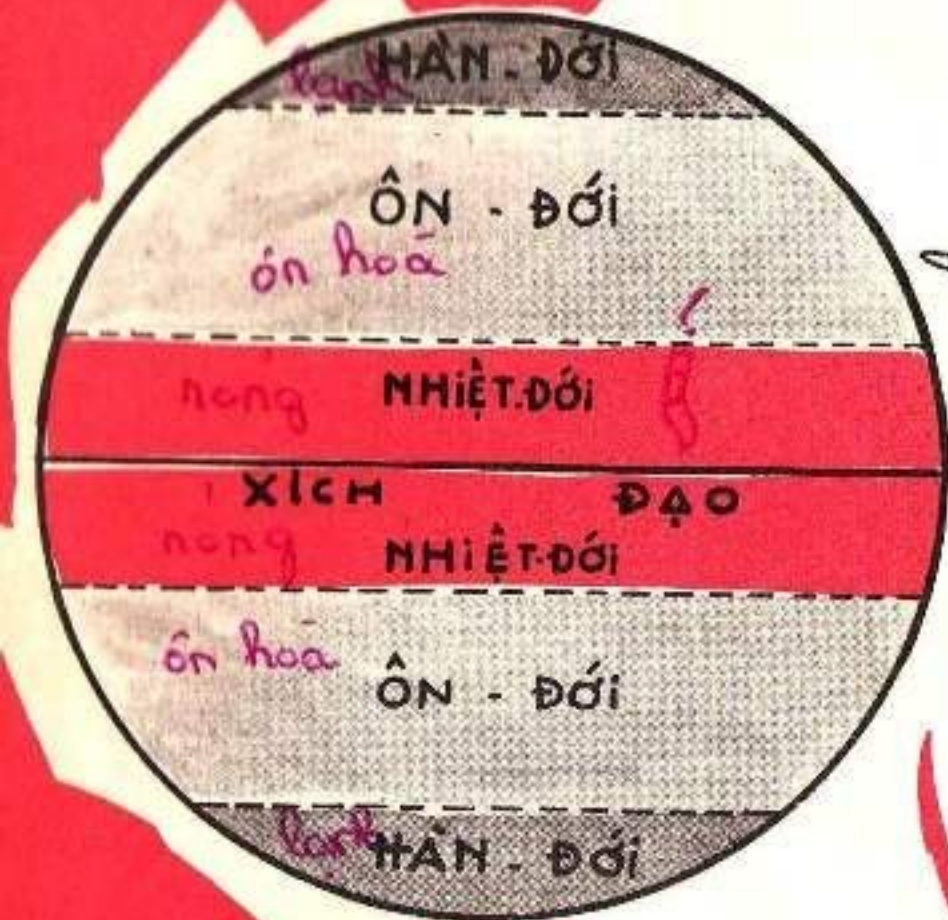
- Tại sao miền Nam Việt-Nam nóng quanh năm ?
- Xích-đạo là gì ?
- Xích-đạo chia quả địa-cầu ra làm mấy phần ?

EM NẪN VÀ VẼ :

Em dùng đất sét nắn quả địa-cầu bằng trái cam, rồi vẽ một đường đỏ vòng quanh để làm xích-đạo.

EM NHỚ :

Xích-đạo là một đường người ta tưởng-tượng ra. Xích-đạo chạy vòng quanh quả địa-cầu. Xích-đạo chia trái đất ra hai phần bằng nhau. Những vùng gần xích-đạo quanh năm nóng-bức.



Bài 12. BẮC BÁN-CẦU, NAM BÁN-CẦU

EM QUAN-SÁT và SUY-LUẬN :

1.— Em đã biết xích-đạo chia quả địa-cầu ra làm hai phần bằng nhau. Phân nửa phía trên (phía bắc) gọi là Bắc bán-cầu. Phân nửa phía dưới (phía nam) gọi là gì ?

2.— Người ta chia mỗi bán-cầu ra làm ba vùng khí-hậu khác nhau. Em quan-sát hình vẽ địa-cầu bên trái và đọc tên các miền khí-hậu từ xích-đạo đến Bắc-cực và từ xích-đạo đến Nam-cực.

a) — Vùng ở hai bên xích-đạo khí-hậu nóng quanh năm. Vùng ấy gọi là gì ?

b) — Trên, dưới miền nhiệt-đới là hai miền gì ? Miền ôn-đới khí-hậu ôn-hòa mát-mẽ.

c) — Hai miền xa xích-đạo nhất là miền gì ? Khí-hậu miền hàn-đới (Nam-cực và Bắc-cực) ra sao ?

EM ĐỌC BÀI :

HAI PHẦN CỦA QUẢ ĐỊA-CẦU

Gia nhìn phía trên quả địa-cầu, đọc nho-nhỏ trong miệng, rồi hỏi :

« Bắc bán-cầu là gì, anh Thành ? »

Thành lấy ngón tay trỏ, chỉ giáp vòng phía trên xích-đạo, nói :

« Bắc bán-cầu đây ! Bắc bán-cầu là phân nửa quả địa-cầu ở phía trên tức là phía bắc. Còn Nam bán-cầu là gì, em biết không ? »

— « Là phân nửa địa-cầu về phía nam, phải không anh ? »

Thành gật đầu, tiếp : « Mỗi bán-cầu có ba vùng khí-hậu.

Hai bên xích đạo là hai miền nhiệt-đới, nóng quanh năm. Trên và dưới miền nhiệt đới có hai miền mát-mẽ, khí-hậu ôn-hòa. Đó là hai miền ôn-đới.

Bắc và Nam-cực thuộc về miền hàn-đới, lạnh quanh năm. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

Em nhìn quả địa-cầu trên đây và cho biết :

— Việt-Nam nằm trên bán-cầu nào ?

— Nhựt-bôn thuộc miền nào ?

— Nam-cực nằm trên bán-cầu nào ? Thuộc miền khí-hậu nào ?

— Bắc bán-cầu chạy dài từ đâu đến đâu ? Nam bán-cầu ?

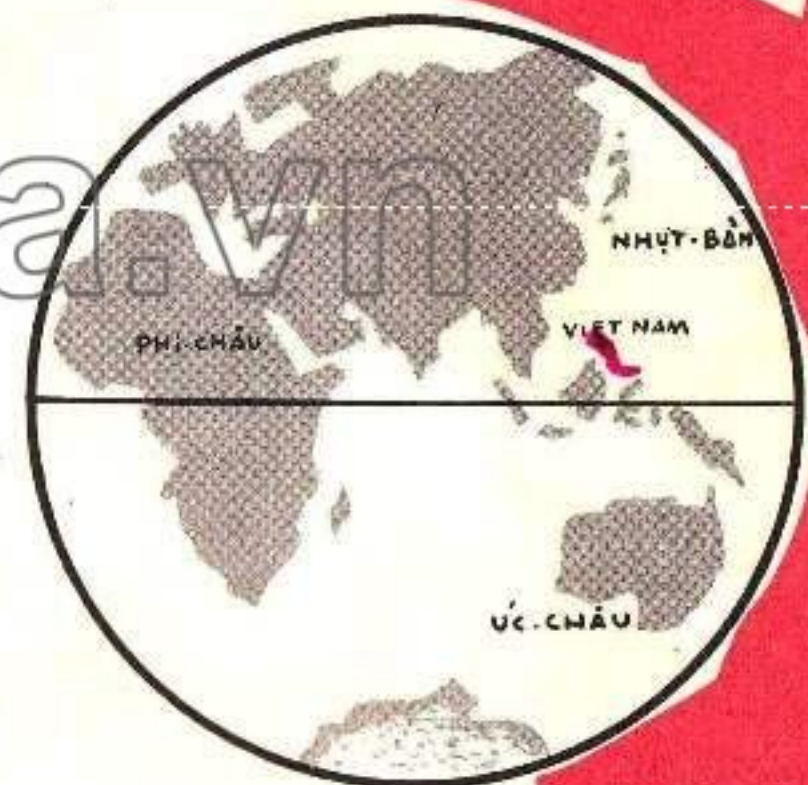
— Bán cầu nào có nhiều đất nổi lên ?

EM VẼ :

Quả địa-cầu với các miền khí-hậu.

EM NHỚ :

Xích-đạo chia quả địa-cầu ra hai phần bằng nhau : Bắc bán-cầu và Nam bán-cầu. Mỗi bán cầu có ba miền khí-hậu.





Bài 13. ĐỜI SỐNG Ở MIỀN NHIỆT-ĐỚI : SA MẠC

①

EM QUAN-SÁT và SUY-LUẬN :

1. — Quan-sát hình 1, em thấy một đồng cát mênh-mông. Trên đó có nhà cửa không ? Có đồng ruộng sông ngòi gì không ? Có làng mạc rừng núi gì không ? Tại sao em không thấy một bóng cây hay một ngọn cỏ ? Đoàn người trong hình là đoàn du-mục. Em đếm coi đoàn ấy có mấy người ? Họ ăn mặc cách nào ? Y-phục màu gì ? Họ dẫn theo bao nhiêu lạc-đà ? Trên lưng các con lạc-đà có gì ? Cảnh này là cảnh ban đêm hay ban ngày ? Tại sao họ đi ban đêm ?

②



2 — Hình 2 là một vùng có nước và có cây cối trong sa-mạc Sahara. Em nhìn kỹ loại cây có một chùm lá dài trên ngọn. Đó là những cây thốt-nốt và chà-là. Dưới bóng những cây ấy người ta có thể trồng những cây cam, chanh, đậu. Nhưng những vùng có nước như vậy cách nhau rất xa. Người A-rập thường tạm trú quanh những vùng có nước để sinh sống. Em có biết tại sao không ?

EM ĐỌC BÀI :

SA-MẠC

Thành lấy ngón trỏ chỉ đường xích-đạo trên quả địa-cầu, nói :

« Những vùng ở cạnh xích-đạo, quanh năm nóng bức.

Có nơi xa biển ít mưa, không có một bóng cây, một ngọn cỏ.

Nơi đó là đồng cát rộng mênh-mông, gọi là sa-mạc. »

An hỏi : « Trong sa-mạc có người không, anh Thành ? »

— « Có, nhưng họ sống rất thưa-thớt và nay đây mai đó.

Họ tìm những nơi có nước để uống, có cỏ để nuôi thú.

Họ nuôi lạc-đà để chuyên-chở đồ-đạc, vật-thực. »

Gia thắc-mắc : « Vậy mỗi lần dời chỗ, họ phải cất nhà mới hay sao ? »

— « Họ sống trong những lều bằng da dê mà họ mang theo mỗi khi dời chỗ ở. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

Sa-mạc là gì ? Trong sa-mạc có người ở không ? Họ sống cách nào ?

— Tại sao trong sa-mạc rất hiếm cây ?

— Tại sao người ở trong sa-mạc thường dời chỗ bày thú của họ nuôi ?

— Trong sa-mạc có nhiều nơi có nước không ? Quanh những vùng có nước người ta thấy những gì ?

EM VẼ :

Một cái lều của người A-rập sống trong sa-mạc Sahara.

EM NHỚ :

Ở những vùng nhiệt-đới xa biển thường có sa-mạc.

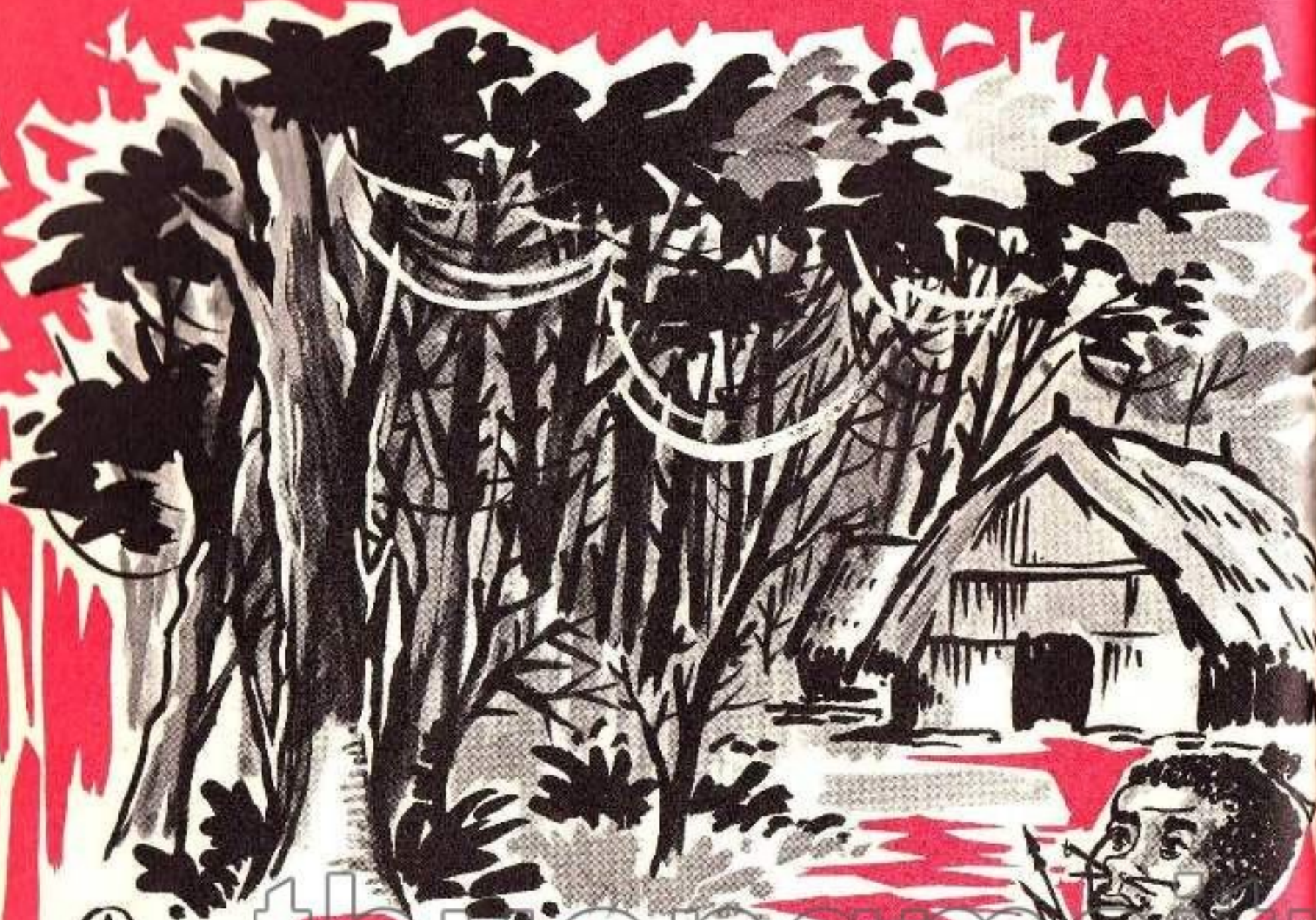
Sa-mạc là những đồng cát mênh-mông.

Trong sa-mạc nước ít, nóng bức ban ngày,

già lạnh ban đêm. Người ta nuôi lạc

đà để vận-chuyển đồ-đạc vật-thực.





①

Bài 14. ĐỜI SỐNG Ở MIỀN NHIỆT-ĐỚI: RỪNG RẬM PHI-CHÂU

EM QUAN-SÁT và SUY LUẬN :

1. — Quan-sát hình 1, hình cánh rừng miền xích-đạo, em thấy rừng này ra sao ? Cây-cối mọc thế nào ? Ở đây, khí hậu rất nóng và ẩm-thấp. Thường thường mỗi ngày đều có mưa. Người ta khó ra vào những đám rừng rậm này. Tuy-nhiên, tại đây cũng có người ở, phần đông là người chim-chích.
2. — Hình 2 : miền đồng cỏ vùng nhiệt-đới. Miền này mỗi năm có đến 6, 7 tháng không mưa, cây-cối khó sống, chỉ có rừng thưa dọc theo các con sông, ngoài ra toàn là đồng cỏ. Trong hình, có con hươu cao cổ và con sơn-dương. Đây là những con thú sống ở miền này.



EM ĐỌC BÀI :

NGƯỜI CHIM CHÍCH

- « Anh Thành ơi ! chữ này đọc sao anh ? »
 Gia từ ngoài sân chạy vào, tay cầm tờ báo đưa cho Thành xem.
 Thành cầm tờ báo lên đọc : « Bít-mê (Pygmée) »
 — « Bít-mê là gì anh ? »
 — « Là giống người nhỏ thó, không cao hơn em.
 Họ sống trong rừng sâu bên Phi-Châu.
 Ở đó, ngày cũng như đêm, khí-hậu rất nóng, nên không cần
 mặc quần áo.
 Họ không biết dệt vải, chỉ đóng khố bằng lá cây. »
 — « Tiếng Việt, có tên gọi những người ấy
 không anh ? »
 — « Có chứ, ta gọi họ là chim-chích. »
 — « Báo nói họ ăn sống rắn rít,
 sâu bọ. Có thật vậy không anh ? »
 Thành gật đầu rồi tiếp : « Đúng !
 họ ăn thịt, cá sống, trái và rễ cây. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

- Tại sao miền xích-đạo có nhiều
 rừng rậm ?

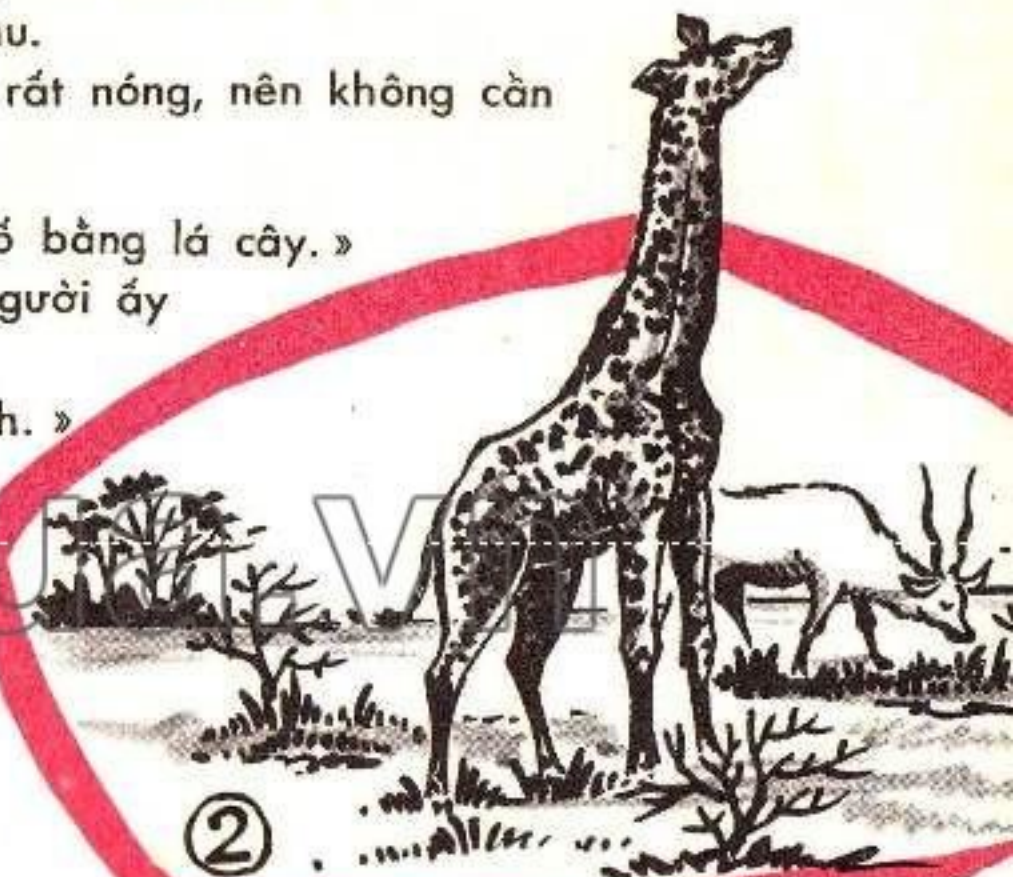
- Tại sao người chim-chích không mặc quần áo ? Họ ăn gì ?
 — Em có thích dùng những thức ăn như họ không ? Tại sao ?

EM VẼ :

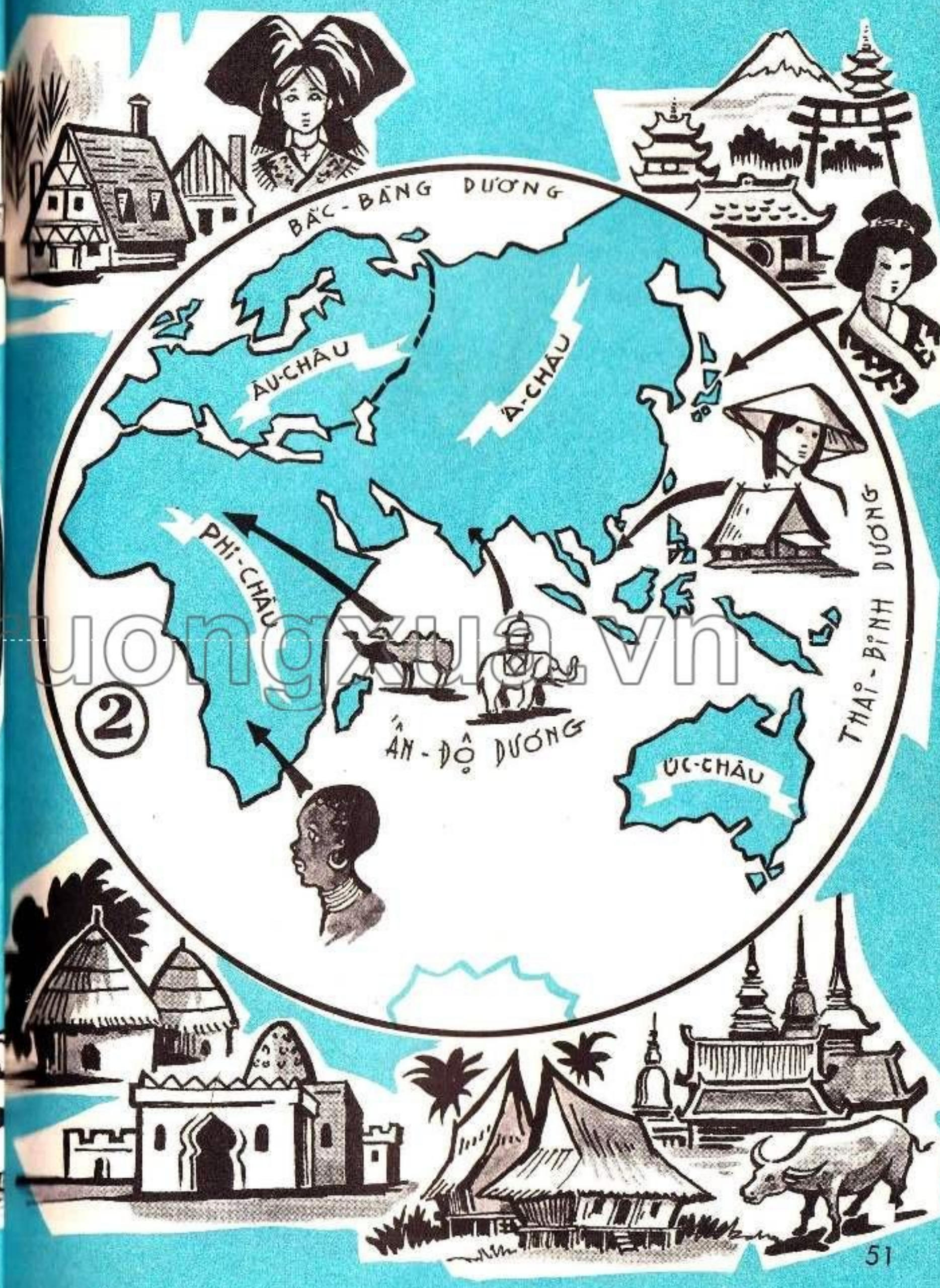
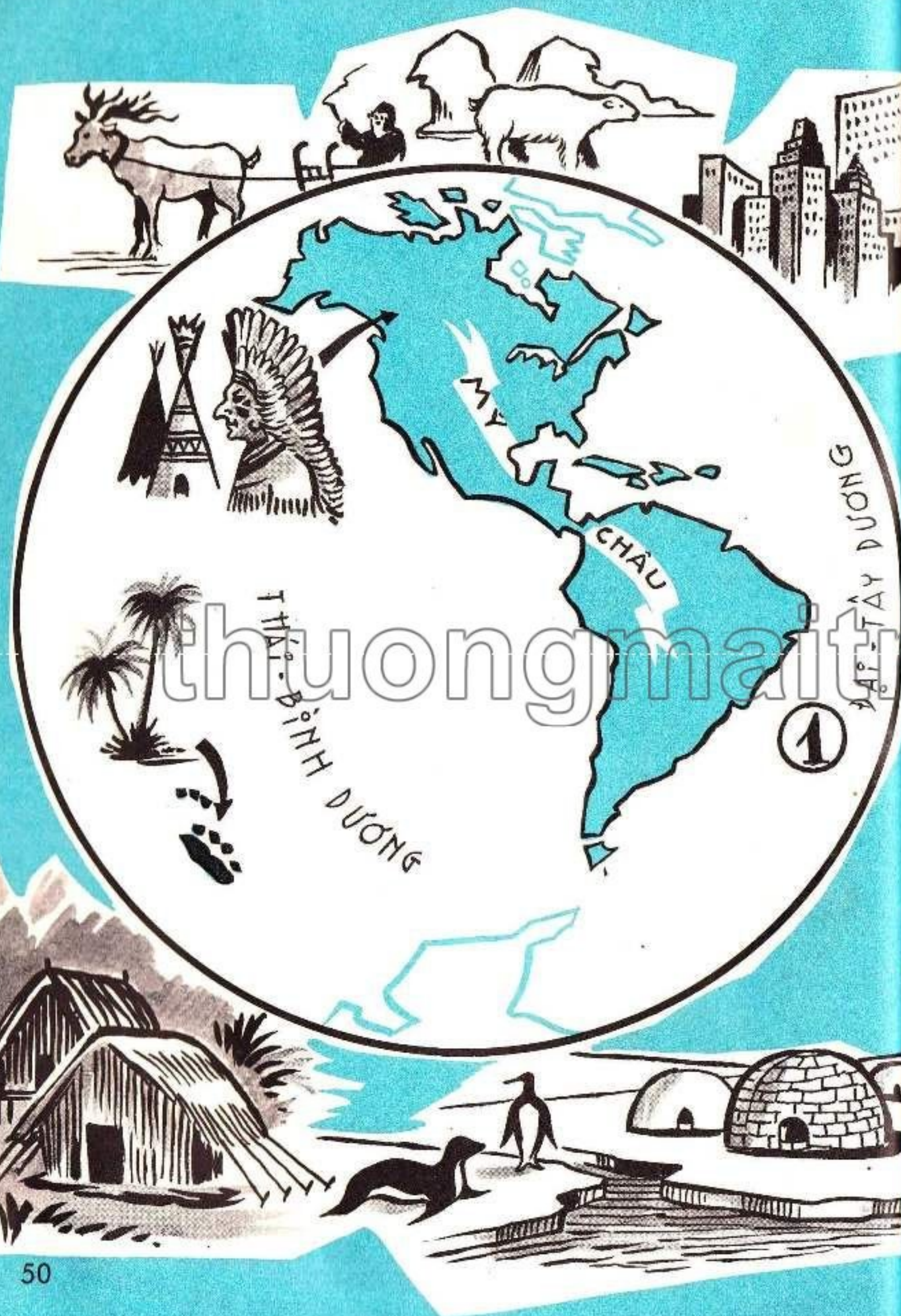
Chòi của người chim-chích.

EM NHỚ :

Người chim-chích sống trong vùng rừng-rậm, miền xích-đạo Phi Châu. Ở đó, khí-hậu rất nóng và ẩm-thấp.
 Người chim-chích thân hình nhỏ bé. Họ không mặc quần áo, chỉ đóng khố bằng lá cây. Họ ăn thịt, cá sống, trái và rễ cây.



②



Bài 15. LỤC-ĐỊA – NGŨ-CHÂU

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

1.— Hình 1 là Tây bán-cầu. Hình 2 là Đông bán-cầu. Em đọc tên các châu ở Đông bán-cầu. Các châu ấy dính liền với nhau không ?

Tại Tây bán-cầu có châu gì ? Kể các đại-dương quanh các châu ở Đông bán-cầu. Phần nhiều các châu nằm trên Đông hay Tây bán-cầu ?

2.— Nơi góc hai hình trên có các kiểu nhà trên thế-giới, các kiểu nhà này có giống nhau không ? Khác nhau chỗ nào ? Kể tên các con thú em nhận thấy trên bản-đồ (khởi đầu từ Bắc-cực).

3.— Em đã biết các đại-dương chiếm gần ba phần tư diện-tích trái đất. Vậy đất liền (lục-địa) chiếm mấy phần tư diện-tích ?

Trong năm Châu thì Châu-Á rộng hơn cả, kế đến Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Âu, Châu Úc. Trong năm châu có bốn giống người khác nhau về màu da. Người da trắng ở Châu Âu, Mỹ và Úc. Người da vàng ở Châu Á. Người da đen ở Châu Phi. Người da đỏ còn một ít ở Châu Mỹ.

EM ĐỌC BÀI :

TÂY BÁN-CẦU, ĐÔNG BÁN-CẦU

Thành dất Gia và An ra bãi biển chơi. Gia nhìn ra biển hỏi :

“ Em nghe nói rằng ông Kha-luân-bố vượt biển tìm ra Tân thế-giới, phải không anh ? ”

Thành gật đầu. An xen vào hỏi :

“ Tân thế-giới là gì và ở đâu, anh ? ”

Thành đáp : “ Tân thế-giới là Mỹ-Châu nằm gọn trong Tây bán-cầu. ”

Các Châu khác như Châu Á, Châu Phi, Châu Âu, Châu Úc nằm ở Đông bán-cầu. ”

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

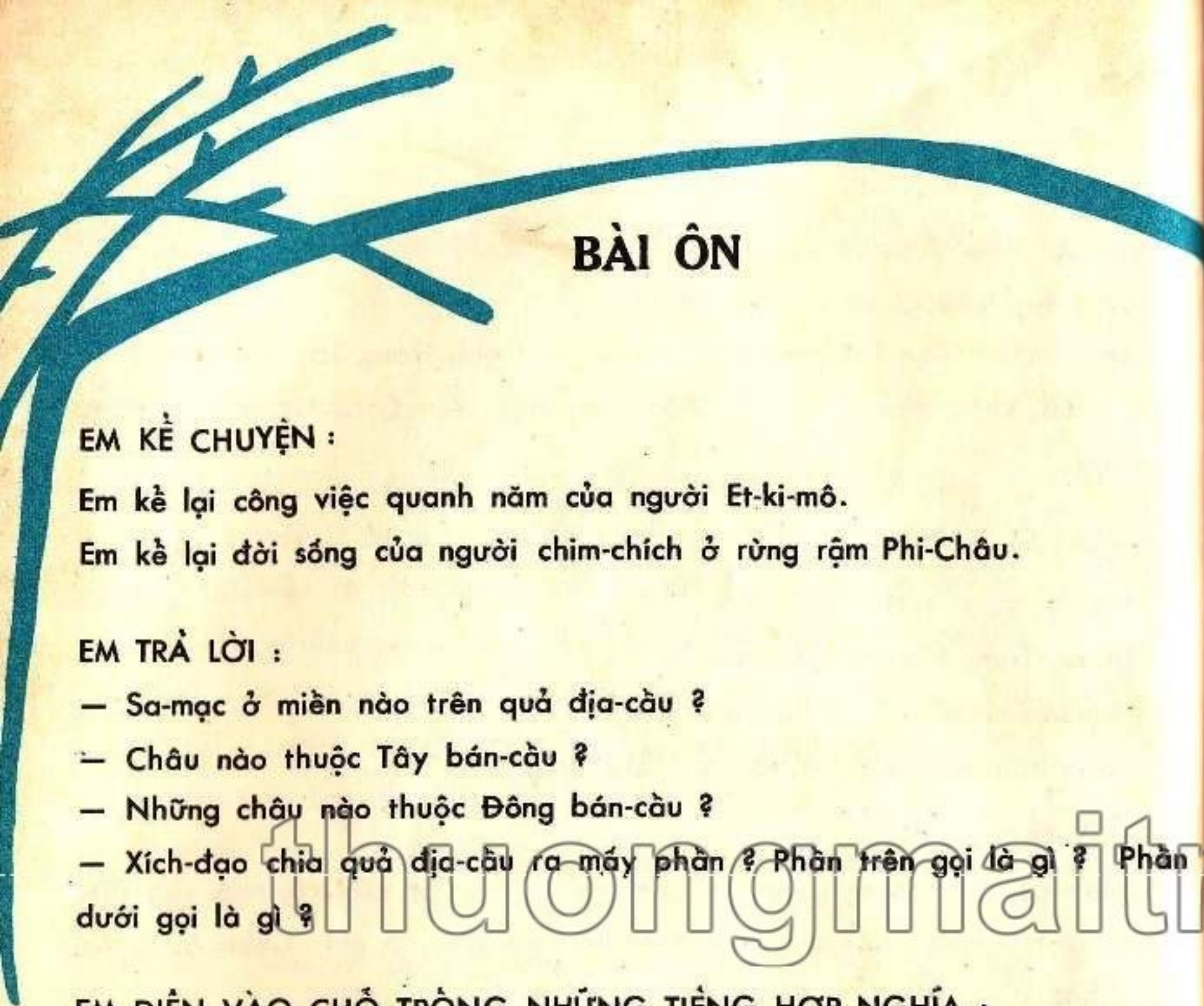
- Người Pháp ở châu nào ?
- Người Trung-Hoa ở châu nào ?
- Người Chim-Chích ở châu nào ?
- Châu nào lớn nhất ? Châu nào nhỏ nhất ?

EM SƯU-TẦM :

Em cùng các bạn trong toán tìm hình người, thú vật, cây cỏ, nhà cửa đặc biệt cho mỗi châu. Các em dán vào năm tờ giấy có ghi : Châu Á, Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Âu, Châu Úc.

EM NHỚ :

Đất liền hay lục-địa chiếm trên một phần tư diện-tích địa-cầu. Lục-địa chia ra năm châu Châu Á, Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Âu, Châu Úc. Châu Mỹ ở Tây bán cầu. Các Châu khác ở Đông bán cầu.



BÀI ÔN

EM KỂ CHUYỆN :

Em kể lại công việc quanh năm của người Et-ki-mô.

Em kể lại đời sống của người chim-chích ở rừng rậm Phi-Châu.

EM TRẢ LỜI :

— Sa-mạc ở miền nào trên quả địa-cầu ?

— Châu nào thuộc Tây bán-cầu ?

— Những châu nào thuộc Đông bán-cầu ?

— Xích-đạo chia quả địa-cầu ra mấy phần ? Phần trên gọi là gì ? Phần dưới gọi là gì ?

CHƯƠNG III

EM ĐIỀN VÀO CHỖ TRỎNG NHỮNG TIẾNG HỢP NGHĨA :

Những đồng cát mênh mông ở miền nhiệt-đới gọi là Trong sa-mạc người ta nuôi để vận chuyển đồ-đạc, vật-thực. Quanh năm bị tuyết phủ, Bắc và Nam lạnh lắm.

EM VẼ :

Em vẽ quả địa-cầu và đường xích-đạo rồi ghi : Nam-cực, Bắc-cực.



Bài 16. XÃ (LÀNG)

EM QUAN-SÁT:

1.— Quan-sát hình trong bài, em đếm xem có bao nhiêu nhà? Có nhà lâu nhiều từng không? Nhà lớn nhất ở phía sau cùng là gì? Trường học ở chỗ nào? Nhà cạnh bên trường học là nhà gì? Có tiệm buôn lớn không? Em tưởng-tượng xem trong tiệm buôn đó người ta bán những gì? Có nhiều bộ hành đi trên các đường trong làng không? Có nhiều xe cộ không? Chỗ người ta đang tụ-hợp đông-đảo đó là gì?

2.— Làng em gọi là làng gì? Trong làng em, chỗ nào dân-chúng ở đông nhất? Chỗ nào dân-chúng ở rải-rác? Trong làng em dân-số được bao nhiêu? Họ sống về nghề gì nhiều nhất? Ngoài nghề làm ruộng làm vườn, họ còn làm nghề gì nữa? Muốn đến làng em, phải đi cách nào? Có nhiều xe đò và xe du lịch đi ngang qua làng em không? Trong làng em có đèn điện không?

EM ĐỌC BÀI:

LÀNG MỸ-PHƯỚC

Chiếc xe đò đỗ cạnh chợ Mỹ-phước.

An vừa xuống xe vừa nói: «Tới chợ làng rồi, anh Gia ơi!

Kìa! nhà to nhất là đình làng.

Bên mặt là trụ-sở hành-chánh xã; bên trái là trường học.

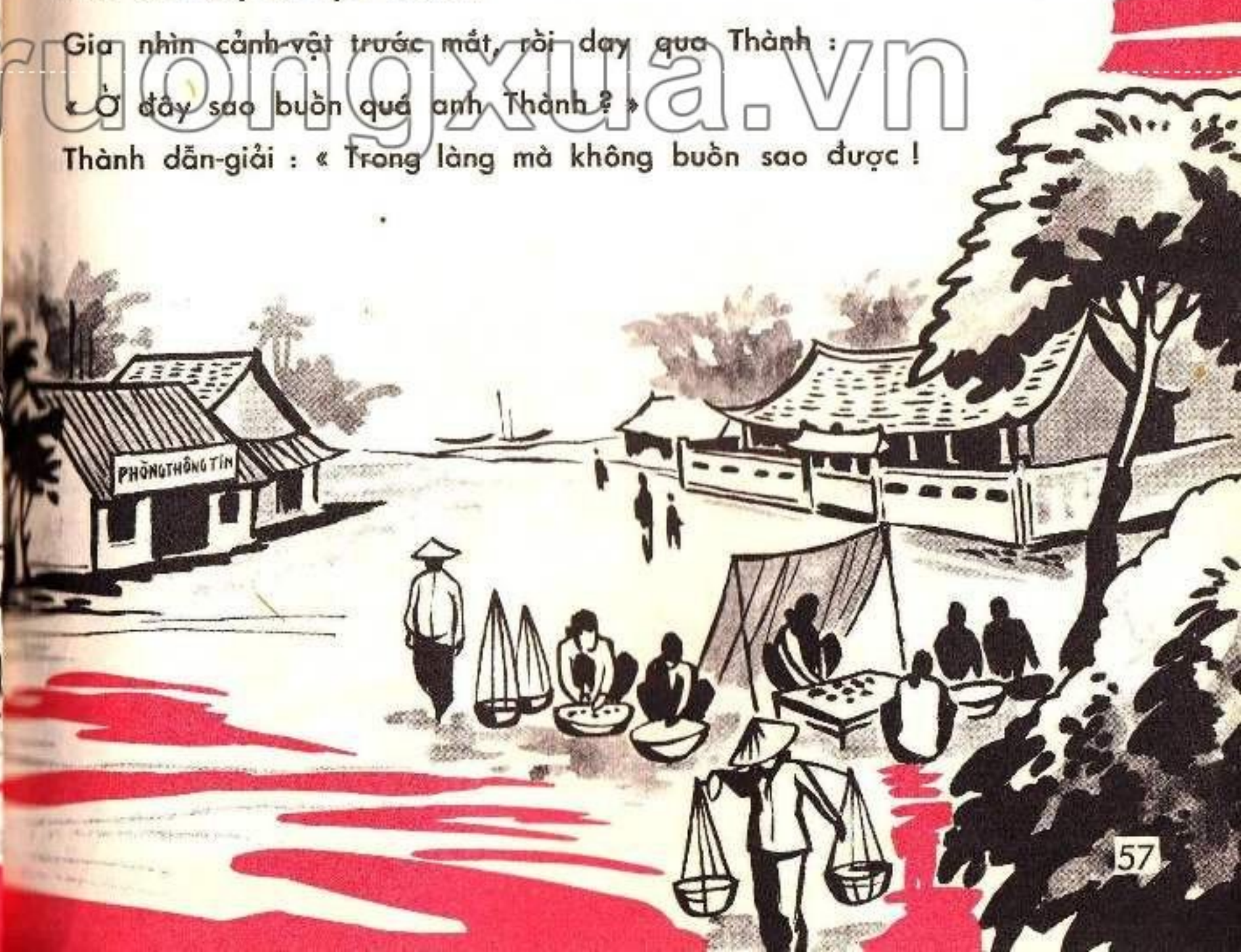
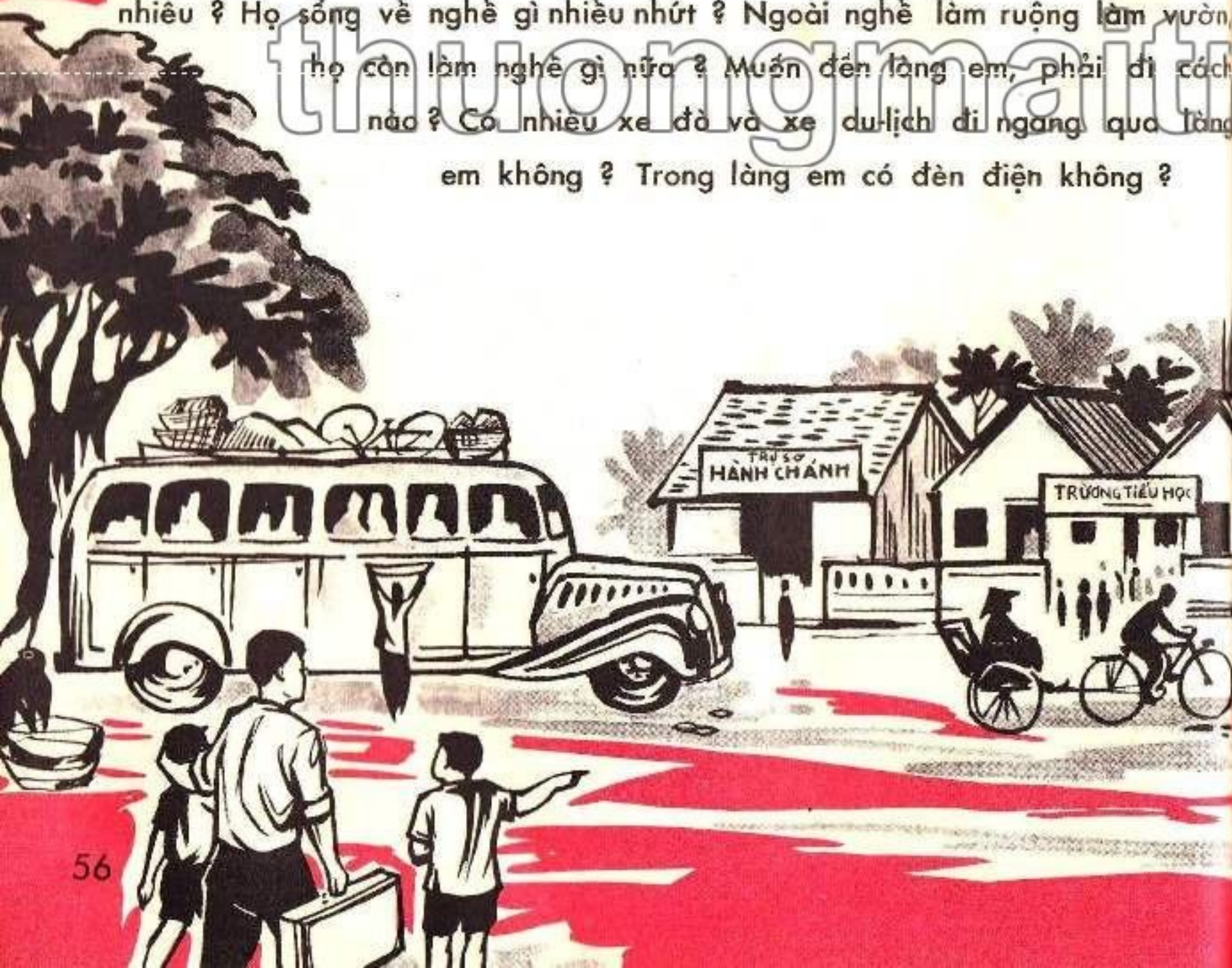
Cạnh trường học là phòng thông-tin.

Phía sau chợ là tiệm buôn.»

Gia nhìn cảnh vật trước mắt, rồi dạy qua Thành:

«Ở đây sao buồn quá anh Thành?»

Thành dẫn-giải: «Trong làng mà không buồn sao được!



Dân chúng ở rải-rác trong các xóm.

Chỉ có một số người tụ-hợp tại chợ để buôn bán.

Còn đường xe chạy được thì chỉ có đường đá này mà thôi ! »

An xen vào : « Thôi, hai anh ơi !

Mình qua bên kia sông để về nhà.

Gặp nội, chắc Gia sẽ hết buồn ! »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

— Tại sao dân-chúng trong làng ở rải-rác ?

— Trong làng có những công-sở nào ?

— Trong làng dân-chúng sống đông đông-đảo tại nơi nào ? Tại sao ?

EM NHỚ :

Trong làng dân-chúng ở rải-rác. Phần đông sống về nghề nông. Làng nào cũng có một trụ-sở hành-chánh xã, một trường học, một đình làng.

EM HÁT :

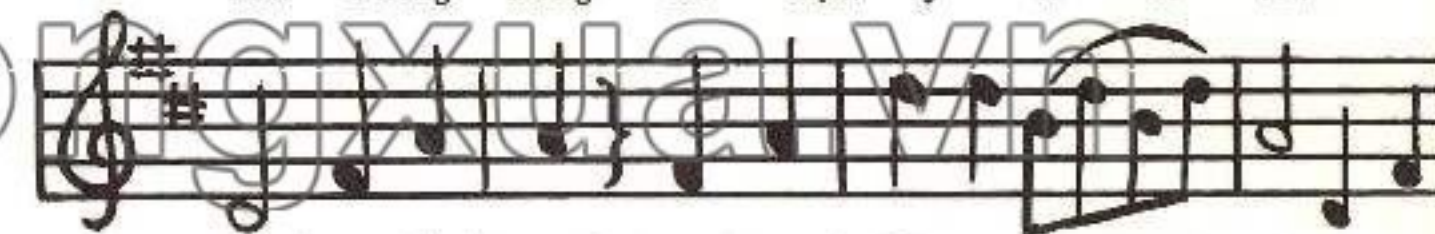
Làng em



Làng em đây nằm trên bèn Cừu - Long
(Làng em) đây chợ công sở đứng hai



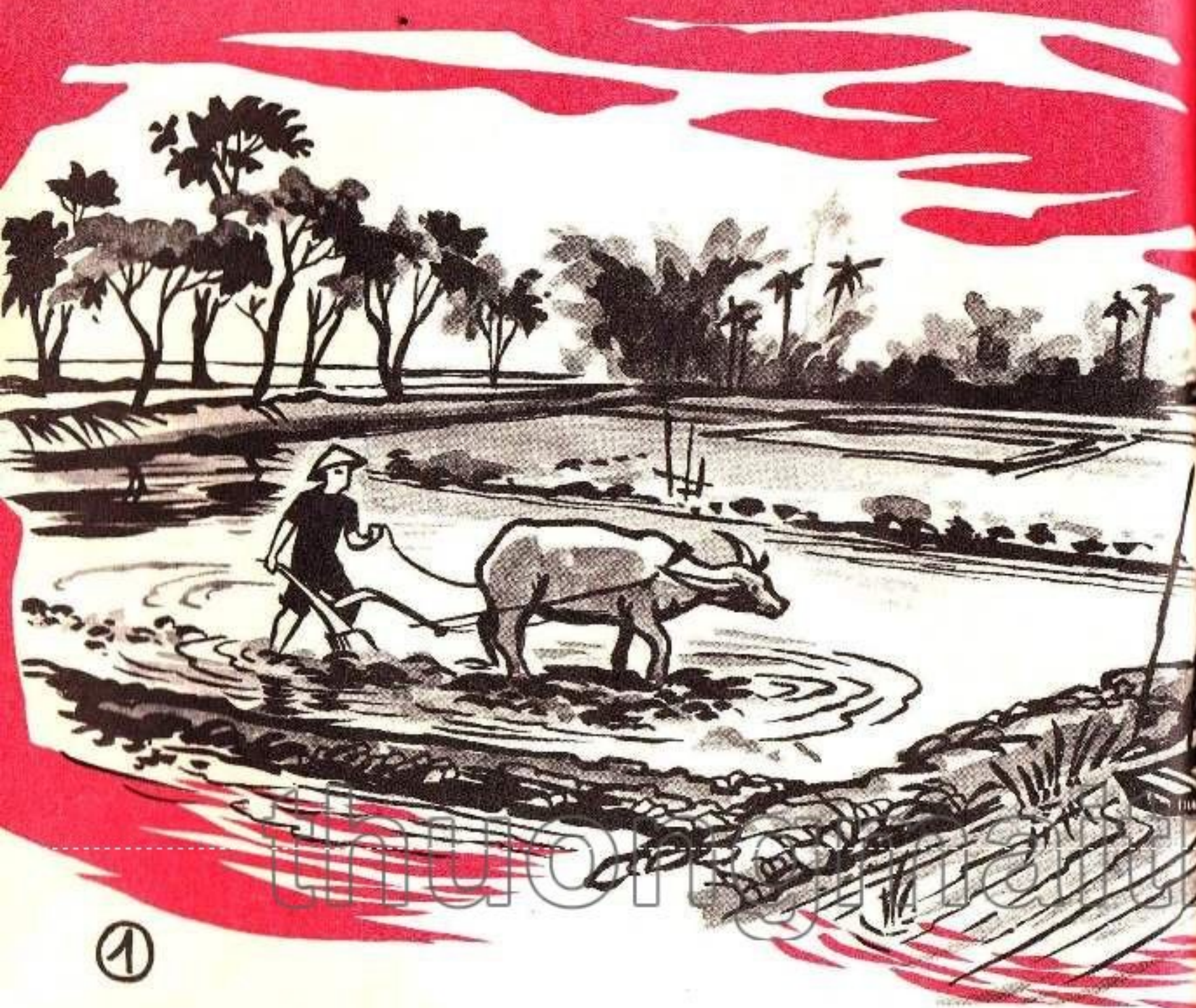
giang Đồng mênh mông vườn cây lắm trái thơm
bến. Phòng thông tin trạm y - tế kẻ bến



lành người dân quê cây sâu cuốc bằm quanh năm cùng chung
đình. Trường em đây ngày hai buổi trẻ nô đùa. Đời vui



xây đời no ấm và tự do. Làng em.
tươi lừng vang khúc nhạc âu ca.



①

Bài 17. ĐỜI SỐNG TRONG LÀNG Ở MIỀN ĐỒNG BẰNG VIỆT-NAM

EM QUAN-SÁT và SUY-LUẬN :

1.— Quan-sát hình 1, em thấy một cánh đồng ngập nước mênh-mông. Giữa đồng, một bác nông-phu đang đánh trâu cày ruộng. Bên trái, có một con đường với hai hàng cây dọc theo lề. Bên mặt, có một con rạch. Mực nước lên cao, nước chảy lờ-dờ.

2.— Trong hình 2, nhiều người thợ đang cấy lúa. Họ ăn-mặc thế nào ? Họ cầm vật gì trên tay ? Trước mặt họ, em thấy những gì ? Muốn cấy lúa,

phải cần có nhiều thợ. Tại sao vậy ?

3.— Hình 3 là cảnh một cánh đồng trong mùa gặt. Những người thợ gặt ăn mặc thế nào ? Tại sao thợ gặt cần mặc áo dài tay ? Họ cắt lúa bằng vật gì ? Gặt xong, họ còn phải làm gì nữa để có lúa hạt ?

EM ĐỌC BÀI :

CHỪNG NÀO LÚA TRỎ BÔNG ?

Gia, An cỡi xe đạp theo Thành đi dạo mát.

Họ đến giữa đồng, ba anh em dừng xe, ngồi trên lề đường.

Gia nhìn qua cánh đồng bên mặt, hỏi :

« Đàng kia có một người bung cái thúng đi tới đi lui. Người đó làm gì vậy, anh há ? »

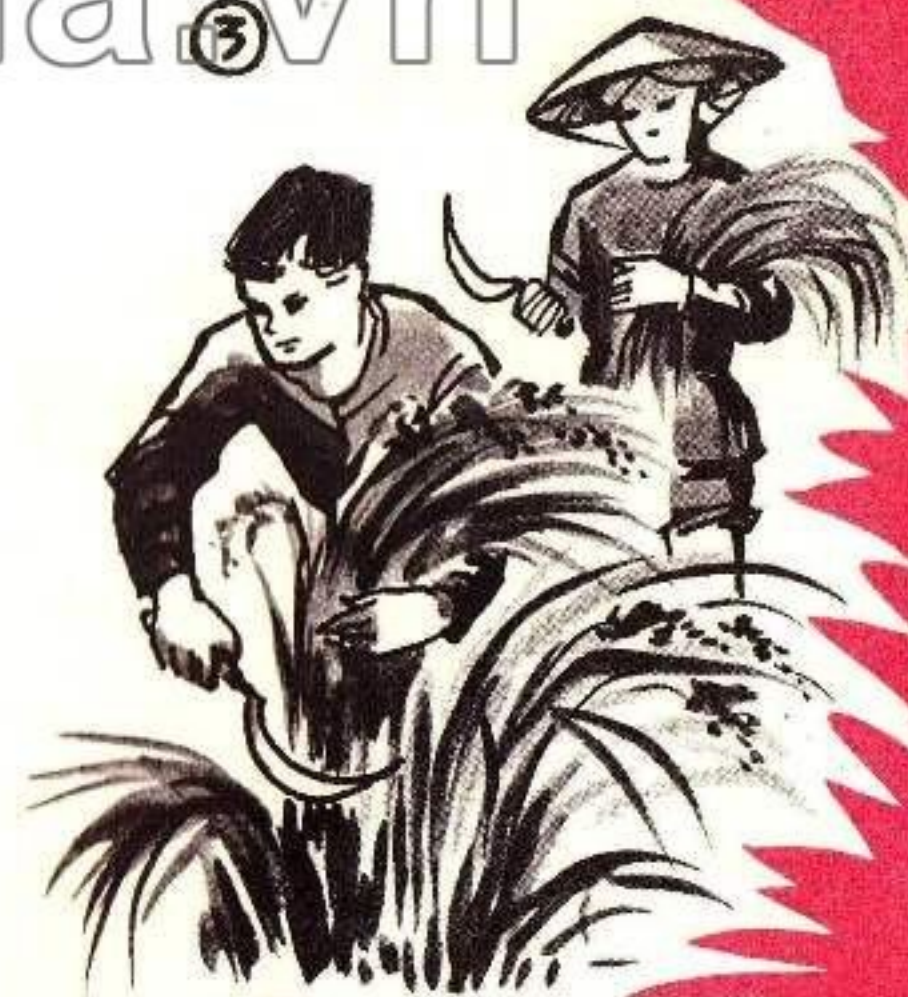
Thành đáp : « Người ta đi vãi mạ, em à. »

— « Mạ gieo như vậy, rồi chừng nào mới nhô lên cây được anh ? »

An xen vô : « Đầu mùa mưa thì người ta gieo mạ. Mạ gieo hai tháng thì nhô lên cây. »



②



③



Trong lúc mạ đang lên, người ta lo phát cỏ, cày, bừa đất cho kỹ để cấy lúa. »

Gia hỏi tiếp: « Chừng nào lúa trở bông ? »

Thấy An lúng-túng, Thành cười :

« Người ta cấy lúa này vào tháng sáu, tháng bảy âm-lịch.

Đến tháng tám, tháng chín, trời bớt mưa thì lúa trở bông.

Tháng mười một, tháng chạp, lúa chín.

Người nông-phu gặt rồi đập bỏ hoặc cho trâu bò đập để lấy hạt. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

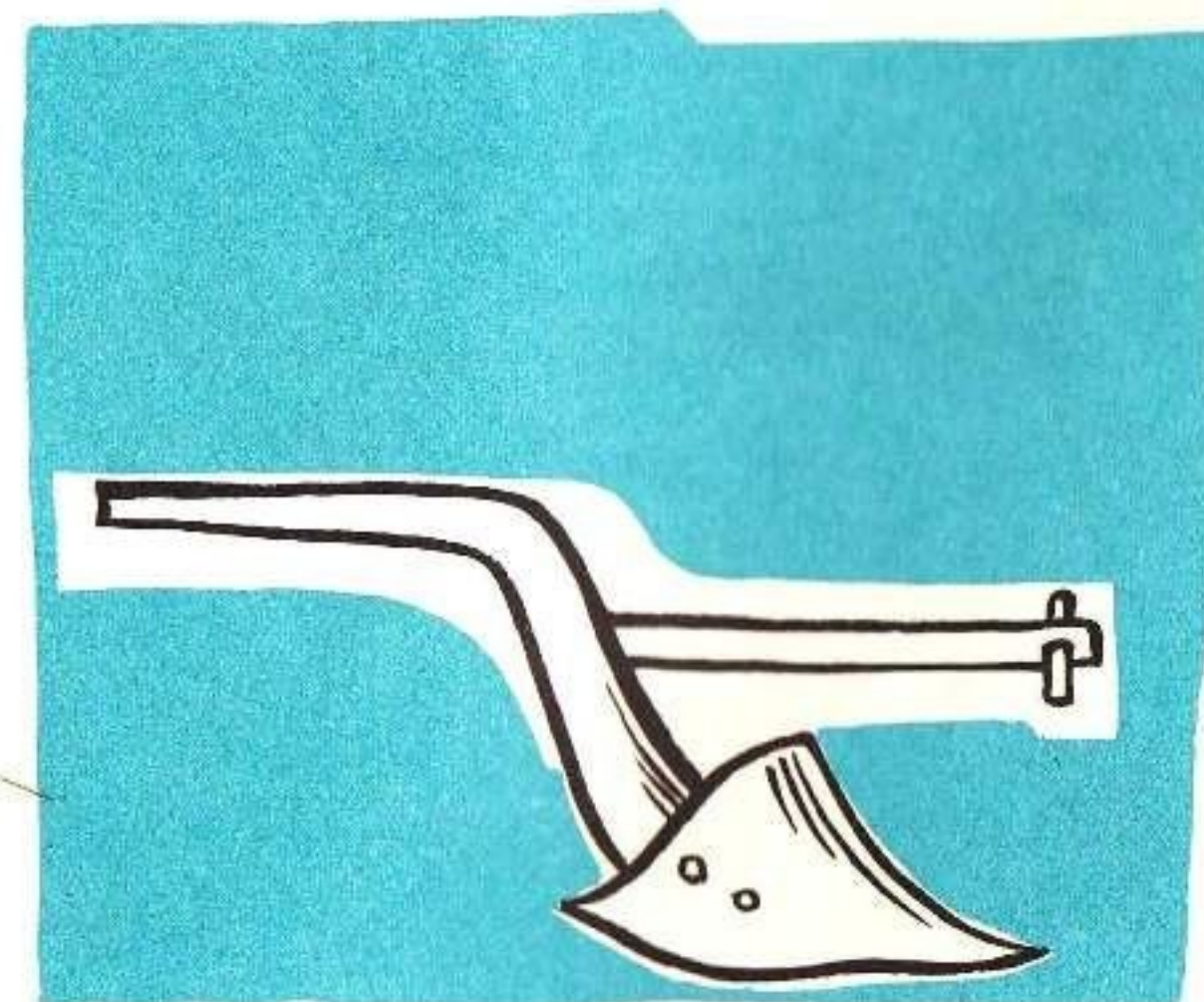
- Trong làng em (hay trong vùng em ở) có nhiều ruộng không ?
- Phần đông dân-chúng ở miền quê xứ ta sống về nghề gì ?
- Mùa mưa, người nông-phu lo làm gì ? Người ta gặt lúa vào lúc nào ?
- Ở miền Nam Việt-Nam, những tỉnh nào có trồng nhiều lúa ?

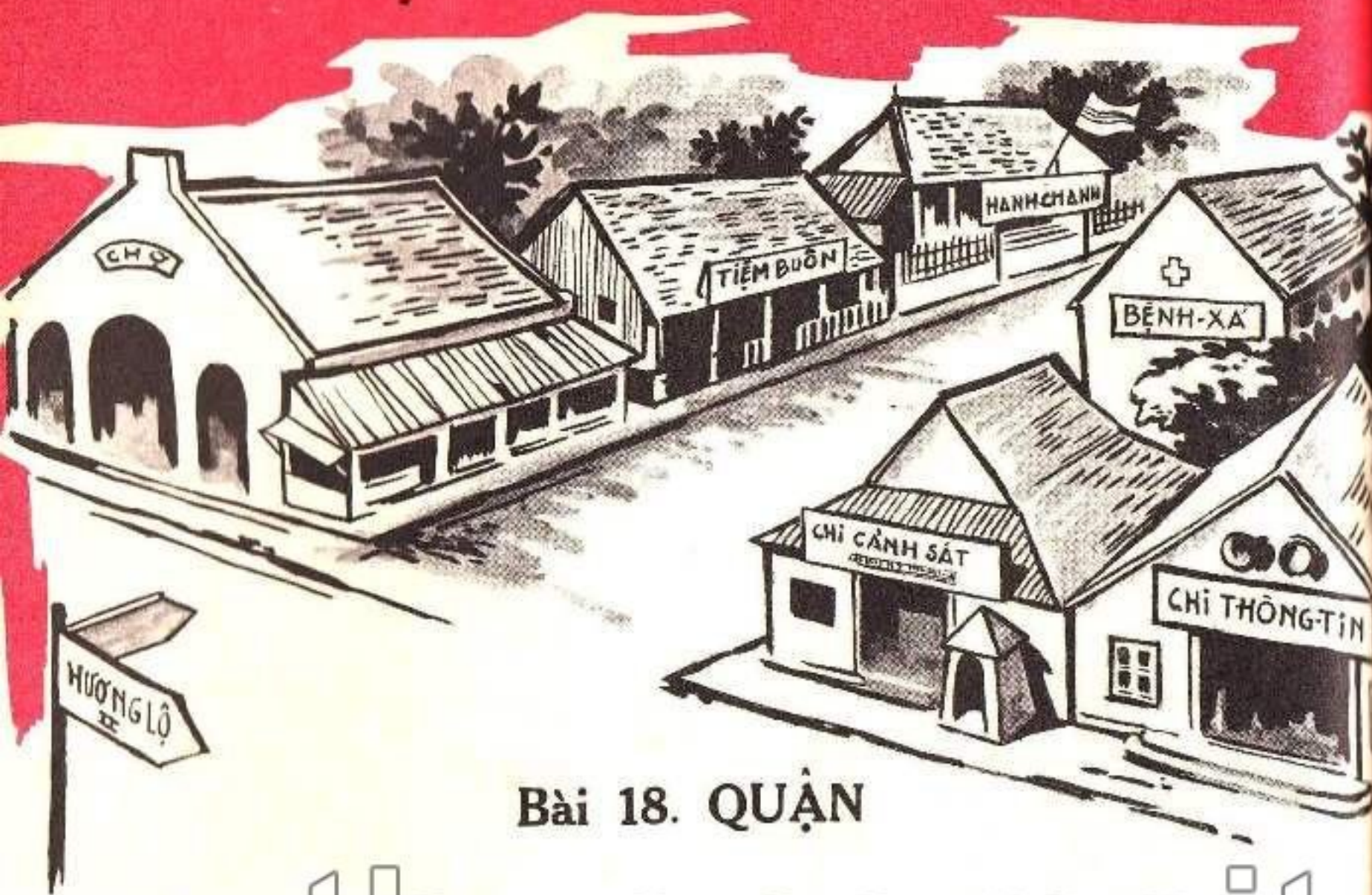
EM NHỚ :

Hầu hết dân quê ở miền đồng bằng Việt-Nam sống về nghề nông. Mùa mưa, họ cày, bừa, gieo mạ, cấy lúa. Mùa nắng, họ gặt lúa.

EM VỀ :

Cái cày của nhà nông Việt-Nam.





Bài 18. QUẬN

EM QUAN-SÁT :

1. — Kể tên những làng ở gần làng em. Từ làng em lên quận, đi bằng cách nào tiện ?

Những hàng-hóa, sản-vật bán tại chợ quận, từ đâu đem đến ?

2. — Quan-sát tranh, các em thấy một quận-lỵ. Kể các công-sở tại quận-lỵ này. So-sánh chợ quận với chợ làng em.

EM ĐỌC BÀI :

QUẬN LỊ LÀ GÌ ?

Trên chiếc xe lôi đưa hành-khách từ làng lên quận, Gia hỏi Thành :

« Nhà cô Năm ở xa quận không, anh Thành ? »

Thành đáp : « Cô năm ở tại quận-lỵ.

Bến xe ở gần nhà cô. »

Nghe tiếng quận-lỵ lạ tai, Gia hỏi :

« Quận-lỵ là gì, anh Thành ? Khác với quận làm sao ? »

— « Nhiều làng hợp lại thành quận.

Quận-lỵ là nơi có Tòa Hành-chánh quận.

Quận-lỵ nằm trên đường giao-thông tiện-lợi.

Sản-phẩm từ các làng được chở đến bán tại đây. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

— Làng em thuộc về quận nào ?

— Tòa Hành-chánh quận đặt tại đâu ?

— Tại sao quận-lỵ thường nằm trên đường giao-thông tiện lợi ?

EM NHỚ :

Nhiều làng hợp lại thành quận.

Tại quận-lỵ có tòa hành-chánh quận.

Quận-lỵ nằm trên đường giao-thông tiện-lợi.

Sản phẩm từ các làng trong quận thường được đem bán tại đây.



Bài 19. TỈNH

EM QUAN-SÁT :

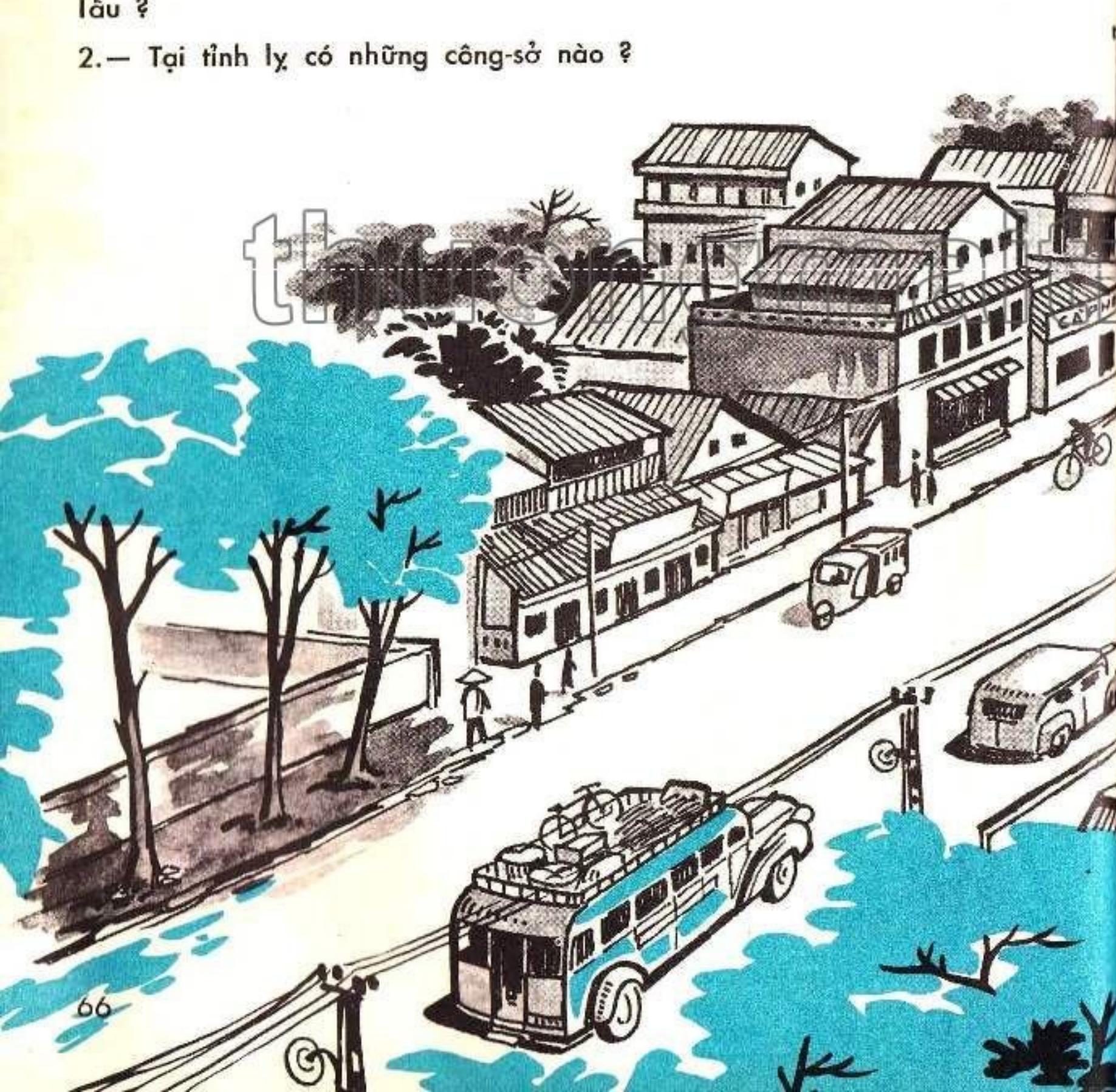
1.— Quan-sát hình, em thấy một tỉnh-lỵ.

Các nhà có ống khói trên nóc là nhà gì ?

Cạnh khu nhà máy có loại nhà gì ?

Cạnh khu biệt-thự có những tiệm gì ? Tiệm buôn cao nhất có mấy tầng lầu ?

2.— Tại tỉnh lỵ có những công-sở nào ?



EM ĐỌC BÀI :

TỚI TỈNH LỊ RỒI !

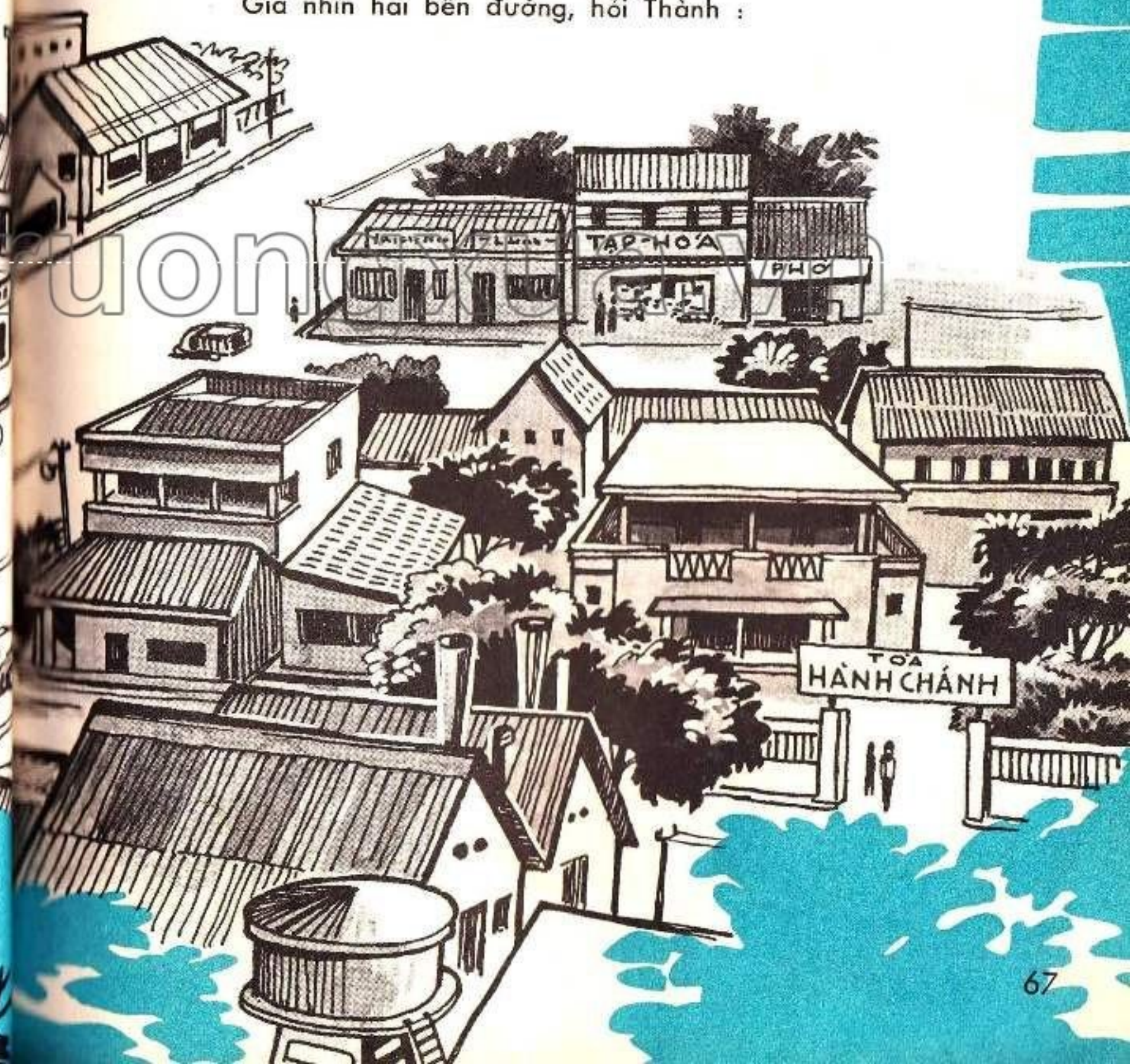
Thành và Gia đón xe đò lên tỉnh chơi.

Ra khỏi quận-lỵ, xe chạy trên quốc-lộ, giữa những cánh đồng bát-ngát.

Độ một giờ sau, nhiều nhà cửa hiện ra.

Xe cộ tới lui tấp-nập hơn ở quận-lỵ.

Gia nhìn hai bên đường, hỏi Thành :





« Chỗ này là chỗ nào vậy anh ? »

Thành đáp : « Tôi tỉnh lý rồi, nên dân-cư đông-đúc.

Đây là các nhà máy xay lúa, nhà máy cưa.

Đàng kia là các biệt-thự, rồi đến các tiệm buôn. »

— « Còn tòa nhà lớn ở tận phía trong là nhà gì ? »

— « Đó là tòa hành-chánh tỉnh, nằm tại trung-tâm tỉnh-lý. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

— Em ở làng nào, quận nào ?

— Quận em thuộc tỉnh nào ?

— Tỉnh em còn có những quận nào khác nữa ? Em hãy kể ra.

— Tỉnh-lý là gì ?

EM NHỚ :

Nhiều quận hợp lại thành một tỉnh.

Mỗi tỉnh có một tòa hành-chánh tỉnh, đặt tại tỉnh-lý.

Nơi đây, dân-cư đông-đúc.



① ②



③ ④



Bài 20. PHỐ và THÀNH-PHỐ

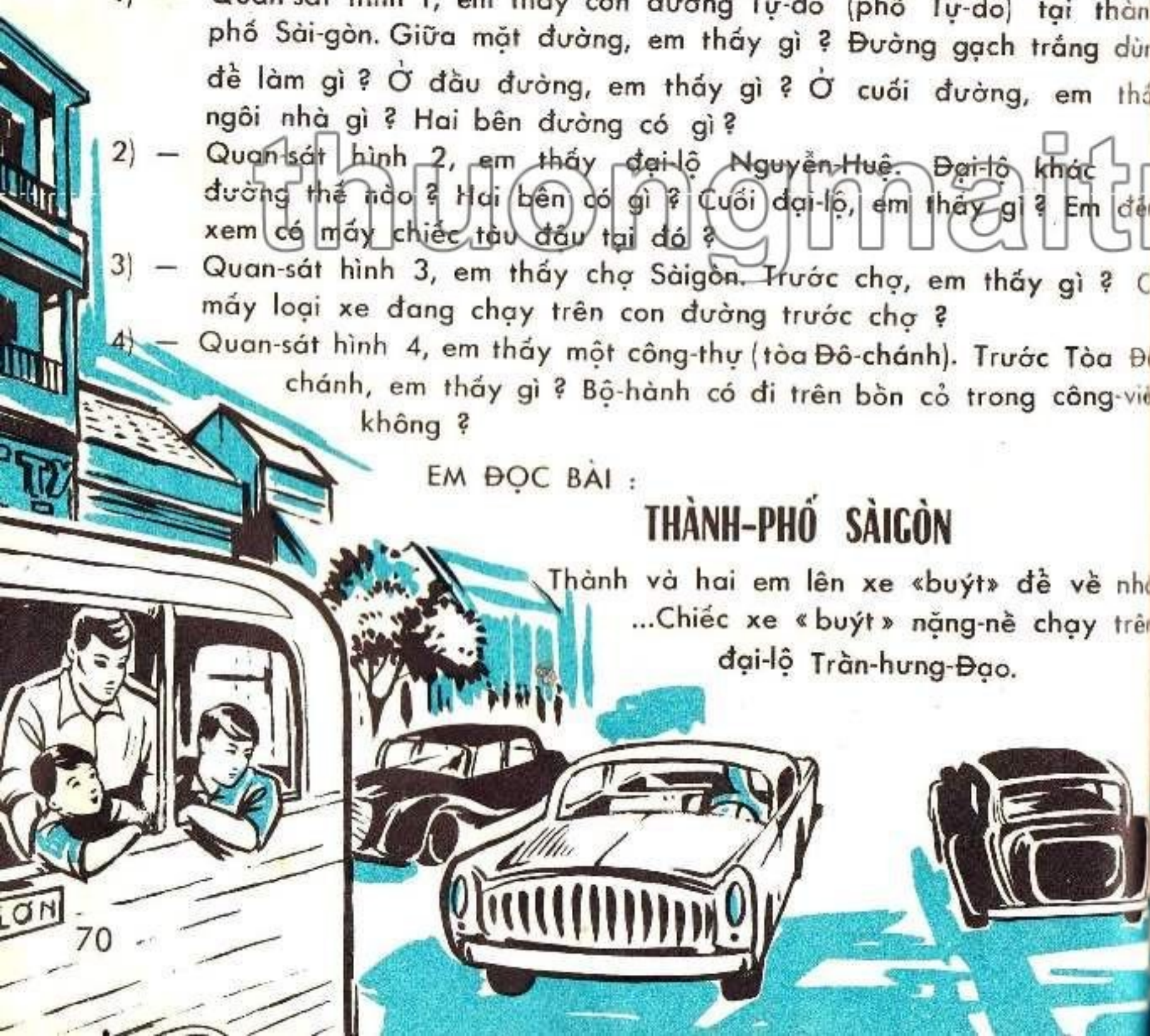
EM QUAN-SÁT :

- 1) — Quan-sát hình 1, em thấy con đường Tự-do (phố Tự-do) tại thành phố Sài-gòn. Giữa mặt đường, em thấy gì ? Đường gạch trắng dùng để làm gì ? Ở đầu đường, em thấy gì ? Ở cuối đường, em thấy ngôi nhà gì ? Hai bên đường có gì ?
- 2) — Quan-sát hình 2, em thấy đại-lộ Nguyễn-Huệ. Đại-lộ khác đường thế nào ? Hai bên có gì ? Cuối đại-lộ, em thấy gì ? Em đến xem có mấy chiếc tàu đậu tại đó ?
- 3) — Quan-sát hình 3, em thấy chợ Sài-gòn. Trước chợ, em thấy gì ? Có mấy loại xe đang chạy trên con đường trước chợ ?
- 4) — Quan-sát hình 4, em thấy một công-thự (tòa Đô-chánh). Trước Tòa Đô-chánh, em thấy gì ? Bộ-hành có đi trên bồn cỏ trong công-viên không ?

EM ĐỌC BÀI :

THÀNH-PHỐ SÀI-GÒN

Thành và hai em lên xe «buýt» để về nhà.
...Chiếc xe «buýt» nặng-nề chạy trên đại-lộ Trần-hung-Đạo.



Trên mặt đường, xe cộ qua lại không ngớt. Các nhà lầu cao-ngất, các «buyn-dinh» đồ-sộ, các công-thự đẹp-đẽ, tiệm buôn rộng lớn nằm san-sát hai bên đường.

Xe «buýt» dừng lại tại ngã tư lúc đèn đỏ bật lên.

An hỏi Thành : « Ở Sài-gòn, ngã tư nào cũng có đèn xanh, đèn đỏ hả anh Thành ? »

Thành vui-vẻ đáp : « Sài-gòn là một thành-phố dân-cư đông-đúc. Đường-sá chằng-chịt khắp nơi, xe cộ rộn-riếp suốt ngày.

Ở các ngã tư lớn đều có đèn xanh, đèn đỏ. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

Thành-phố nào lớn nhất ở Việt-Nam ? Kể các thành-phố lớn khác trong nước ta. Người ta đặt đèn xanh đèn đỏ tại các ngã tư trong thành phố lớn để làm gì ?

EM NHỚ :

Thành-phố là nơi dân-cư đông-đúc.

Trong thành-phố có nhiều đường-sá, xe cộ, công thự, tiệm buôn, nhà máy. Nhà cửa sát san-sát hai bên đường. Việc buôn-bán rất phồn-thịnh.





Bài 21. ĐỜI SỐNG Ở THÀNH-PHỐ

IM QUAN-SÁT :

1. Xem hình 1, em thấy một hăng buôn lớn. Người ta bán những hàng-hóa gì trong hăng buôn này ? Trong hăng buôn có đông khách không ? Hàng-hóa nào làm cho trẻ em thích nhất ? Ở đâu có những hăng buôn lớn giống như hăng buôn trong hình này ?
2. Xem hình 2, em thấy một xưởng máy (xưởng dệt). Có mấy người thợ ? Họ ăn mặc thế nào ? Họ đang làm gì ? Thường thường những xưởng máy dệt giữa thành-phố hay ở ngoại-ô ?

IM ĐỌC BÀI :

XUỞNG DỆT Ở ĐÀU ?

Thành dẫn Gia, An vào một hăng buôn lớn.

Khách hàng ra vô tấp-nập.

Có nhiều bà ngắm-nghía mấy cây vải bông đủ màu.

Kìa, gian hàng bán đồ chơi.

Trẻ em đứng nhìn các chiếc máy bay bày la-liệt trong tủ kiếng.

Ba anh em đi xem khắp hãng không sót chỗ nào.

Ra khỏi tiệm, An khẽ nói với Thành :

« Ở thành-phố Sài-gòn, có nhiều hãng buôn lớn quá, anh há !
Hàng-hóa ở đâu mà nhiều vậy anh ? ».

Thành đáp : « Một phần hàng-hóa mua ở nước ngoài.

Một phần sản-xuất tại xứ ta.

Đề bữa nào rảnh, anh đưa hai em viếng một xưởng dệt. »

— « Xưởng dệt ở đâu, anh há ? »

— « Ở ngoại-ô thành-phố. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

— Phần đông dân-chúng trong thành-phố sống về nghề gì ?

— Sự buôn-bán ở thành-phố ra sao ?

— Tại sao người ta không xây cất các xưởng máy ở giữa thành-phố ?



EM GHI LẠI TRÊN MỘT MÀN GIẤY :

— Tên các tiệm buôn dọc theo đường em ở, hoặc tại chợ làng em.

— Tên các nhà máy trong vùng em ở.

EM NHỚ :

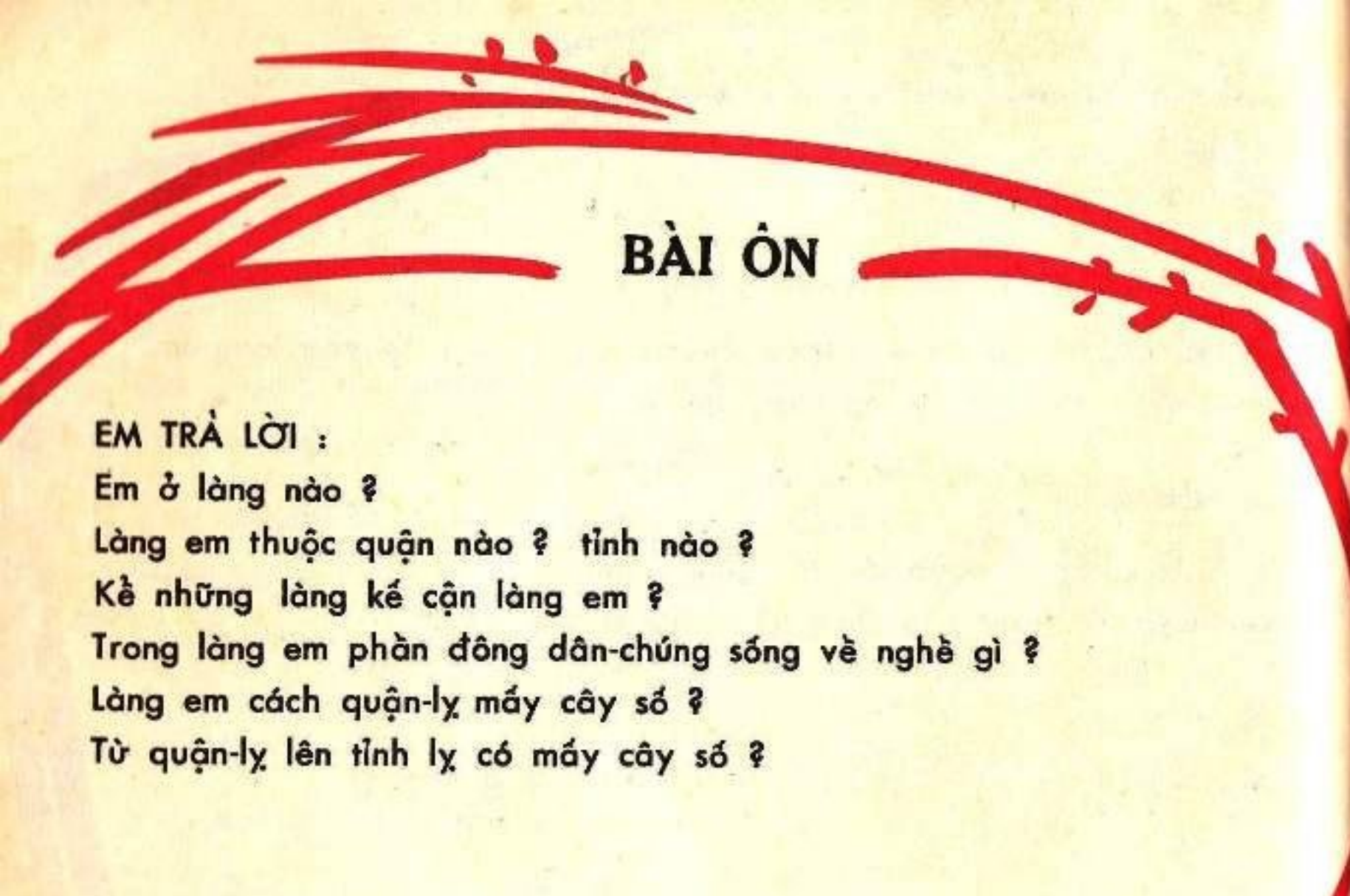
Ở thành-phố, sự buôn-bán rất phồn-thịnh.

Ngoài ra, ở thành-phố cũng có nhiều xưởng máy.

EM VẼ :

Em nối liền các số trong hình và cho biết đó là hình gì.





BÀI ÔN

EM TRẢ LỜI :

Em ở làng nào ?

Làng em thuộc quận nào ? tỉnh nào ?

Kể những làng kế cận làng em ?

Trong làng em phần đông dân-chúng sống về nghề gì ?

Làng em cách quận-lỵ mấy cây số ?

Từ quận-lỵ lên tỉnh lỵ có mấy cây số ?

EM SUY NGHĨ :

Tại sao ở trong làng dân chúng sống rải-rác ?

Tại sao các thành-phố thường ở những nơi giao-thông thuận-lợi ?

EM ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG NHỮNG TIẾNG HỢP NGHĨA :

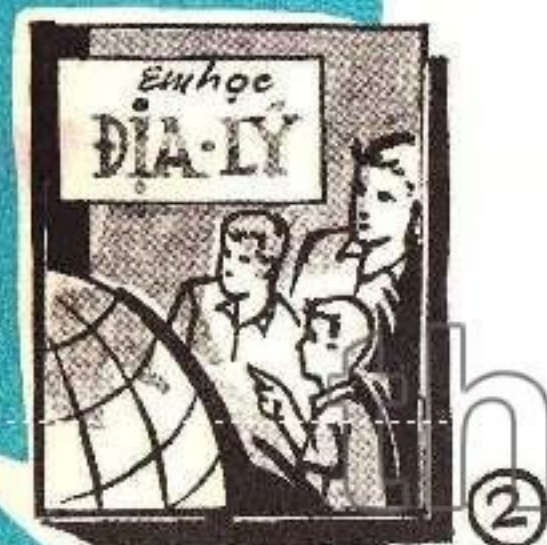
Em ở tại làng Nhiều làng hợp lại thành Toà Hành-chánh
quận đặt tại Nhiều quận hợp lại thành Tòa Hành-chánh
tỉnh đặt tại Sài gòn là lớn nhất ở Việt-Nam.



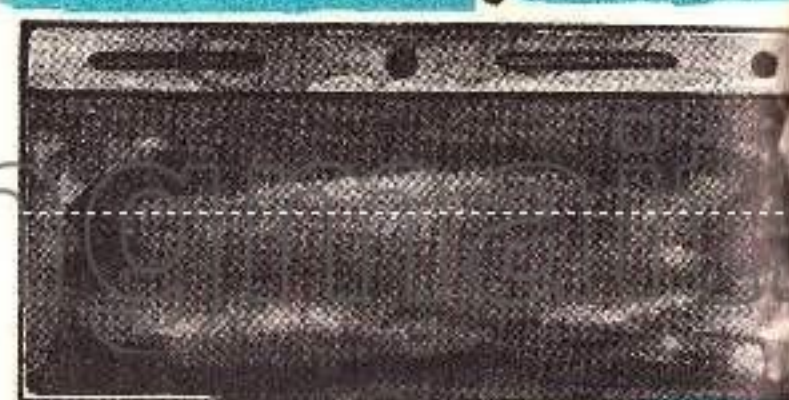
CHƯƠNG IV



①



②



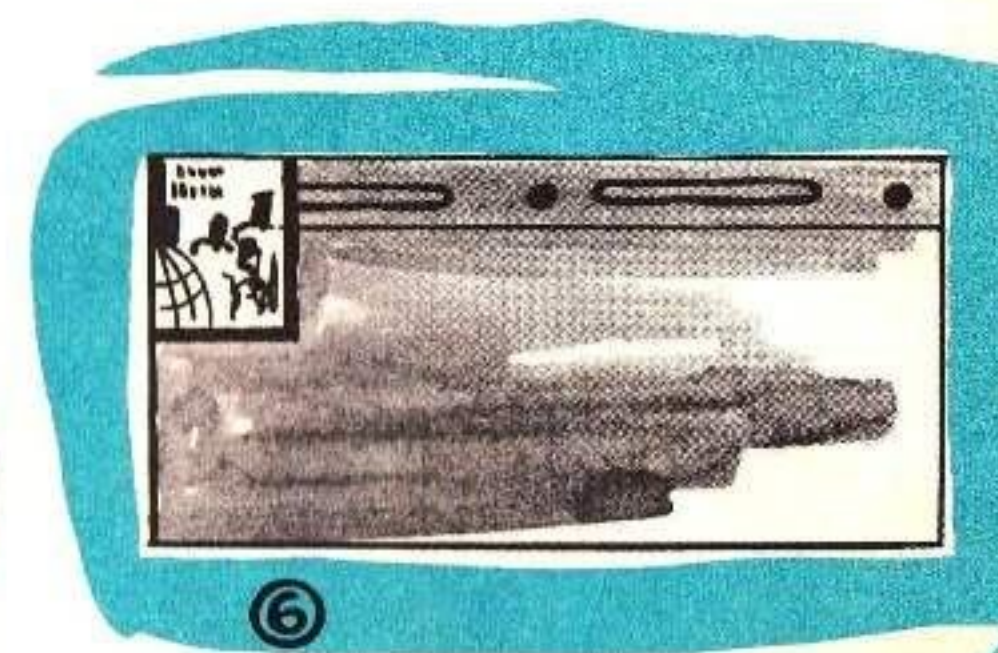
Bài 22. TẬP VẼ BÀN ĐỒ

EM QUAN-SÁT HÌNH:

1. Xem hình 1 và 2, em thấy hình hai quyển sách có giống nhau không? Trong hình 1, em thấy cái gáy quyển sách và bề dày quyển sách. Trong hình 2, quyển sách chỉ là hình chữ nhật, em có biết được quyển sách dày hay mỏng không? Hình 2 là mặt trên quyển sách.
2. So-sánh các hình 3 và 4. Trong hình 3, bàn học trò chỉ thấy một phần. Trong hình 4, bàn học trò được thấy từ trên xuống. Hình 4 là hình mặt trên bàn học trò.



⑤



⑥

EM QUAN-SÁT BÀN ĐỒ:

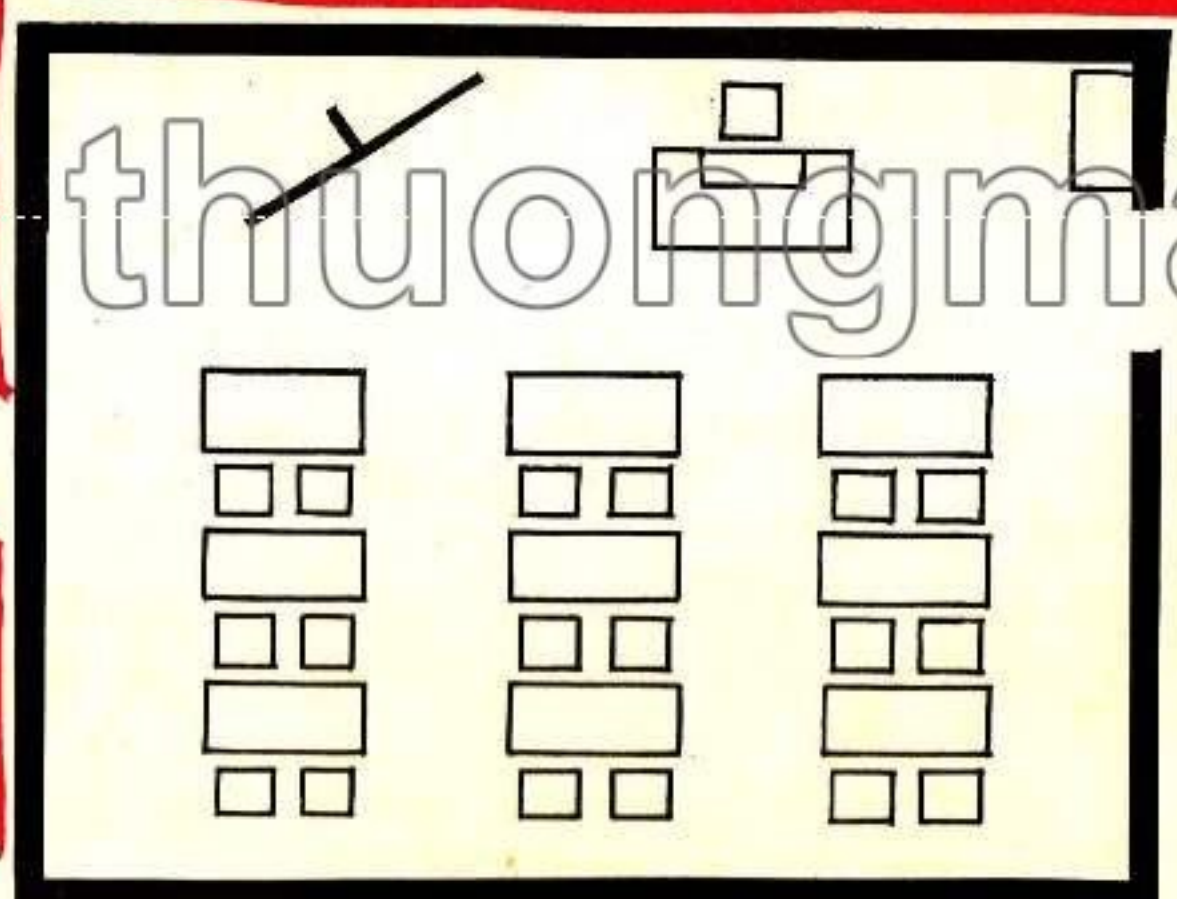
Hình 5 là hình mặt bàn học trò. Em hãy đoán hình 6 là hình gì? Trên mặt bàn có vật gì? Trong hình 6 có 2 hình chữ nhật. Hai hình này có bằng nhau không? Bề dài quyển sách nằm theo chiều nào của cái bàn? Bề ngang cái bàn bằng mấy lần bề dài quyển sách?

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

- Em thử tìm xem trong lớp học em có những món nào hình chữ nhật như quyển sách, khi em nhìn từ trên xuống?
- Những vật nào nhìn từ trên xuống hình tròn?
- Nếu muốn vẽ mặt trên của tám gạch lót trong lớp học, em vẽ hình gì?
- Nếu muốn vẽ mặt trên của cái đĩa, em vẽ hình gì?
- Nếu muốn vẽ mặt trên của hộp phấn, em vẽ hình gì?

EM TẬP VẼ:

1. Quyển sách: Em lấy một quyển sách và để xuống đất. Từ trên nhìn xuống, em chỉ thấy bìa quyển sách hình chữ nhật, tựa sách và hình vẽ trên mặt sách. Em tập vẽ mặt trên quyển sách.
2. Bình mực: Từ trên nhìn xuống, em thấy miệng bình mực hình tròn nhỏ, thân bình mực hình vuông bao ngoài.
3. Bàn em ngồi: Từ trên nhìn xuống, em thấy mặt bàn hình gì? Trên bàn em có những vật gì? Em hãy vẽ mặt bàn và các món đồ để trên đó.



Bài 23. BẢN ĐỒ LỚP HỌC

EM QUAN-SÁT :

So-sánh hình 1 và 2. Hình 1 là một phần lớp học. Em có thấy đầy đủ tất cả các bàn ghế, đồ-đạc trong lớp học hay không ?

Còn trong hình 2, em thấy những gì trong lớp học ?

EM XEM BẢN ĐỒ :

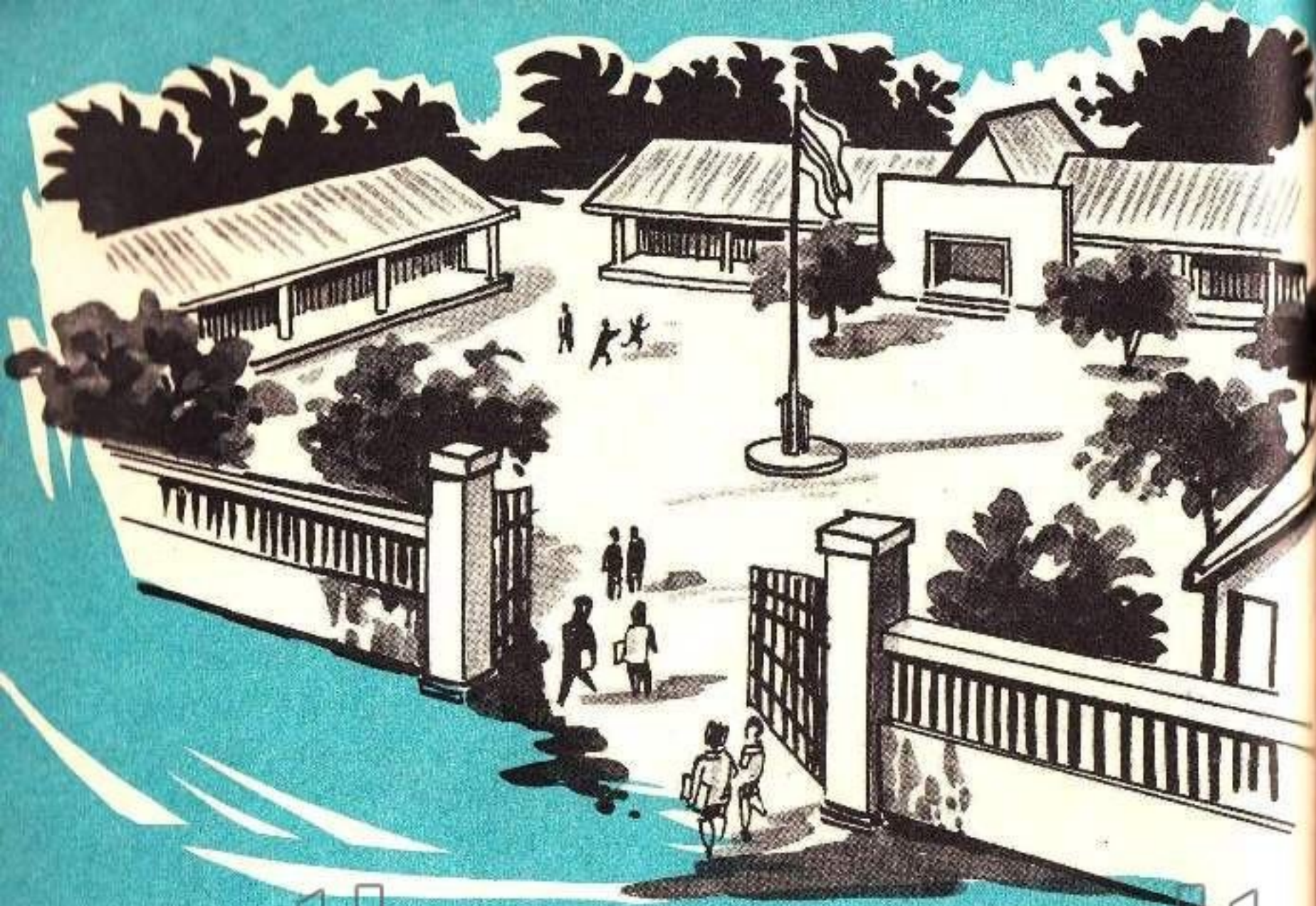
- Em tìm bàn thầy, bảng lớn, tủ, kệ... trên bản đồ.
- Bàn thầy kê ở đâu ? Vật nào kê sát tường ?
- Em thử đếm có mấy dãy bàn. Mỗi dãy có mấy bàn ?
- Bàn trong lớp học này có mấy chỗ ngồi ?
- Vì sao em biết được loại bàn này là bàn hai chỗ ngồi ?

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

- Trong bản-đồ vẽ trên bảng lớn, em đánh số chỗ ngồi tại mỗi bàn, từ cửa cái đi vào và từ trái sang phải. Nếu em ngồi chỗ thứ 9, khi vào lớp em phải đi theo lối nào để đến chỗ ngồi ? (vẽ mũi tên để chỉ).
- Lớp học trong bản đồ có mấy cửa sổ ? Do chiều mũi tên chỉ hướng bắc, em hãy cho biết ánh nắng mai rọi vào bên nào của lớp học, nắng chiều rọi vào bên nào ?

EM TẬP VẼ BẢN ĐỒ LỚP HỌC:

- Từ trên nhìn xuống, lớp học em hình gì ? (hình vuông hay chữ nhật?). Vậy, em bắt đầu vẽ chu-vi lớp học của em. Em nhớ chừa mấy cửa ra vào và cửa sổ.
- Bàn giấy của thầy em hình gì ? và kê ở đâu ? (ở giữa hay bên góc lớp ?). Vậy, em vẽ bàn giấy của thầy. Em nhớ phía sau bàn có chiếc ghế để thầy ngồi.
- Lớp em có mấy tấm bảng lớn và kê ở đâu ? (kê trên giá bảng hay đóng sát vào tường ?) Em vẽ vào bản đồ.
- Lớp em có tủ để cho thầy cất sách hay không ? Tủ ấy kê ở đâu ? Từ trên nhìn xuống, nó hình gì ? Em vẽ vào bản đồ.
- Bây giờ em vẽ bàn của các em. Em đếm coi có mấy dãy bàn, mỗi dãy có bao nhiêu bàn và bàn ấy có bao nhiêu chỗ ngồi. Em để ý coi nó lớn hơn hay nhỏ hơn bàn giấy của thầy em. Vẽ xong, em có nguyên bản-đồ lớp học em.



Bài 24. BẢN ĐỒ TRƯỜNG HỌC

EM QUAN-SÁT và SUY NGHĨ :

1. Hình 1 là hình vẽ một trường học. Trong hình này em thấy chiều cao cổng trường, chiều cao tường rào, mái trường, các phòng học, cửa cái, cửa sổ, hàng cây trong sân... Trường này có giống trường em đang học không ? Giống chỗ nào ? Khác chỗ nào ?
2. Hình 2 là bản đồ trường học mà em đã quan-sát trong hình 1. Hai hình có giống nhau không ? Giống chỗ nào ? Khác chỗ nào ?

Các em hãy tìm trong hình 2 chỗ nào là cổng trường, tường rào chung quanh trường, dãy phòng học, hàng cây trong sân.

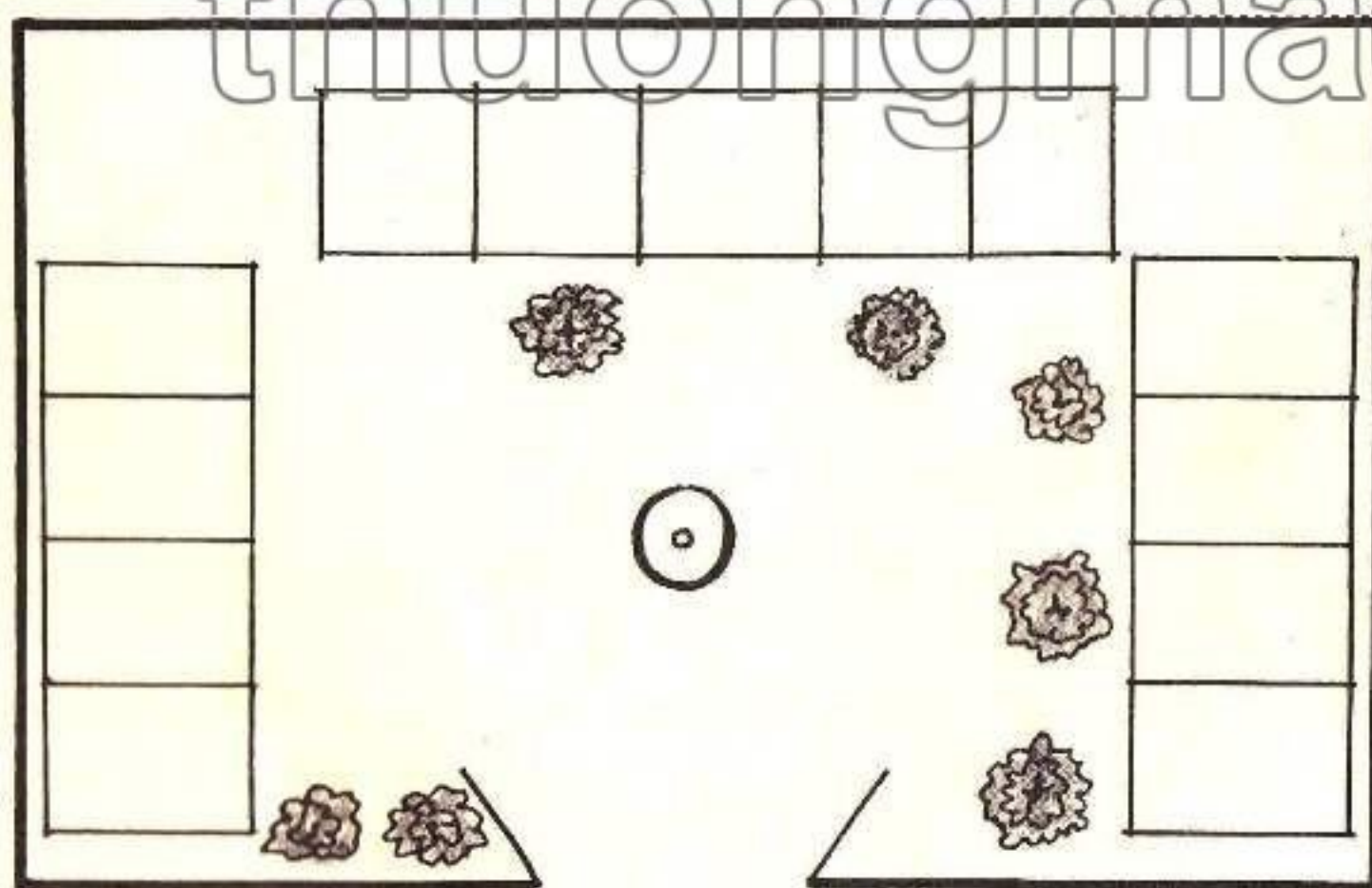
Trong bản đồ này, người ta vẽ các phòng học hình gì ? cây hình gì ?

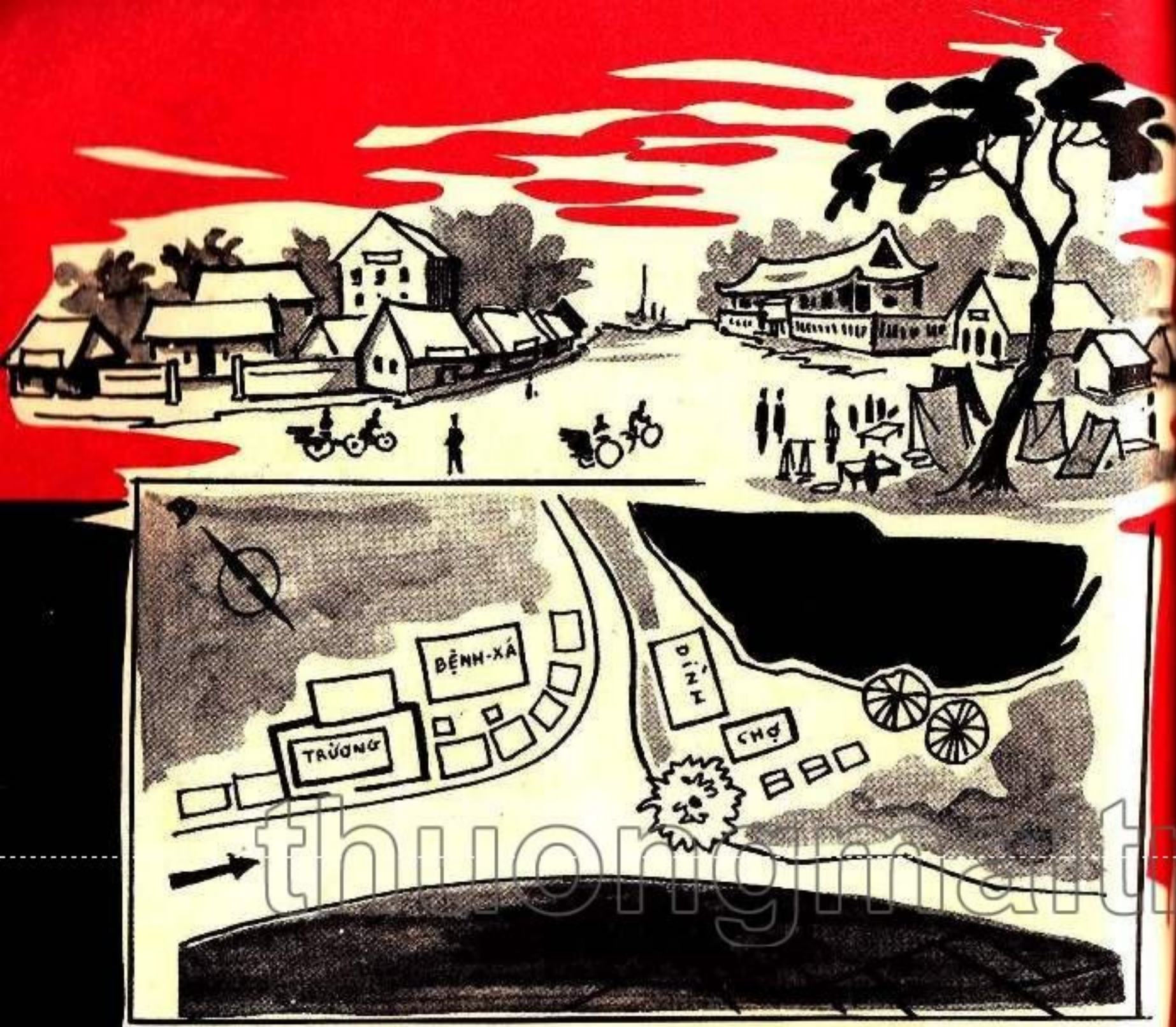
EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

- Trường em dạy về hướng nào ? Làm sao em biết được ?
- Muốn vẽ bản đồ trường em, em vẽ cái gì trước ? (tường rào, nếu có, chu-vi cái trường).
- Làm sao để vẽ các phòng ? (ngăn lại bằng những đường thẳng)

EM VẼ BẢN ĐỒ TRƯỜNG EM :

- Trước hết, em vẽ tường rào. Nhớ chừa cổng trường (cổng lớn và cổng nhỏ nếu có).
- Kế đó, em vẽ các dãy phòng học rồi ngăn ra thành từng phòng.
- Ghi trên bản đồ chỗ nào phòng việc hiệu-trưởng, các phòng học, nhà vệ-sinh.
- Em đo bề ngang cổng trường trong hình 2 rồi tính bề ngang thật sự của cổng trường này (1cm trên bản đồ bằng 2m trên mặt đất).





Bài 25. BẢN ĐỒ LÀNG

EM QUAN-SÁT và SUY-NGHĨ:

- 1.— Xem hình 1, em có nhớ là hình gì không? Em đã thấy hình này ở bài nào? Trong hình, em thấy gì? (chợ, phòng thông-tin, trường học, đình làng...) Trong hình có mấy con đường?
- 2.— Xem hình 2, em thấy hình này có giống hình 1 không? Giống chỗ nào? Khác chỗ nào?
Đây là bản đồ làng.
Theo như em đã biết, mũi tên trên bản đồ chỉ hướng bắc. Vậy, trường dạy về hướng nào? Đình về hướng nào?

- 3.— Hình 3 là bản đồ làng A. Ở phía bắc làng A là làng gì? Còn ở phía nam? phía đông? phía tây?

Chỗ giáp hai làng với nhau trên bản đồ, người ta đánh dấu thế nào? Nơi đó gọi là gì?

Vậy người ta nói: Phía bắc, làng A giáp với làng B, phía nam giáp với C, phía đông giáp với D, phía tây giáp với E.

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

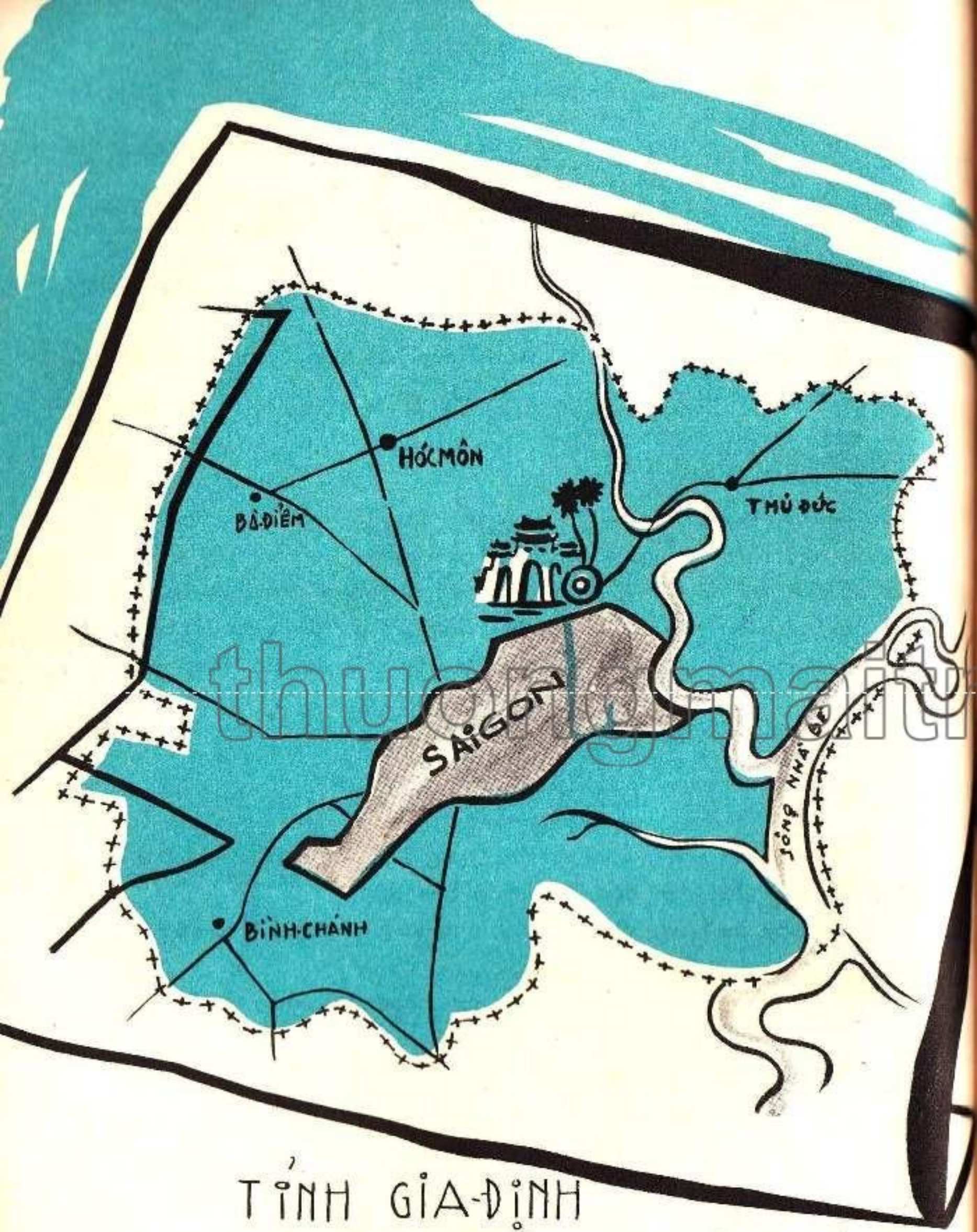
- Trên bản đồ làng, chỗ trường học, em có thấy rõ-ràng cổng trường, phòng việc Hiệu-trưởng, các phòng học không? Tại sao vậy?
- Em đã biết tìm bề ngang thực-sự của cổng trường dựa theo bản đồ.

Vậy, em thử tính từ trường học đến chợ đo được bao nhiêu mét, biết rằng cứ 1 cm trên bản đồ này thì trên mặt đất đo được 20 m.

EM VẼ BẢN ĐỒ (bản đồ làng gắn trên bảng lớn):

- Trước hết, em vẽ ranh-giới làng em.
- Con đường lớn chạy ngang làng từ hướng nào đến hướng nào?
Khoảng nào ngay, khoảng nào cong? Các con đường nhỏ trong làng chạy từ đâu đến đâu? Vẽ vào bản đồ.
- Có sông hay rạch nào chảy ngang qua làng không? Nếu có, vẽ vào bản đồ.
- Em ghi bằng hình vuông nhỏ những nơi quan-trọng như: chợ, trường học, phòng thông-tin, trụ-sở hội-đồng xã.
- Em tô màu:

xanh lơ	:	các sông rạch,
đỏ	:	các đường lớn và nhỏ,
xanh lá cây	:	đồng ruộng
nâu	:	chợ, trường học, ...



TỈNH GIA-ĐỊNH

Bài 26. BẢN ĐỒ TỈNH

EM QUAN-SÁT :

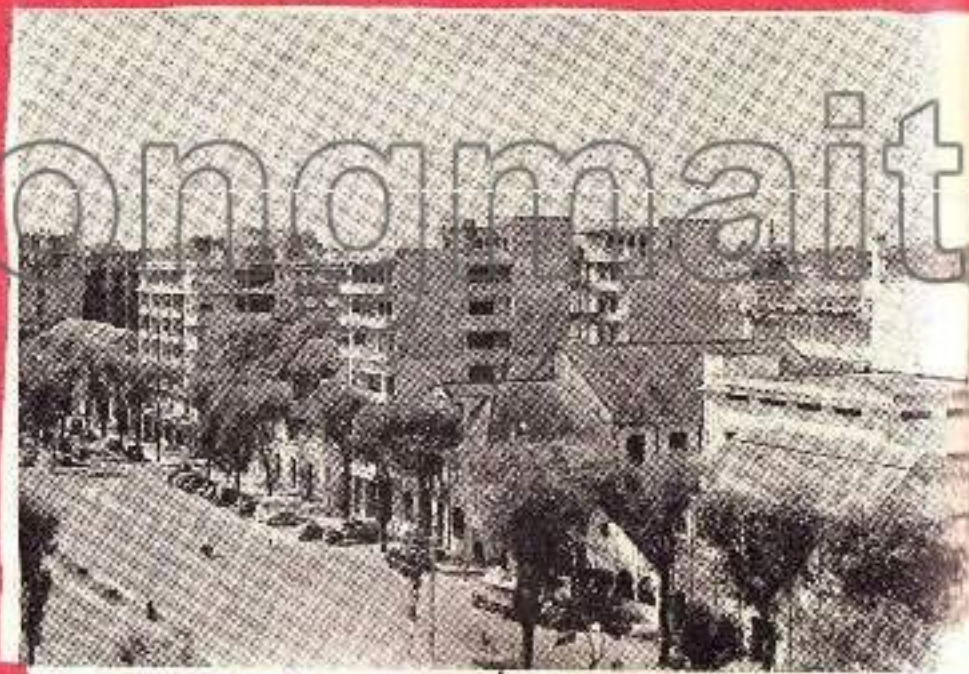
- Trên bảng lớn có gắn bản đồ tỉnh em. Bản đồ này có giống bản đồ làng em không ?
- Đường sá nhiều hay ít ? Sông rạch có nhiều không ?
- Các quận-lỵ ghi bằng dấu gì ? Tỉnh lỵ ghi bằng dấu gì ?
- Đọc tên các quận trên bản đồ.

EM TẬP VẼ BẢN ĐỒ TỈNH EM :

- Em đã biết vẽ bản đồ làng em. Bây giờ, em vẽ bản đồ tỉnh em. Em vẽ gì trước ? (ranh-giới tỉnh rồi tới ranh-giới quận).
- Em vẽ sông rạch màu gì ? đường sá màu gì ?
- Em ghi tỉnh-lỵ và các quận-lỵ. Em viết tên tỉnh-lỵ và các quận-lỵ.
- Em tô màu (xem bản đồ tỉnh gắn trên bảng lớn).



①



②



Bài 27. BẢN ĐỒ THÀNH-PHỐ SÀI-GÒN

EM QUAN-SÁT :

- I. Hình 1 là hình nhà thờ Đức Bà (Vương-cung thánh-đường) từ trên cao nhìn xuống. Nhìn kỹ, em thấy nóc nhà thờ, các mái nhà và ngọn cây

2. Hình 2 là hình đại-lộ Nguyễn-Huệ. Em thấy những gì ? (buyn-đỉnh, cây-cối, xe cộ). Hình này cũng từ trên cao nhìn xuống. Nhà cửa, cây-cối, xe cộ, thấy lớn hay nhỏ ? Em có biết tại sao không ?
Vậy, khi càng lên cao nhìn xuống thì ta càng thấy nhà cửa, cây-cối thế nào ?

3. Hình 3 là bản-đồ Sài-gòn. Em thấy gì trên đó ? Em còn thấy nhà cửa, xe cộ, như trên hình 2 không ? Tại sao ?

EM CÓ BIẾT KHÔNG ? (dùng bản đồ Sài-gòn lớn, gắn trên bảng).

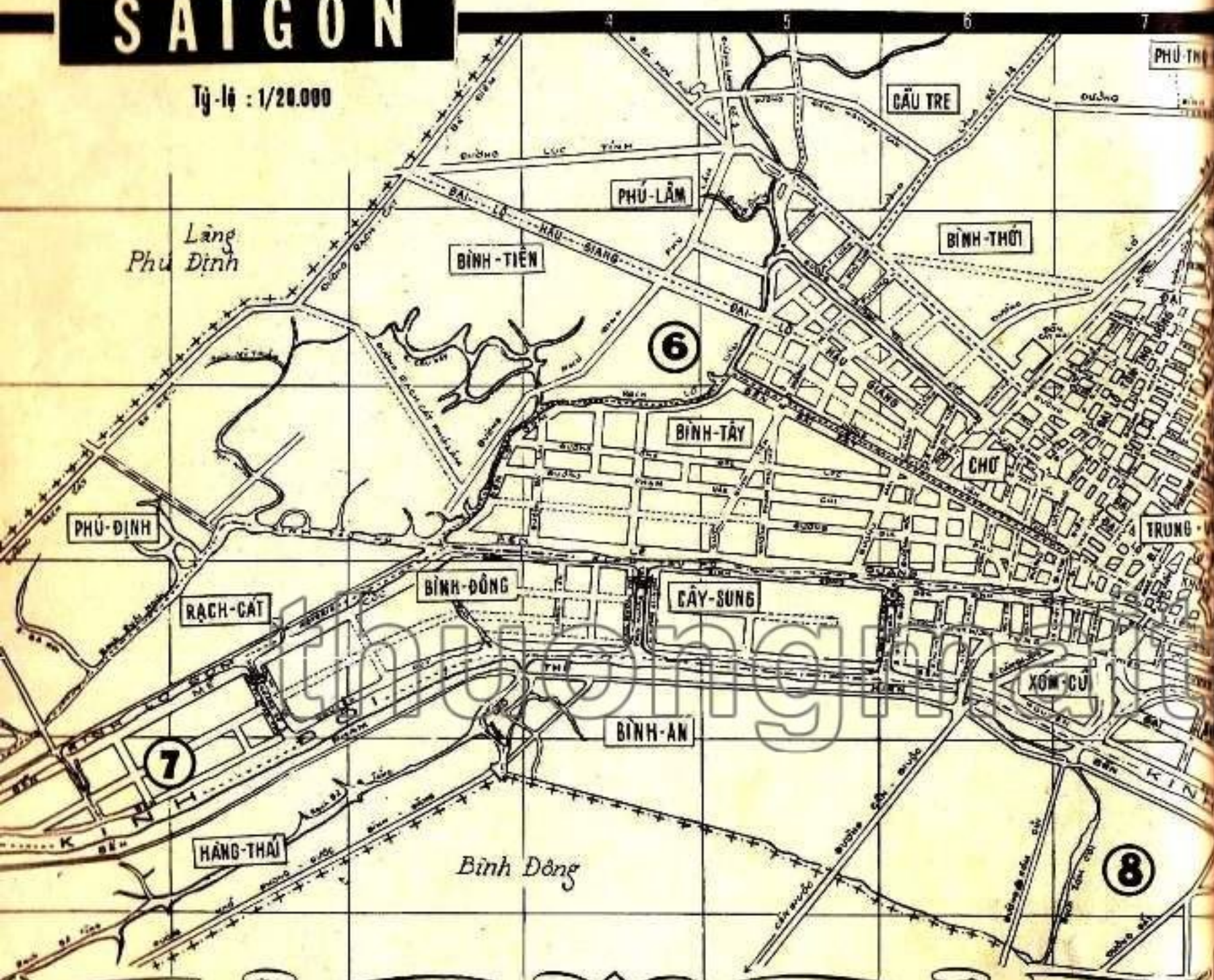
— Em hãy chỉ chợ Sài-gòn, nhà ga Sài-gòn, công-viên Tao-đàn, vườn thú, bến tàu (bến Bạch-Đằng), bến xe đò đi tỉnh (đường Pétrus-Ký và đường Nguyễn-cư-Trinh).

— Từ tỉnh em lên Sài-gòn, khi đến Sài-gòn xe phải chạy đường nào để vào bến xe ?

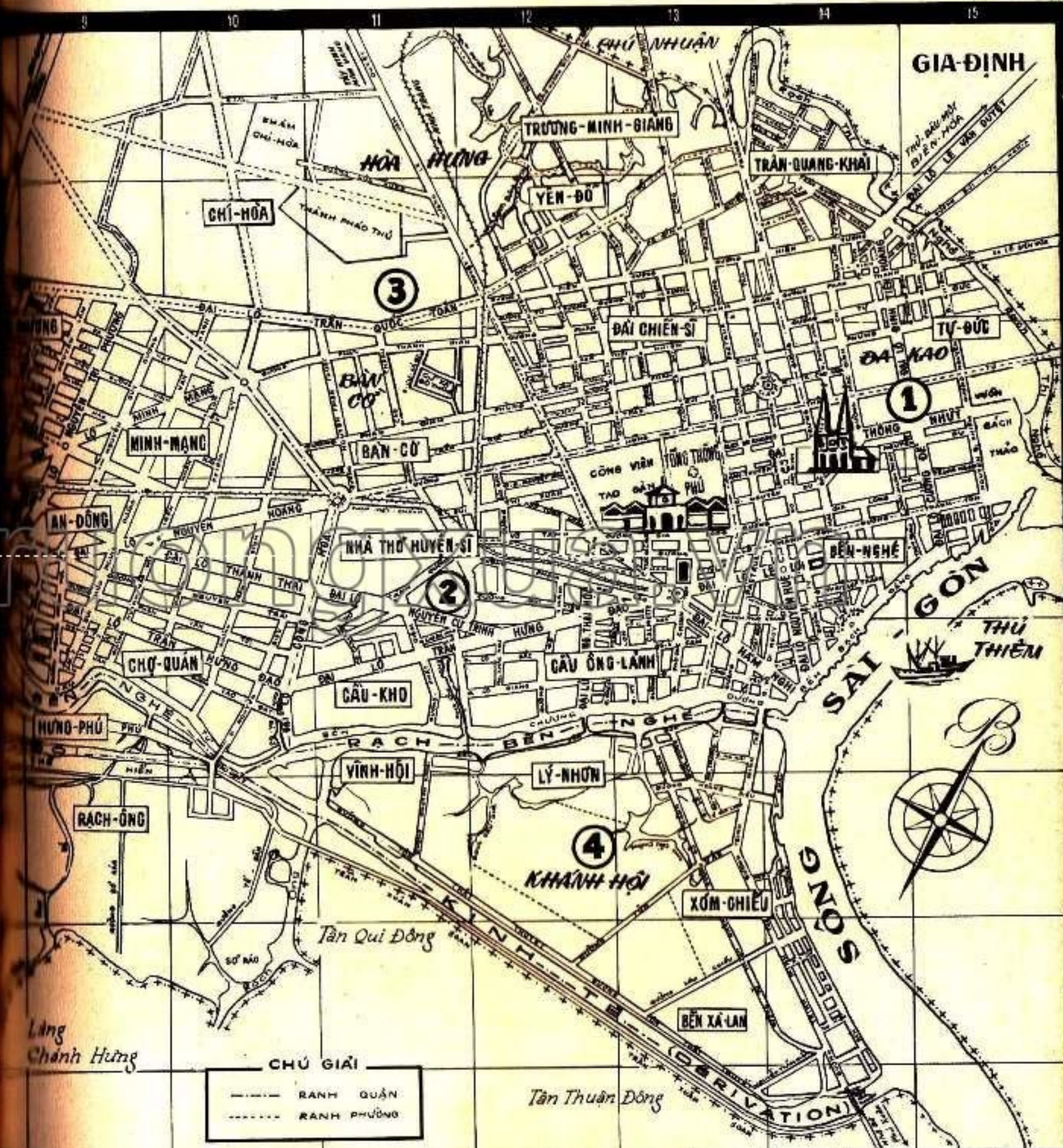
— Riêng đối với học-sinh cư-ngụ ở Đô-thành, em hãy chỉ tên đường trước trường em, tên đường trước nhà em, tên những đường từ nhà em đến trường.

SAIGON

Tỷ lệ: 1/20.000



QUẬN NHẤT	QUẬN NHỊ	QUẬN BA	QUẬN TƯ	QUẬN NĂM	QUẬN SÁU	QUẬN BẢY	QUẬN TÁM
4 Phường:	4 Phường:	5 Phường:	4 Phường:	6 Phường:	7 Phường:	6 Phường:	5 Phường:
- Bến Nghé	- Cầu Ông Lãnh	- Đài Chiến-Sĩ	- Xóm-Chiêu	- Trung-Uông	- Binh-Tây	- Cây-Sung	- Xóm-Côi
- Hòa-Bình	- Chợ Bến Thành	- Bến-Cà	- Lý-Nhơn	- Chợ-Quán	- Binh-Tiền	- Binh-Dông	- Hưng-Phú
- Tự-Dức	- Cầu Kho	- Chí-Hòa	- Vĩnh-Hội	- An-Đông	- Phú-Lâm	- Rạch-Cát	- Binh-An
- Trần-quang-Khai	- Nhà thờ H. Sĩ	- Trương-m-Giang	- Bến Xá-Lan	- Minh-Mạng	- Cầu-Tre	- Phú-Định	- Chánh-Hưng
		- Yên-Đô		- Ng-tr-Phượng	- Binh-Thời	- Bến Đá	- Rạch-Ông
				- Phú-Thọ	- Phú-thọ-Hòa	- Hàng-Thái	



CHÚ GIẢI
 --- RANH QUẬN
 - - - RANH PHƯỜNG

thuongmaitruongxua.vn

CHƯƠNG V



Bài 28. NƯỚC VIỆT-NAM : VỊ-TRÍ, RANH-GIỚI, BỜ BIỂN.

EM QUAN-SÁT và SUY-LUẬN :

- Em đã biết nước Việt-Nam nằm trên Bắc bán-cầu, trong miền nhiệt-đới, tại Đông-nam Châu Á.
- Trong bản đồ Việt-Nam bên trái, em thử đo bề dài từ ải Nam-quan đến mũi Cà-mau và bề ngang (chỗ hẹp hơn hết), tại Đồng-hới. Em tính xem bề dài bằng mấy lần bề ngang.
- Kể các nước lân cận với Việt-Nam.
- Phía đông, nước ta giáp với biển gì ?
- Phía nam giáp với biển gì ?
- Bờ biển Việt-Nam chạy dài từ bắc chí nam, hình cong như chữ S.

EM ĐỌC BÀI :

NƯỚC VIỆT-NAM

« Nước Việt-Nam ta hơn bốn ngàn năm lập quốc.

Từ ải Nam-quan đến mũi Cà-mau... »

Đọc đến đây, An ngừng lại, hỏi anh :

« ải Nam-quan ở đâu, anh Thành há ? »

Thành ngồi cạnh đó, nghe em hỏi, liền đáp :

« ải Nam-quan ở ngoài Bắc-Việt, em à ! »

Đoạn, Thành đứng dậy, chỉ bản đồ trên tường, nói tiếp :

« Đây, em xem ! Nước ta chạy dài từ bắc chí nam.

Bờ biển hình cong như chữ S.

Ài Nam-quan nằm cạnh ranh-giới Bắc-Việt và Trung-hoa.

Còn mũi Cà-mau, đó em ở đâu ? »

An chỉ mũi Cà-mau trên bản đồ nói :

« Đây nè ! cái mũi nhọn ở cuối miền Nam, phải không anh ? »

Thành gập đầu cười . . .

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

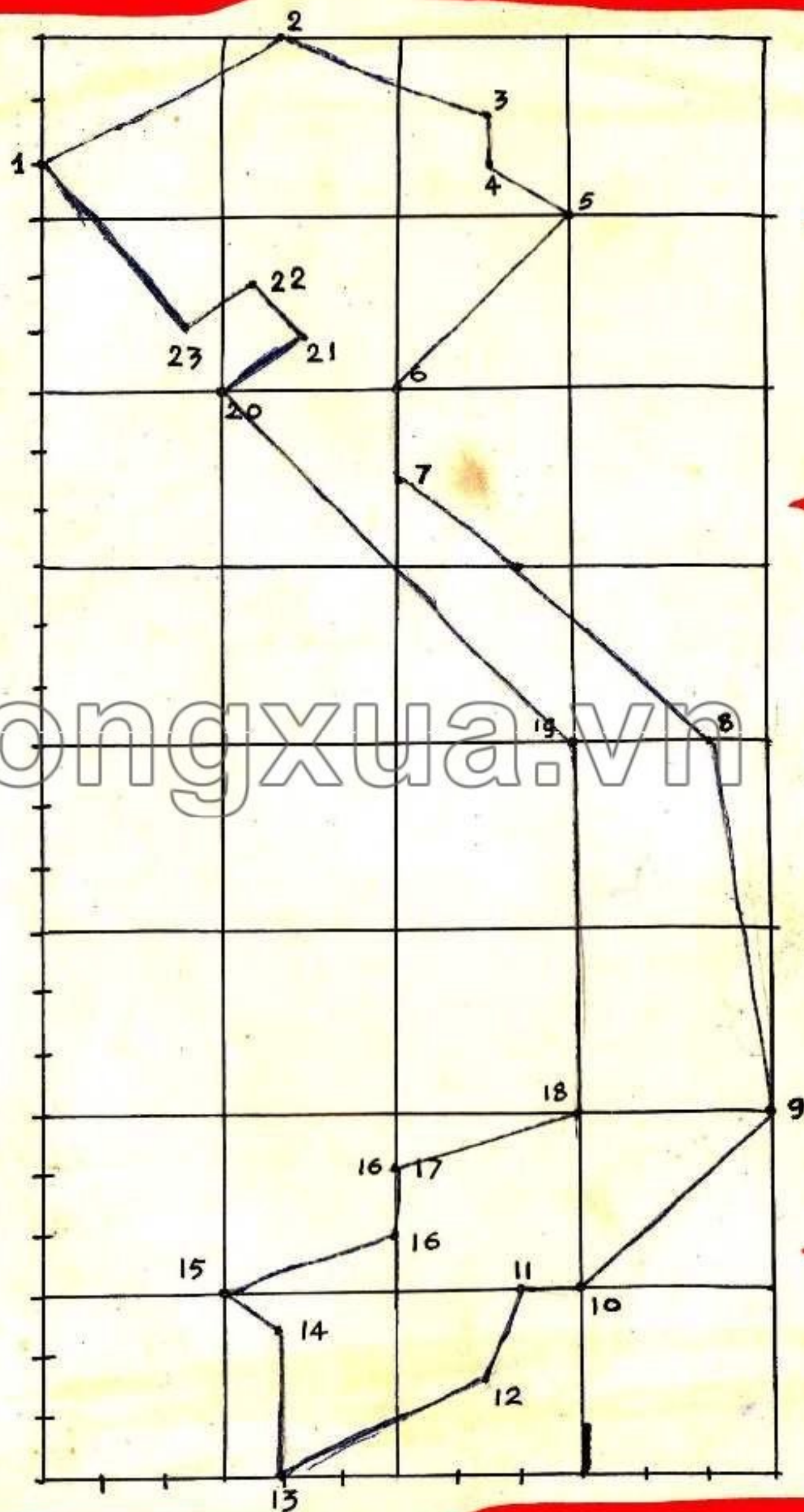
- Nước Việt-Nam nằm trong bán-cầu nào ? thuộc châu nào ?
- Phía bắc, Việt-Nam giáp với nước nào ? Phía tây, Việt-Nam giáp với nước nào ?
- Bờ biển Việt-Nam hình cong như chữ gì ?

EM NHỚ :

Nước Việt-Nam chạy dài từ ải Nam-quan đến mũi Cà-mau. Bắc giáp với Trung-hoa, đông và nam giáp với biển Nam-hải, tây giáp với Cam-bốt và Ai-lao. Bờ biển Việt-Nam hình cong như chữ S.

EM VẼ :

Em dùng giấy mỏng đặt lên trang, rồi dùng viết chì ghi lại 24 điểm trên tờ giấy. Ghi xong, em dùng thước và viết chì nối liền 24 điểm trên theo thứ tự 1, 2, 3, 4 đến 24, em sẽ có bản đồ Việt-Nam.





HOÀNG-LIÊN-SƠN

DÂY TRƯỜNG SƠN

HUE
Sông Hương

Sông Cửu Long

BÀ ĐEN



Bài 29. VIỆT-NAM : NÚI, ĐỒNG BẰNG, SÔNG NGÒI

EM QUAN-SÁT và SUY-LUẬN :

- Em đã biết trên bản đồ: núi được tô màu vàng sậm, đồng bằng được tô màu xanh lá cây, biển và sông được tô màu xanh lơ. Đường giới-hạn biển và đất liền là bờ biển được tô màu xanh đậm.
- Xem bản đồ Việt-Nam treo trong lớp học, em tìm xem vùng nào có nhiều núi (ở Bắc-Việt có dãy Hoàng-Liên-Sơn cao nhất, ở Trung-Việt có dãy Trường-Sơn dài nhất, ở Nam-Việt có núi Bà-Đen), vùng nào có đồng bằng ? Em kể hai con sông dài nhất của nước ta.

EM ĐỌC BÀI :

SÔNG HƯƠNG ĐẸP LẮM !

An chăm-chú nhìn bản đồ Việt-Nam, đoạn phê-bình :

« Bản đồ vẽ nhiều màu lộn-xộn quá, anh Thành há ? »

Thành xoa đầu em, cười đáp : « Không đâu em !

Nhờ nhiều màu, em phân biệt được đồng bằng, núi non, sông biển.

Đây, em xem ! Miền Nam có nhiều đồng bằng.

Miền Bắc và Trung có nhiều núi non. Còn đây là sông, biển.

Miền Nam có sông Cửu-Long chảy ra biển Nam-Hải.

Miền Bắc có sông Hồng chảy ra Vịnh Bắc-Việt. »

— « Còn sông Hương ở đâu, anh Thành ? »

— « Sông Hương ở miền Trung.

Sông này nhỏ hơn sông Cửu-Long và Hồng-Hà.

Nhưng sông Hương có tiếng là đẹp lắm. »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

- Ở Việt-Nam dãy núi nào cao nhất ? Dãy nào dài nhất ?
- Ở miền Nam Việt-Nam có những đồng bằng nào ?
- Việt-Nam có sông nào lớn nhất ?
- Hồng-Hà ở miền nào của Việt-Nam ?

EM NHỚ :

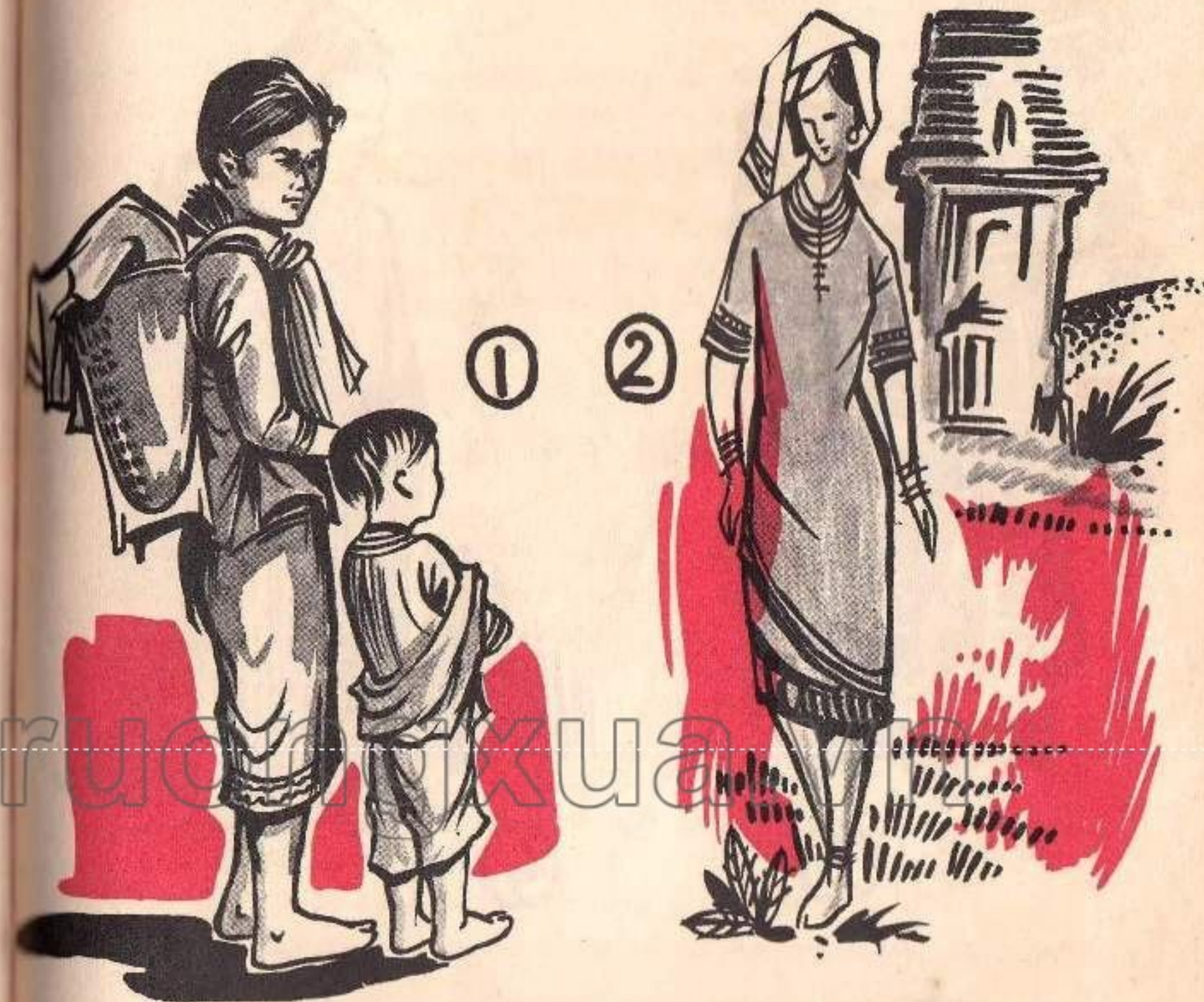
Miền Nam Việt-Nam có nhiều đồng bằng rộng lớn. Miền Bắc và Trung có nhiều núi non. Việt-Nam có hai sông lớn : Sông Cửu-Long ở miền Nam và Hồng-Hà ở miền Bắc.

EM LÀM MÔ-HÌNH :

Em cùng các bạn trong toán em dùng đất sét đắp mô hình núi, đồng bằng, sông ngòi, bờ biển Việt-Nam.

EM VẼ :

Trên một trang giấy gạch vuông, em vẽ 32 ô vuông, mỗi ô ba hàng theo hình vẽ nơi trang 97 (em nhớ ghi chữ a, b, c, ... theo chiều ngang và chiều dọc).



Bài 30. NƯỚC VIỆT-NAM: DÂN-CƯ

EM QUAN-SÁT :

- 1.— Xem hình 1, em thấy đồng-bào Thượng ăn mặc ra sao ?
- 2.— Xem hình 2, em thấy người Chăm. Cách ăn mặc của họ khác hơn đồng-bào Thượng thế nào ?
- 3.— Xem hình 3, em thấy người Mèo. Cách ăn mặc của họ có giống người Thượng và người Chăm không ?
- 4.— Xem hình 4, em thấy hai người đàn bà Nùng. Áo quần họ ra sao ? Họ đeo gì ở cổ ?



- 5.— Xem bản-đồ, em thấy người Thượng ở vùng nào ? Người Chăm ở vùng nào ? Người Nùng và người Mèo ở vùng nào ?
 Những người này là dân-tộc thiểu-số. Họ sống rải rác trong những vùng rừng núi.
 Ngoài dân-tộc thiểu-số này, dân-tộc nào đông hơn hết ở Việt-Nam ?
 Ngoài người Việt-Nam và dân-tộc thiểu-số, còn có người nước khác đến ở nước ta. Họ là ngoại-kiều. Em hãy kể những ngoại-kiều em biết.

EM ĐỌC BÀI :

DÂN SỐ NƯỚC MÌNH TĂNG

Thành, Gia, An đi dạo phố.

Người qua kẻ lại tấp-nập, đôi khi phải chen lấn nhau.

An phàn-nàn : « Người ta đâu mà đông quá ! »

Gia tiếp lời em : « Sài-gòn ngày càng đông dân, anh Thành há ? »

Thành gật đầu, đáp : « Phải, dân-số ở Sài-gòn ngày càng tăng. »

— « Vậy, dân-số nước mình hiện giờ lên tới bao nhiêu anh ? »

— « Độ 30 triệu, kể cả người Việt-Nam, đồng-bào thiểu-số và ngoại-kiều. »

An xen vào : « Đồng-bào thiểu-số là ai anh ? »

— « Là đồng-bào Thượng, Mường, Mán, Chăm, v.v... »

— « Còn ngoại-kiều là ai ? »

— « Là người nước ngoài vào sanh sống ở nước ta. »

Họ là người Trung-hoa, người Pháp, người Ấn, người Mỹ, v.v... »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

— Dân-số nước Việt-Nam độ bao nhiêu ?

— Kể các dân-tộc thiểu-số ở Việt-Nam.

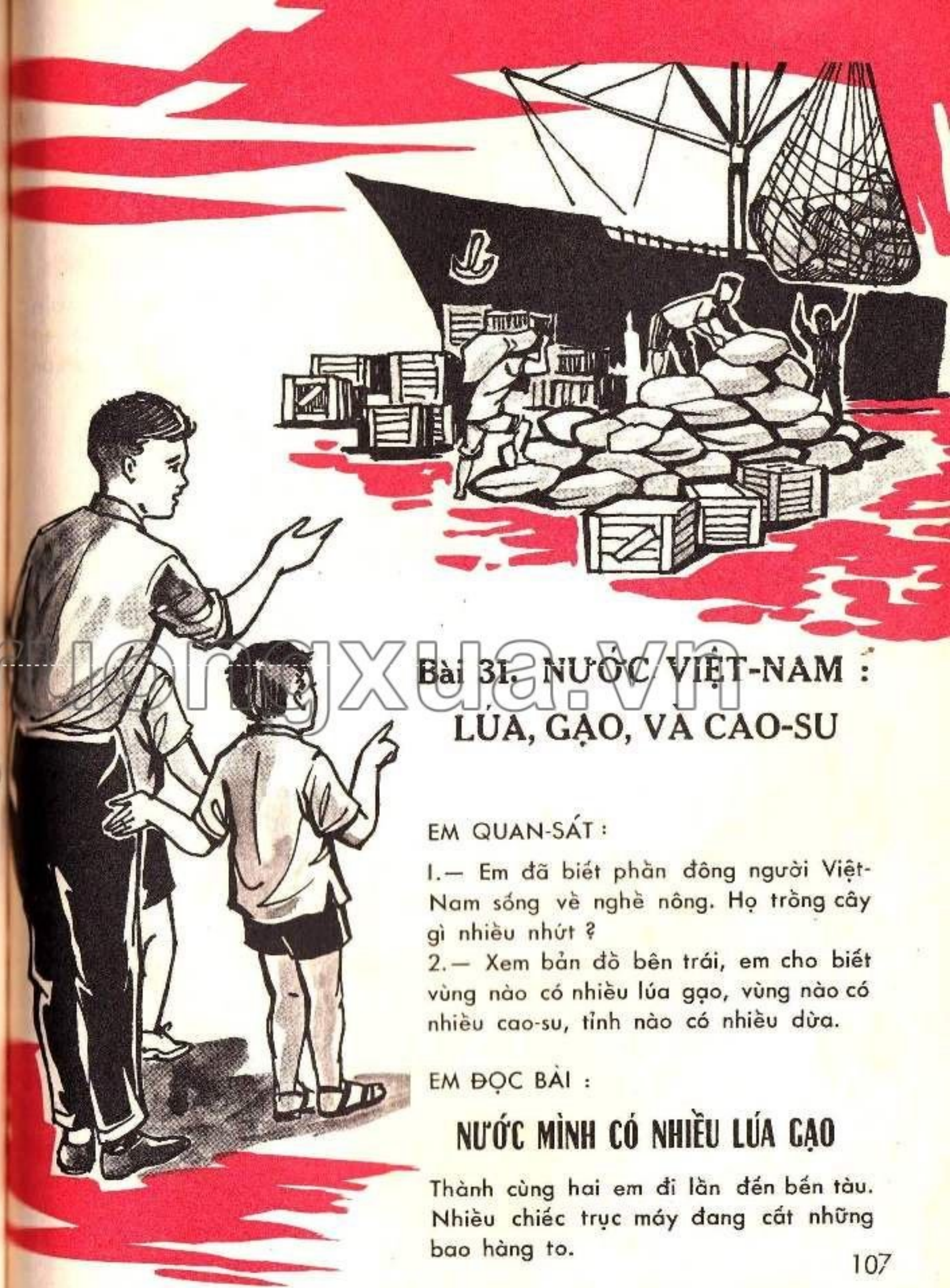
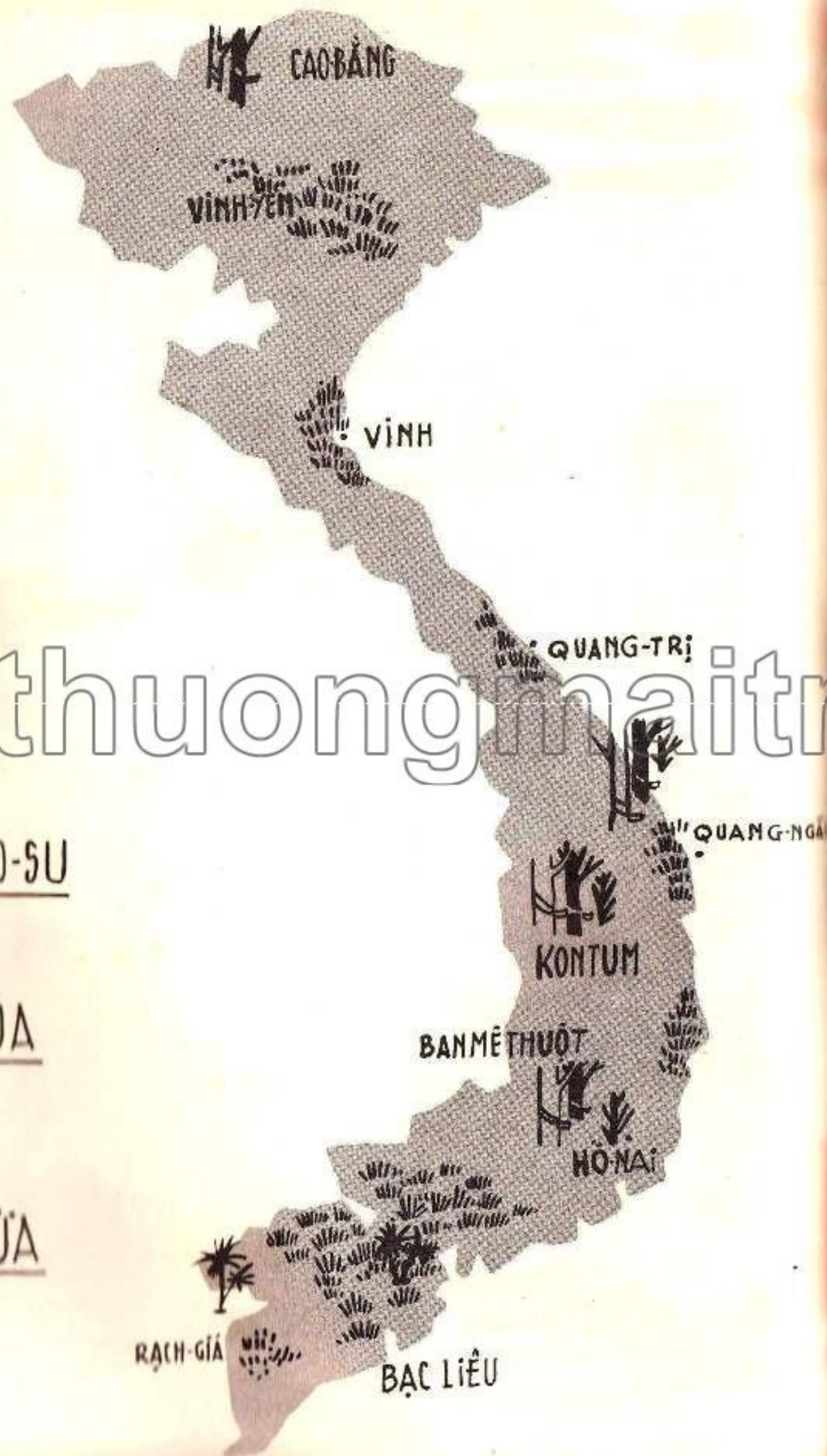
— Kể các ngoại-kiều ở Việt-Nam.

EM NHỚ :

Nước Việt-Nam có 30 triệu dân, phần đông là người Việt-Nam.

EM VẼ :

Trong hình vẽ kỳ trước, em ghi thêm 24 điểm y như hình vẽ nơi trang 97



Bài 31. NƯỚC VIỆT-NAM : LÚA, GẠO, VÀ CAO-SU

EM QUAN-SÁT :

- 1.— Em đã biết phần đông người Việt-Nam sống về nghề nông. Họ trồng cây gì nhiều nhứt ?
- 2.— Xem bản đồ bên trái, em cho biết vùng nào có nhiều lúa gạo, vùng nào có nhiều cao-su, tỉnh nào có nhiều dừa.

EM ĐỌC BÀI :

NƯỚC MÌNH CÓ NHIỀU LÚA GẠO

Thành cùng hai em đi lần đến bến tàu. Nhiều chiếc trục máy đang cất những bao hàng to.

An hỏi anh : « Người ta đưa những bao gì xuống tàu đó anh ? »

Thành đáp : « Đây là bao gạo còn đằng kia là bành cao-su. »

- « Người ta định chở đi đâu vậy anh ? »
- « Người ta đem bán ra nước ngoài. »
- « Ủa ! bộ các nước khác không có gạo và cao-su sao ? »
- « Có nhiều nước không trồng được các thứ đó nên phải mua của nước ta. Nước mình trồng nhiều lúa và cao-su. Nên hàng năm mới có dư để bán ra ngoài... Nhưng cũng có thứ hàng-hoá mà nước mình còn thiếu phải mua lại của nước khác. »
- « Thứ hàng nào anh ? »
- « Thí-dụ như : hàng vải, máy-móc v.v... »

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

- Người ta thường nói miền Nam Việt-Nam là một vựa lúa, em có biết tại sao không ?
- Miền nào của nước ta có nhiều lúa nữa ?
- Tại sao miền Trung ít lúa gạo ?
- Ngoài lúa ra, dân Việt-Nam còn trồng gì nhiều nữa ?
- Kể những tỉnh có nhiều cao-su.
- Tỉnh nào có nhiều dừa ?
- Nước ta mua ở nước ngoài những hàng-hoá gì ?

EM NHỚ :

Nước Việt-Nam có nhiều lúa gạo và cao-su.

EM SƯU TẦM :

Em cùng các bạn tìm :

- 1) các giống lúa đựng vào chai, dán nhãn rồi đem vào lớp làm học liệu, (nếu em ở thôn quê).
- 2) những vật làm bằng cao-su, dán nhãn lên rồi đem vào lớp làm học-liệu.

EM VẼ :

Trong hình em đã vẽ hai kỳ trước, em dùng thước và viết chì nối liền các điểm từ 1 đến 24. Em sẽ có hình gì ?

BÀI ÔN

Trên bản-đồ Việt-Nam nơi trang 110 em tìm :

- Dãy núi cao nhất, dãy núi dài nhất.
- Hai con sông dài nhất.
- Hai cánh đồng rộng ở miền Nam.
- Những thắng-cảnh.
- Những bãi biển.
- Những thành-phố lớn (chú ý những chữ khởi đầu tên các thành phố ấy).
- Những nông-sản ở miền Nam.

PHỤ-LỤC

1.— Thư gửi các bạn đồng nghiệp

2.— Bài hướng-dẫn mẫu

3.— Tài-liệu cần thiết

Kính thưa quý bạn đồng nghiệp

Soạn quyền « Em học Địa-lý » lớp Ba đúng theo chương-trình hiện-hành của Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục, chúng tôi nhằm mục-dích cung cấp cho học-sinh một tài-liệu học-tập giản-dị và thực-tiễn, đồng thời cống hiến quý bạn một phương-tiện giáo-khoa thích-hợp, khả dĩ hướng dẫn học-sinh học tập bằng tài sức riêng, bằng kinh-nghiệm riêng, qua nhiều cố-gắng và trong sự hăng say.

Mỗi bài học là một phiếu công-tác thích-hợp cho việc áp-dụng phương-pháp hoạt-dộng và được soạn thảo để học tập trong hai buổi học địa-lý, mỗi buổi trong vòng 30 phút.

Trọn buổi học thứ nhất sẽ được dùng học tập mục « em quan-sát và suy-luận. » Bài học được đặt căn bản trên việc quan-sát : quan sát trực-tiếp tất cả sự kiện địa-lý tự nhiên gần gũi với học-sinh, quan sát sâu rộng hơn trên các tranh, ảnh và hình vẽ đã được giản-dị-hóa vì mục-dích giáo-dục.

Nhờ quan-sát, trẻ học-hỏi, so-sánh, nhận-xét, suy-luận, và học-tập bằng tài sức riêng. Do đó trẻ thu thập những kiến-thức vững-chắc.

Buổi học thứ hai sẽ dành cho các mục. “ Em đọc bài, Em có biết không, Em thực-hành, Em ghi nhớ ... »

Sau khi những điều nhận-xét trong lúc quan-sát học-sinh chuyển sang mục « Em đọc bài » Ngoài việc giúp học-sinh hiểu biết rõ-ràng hơn ý-nghĩa các danh-từ địa-lý học trong bài, mục này còn cung-cấp thêm cho học-sinh thêm nhiều tài-liệu mới liên-quan đến đề-tài học tập.

Bài học sẽ được hoàn tất bằng cách kiểm-điểm những điều đã học hỏi giúp học sinh ghi nhớ các điểm chánh qua các mục « Em có biết không » và « Em ghi nhớ ».

Ngoài ra đề phối kiểm những điều đã học hỏi trẻ thực-hành bằng cách vẽ, dán, nắn, sưu-tập...

Trong phần phụ chúng tôi ghi lại một số tài-liệu cần-thiết cho các bài học và đưa ra vài bài mẫu để làm thí-dụ cho cách kiến-trúc các bài dạy. Các bạn đồng-nghiệp có thể áp-dụng trọn vẹn hoặc thêm bớt, sửa-chữa tùy sáng-kiến, tùy hoàn-cảnh và điều-kiện làm việc của mỗi người.

Về cách hướng dẫn bài học, chúng tôi đề-nghị áp-dụng một trong hai phương-pháp dưới đây :

Phương-pháp thứ nhất : a) cho học-sinh tự học : tìm hiểu và soạn trước bài học trong phần học-sinh (từng cá-nhân hoặc từng toán, ở nhà hoặc tại lớp).

Nếu áp-dụng phương-pháp cá-nhân tự-lực, thì khi vào lớp, thầy hướng-dẫn thảo-luận và bổ-khuyết của học-sinh.

Nếu học-sinh học từng toán, các toán báo cáo kết-quả, thầy hướng dẫn thảo-luận, giải-đáp thắc-mắc, bổ-khuyết các thiếu-sót.

b) Kiểm-điểm các bài tập hoặc thực-hành, cho đọc bài.

c) Thực-hiện sự hợp-tác giữa gia-đình và học-đường.

(trong bài mẫu số một, chúng tôi trình-bày rõ-ràng hơn cách hướng-bẫn bài học theo phương-pháp nói trên).

Phương-pháp thứ hai : a) — Hướng-dẫn thảo-luận, khai-thác kinh-nghiệm bản thân của học-sinh (dựa vào phần quan-sát và suy-luận)

b) Cho đọc bài.

c) Cho làm bài tập.

d) Kiểm-điểm kết-quả.

e) Thực-hiện sự hợp-tác giữa gia-đình và học-đường.

(trong bài mẫu số hai, chúng tôi trình-bày rõ-ràng hơn cách hướng-dẫn bài học theo phương-pháp này).

CHƯƠNG I — Bài 1.

Đề-tài : Trái đất.

Đầu bài : Làn khói trên mặt biển

I. SỬA SOẠN Ở NHÀ

1.— Ý CHÁNH :

Trái đất tròn như trái cam. Trái đất xoay quanh mình nó như con vù, đồng thời trái đất cũng chạy quanh mặt trời.

2.— TÀI-LIỆU CẦN-THIỆT :

Nguồn-gốc của địa-cầu : Theo nhà Thiên-văn-học Pháp Laplace, trước kia trái đất là một khối lửa từ mặt trời tách ra, lần lần nguội đi. Trong ruột trái đất vẫn còn một chất lỏng nóng trên bốn ngàn độ. Có khi chất lỏng ấy phun lên từ những chỗ nứt của trái đất và tạo thành núi lửa. Lúc nguội ruột trái đất rút nhỏ lại, vỏ trái đất trở nên cứng, mặt đất có chỗ lồi chỗ lõm. Lớp ngoài thành một cái vỏ cứng dày đến 50 km.

Khi vỏ trái đất nguội hẳn, hơi nước gặp lạnh thành mưa, tạo nên biển, hồ. Cây-cối, thú vật bắt đầu xuất-hiện...

Hình dáng địa cầu :

Trái đất hình tròn: nhìn quanh mình ta thấy mặt đất bằng, mà nghe nói trái đất tròn thì ai cũng lấy làm lạ. Nhưng nên nhớ phần đất ta trông thấy đây sánh với bề mặt trái đất thì chỉ là một phần nhỏ con con thôi. Nhìn một vùng nhỏ trên một mặt tròn to lớn, ta sẽ thấy vùng ấy bằng-phẳng. Đường tròn vòng quanh trái đất dài đến 40.000km. (dài trên 25 lần bề dài nước Việt-Nam của ta).

Thật ra trái đất không phải tròn y như viên đạn. Trên mặt trái đất có những bướu — chỗ lồi mà người ta gọi là núi — và những trũng — chỗ lõm xuống chứa đầy nước mà người ta gọi là biển — Ngoài ra, hai đầu trái đất còn hơi giẹp giống như trái quít vậy.

Để chứng-minh trái đất hình cầu, ta có thể nêu ra những sự-kiện sau đây :

1) Người ta có thể đi vòng quanh thế-giới bất cứ một khởi điểm nào. Năm 1.522, Magellan đã dùng một chiếc tàu để hoàn-thành việc du hành vòng quanh thế-giới lần đầu tiên.

2) Khi nguyệt-thực mới xảy ra, bóng trái đất in trên mặt trăng luôn luôn là một hình viên phân (một phần của mặt tròn).

Thí nghiệm : ánh-sáng một ngọn đèn cây chọi ngang một quả cam in bóng tròn trên tường. Xoay quả cam mọi chiều, bóng in trên tường vẫn tròn.

Mặt tròn phẳng chỉ có thể có bóng tròn khi ánh sáng rọi thẳng đứng vào chính-diện của nó.

Thí-nghiệm : ánh sáng một ngọn đèn cây chiếu thẳng đứng vào mặt đĩa in bóng lên tường. Nhưng khi cái đĩa nghiêng qua một bên thì bóng in lên tường không còn tròn nữa.

3) — Lúc nhìn một chiếc thuyền ra khơi, phần đáy thuyền sẽ bị khuất trước tiên trong khi ta còn thấy rõ phần trên chiếc thuyền.

Nếu trái đất gập, ta sẽ nhìn rõ toàn phần thuyền cho tới khi nó vượt khỏi tầm mắt ta.

Sự vận chuyển của trái đất :

Trái đất không đứng yên một chỗ. Nó xoay quanh mình nó như một con vù, mỗi vòng mất 24 giờ. Đồng thời, trái đất cũng chạy quanh mặt trời, giáp một vòng mất 365 ngày 6 giờ.

Có dịp đi xe lửa, lúc xe chạy ngang qua những toa xe khác đậu dọc theo ga, ta nhìn qua cửa sổ thấy dường như các toa xe ấy đang chạy còn toa xe ta ngồi thì đứng yên. Điều đó làm cho ta hiểu : chúng ta, những người hiện sống trên trái đất đang xoay, chúng ta có cảm-tưởng là mặt trời chạy quanh trái đất.

3.— HỌC-LIỆU :

- Địa-cầu, một trái cam hay quýt,
- Tranh và hình vẽ trong sách,
- Mỗi học-sinh mang vào lớp một cục đất sét.

II. HƯỚNG-DẪN BÀI HỌC

Phương-pháp dựa trên nguyên-tắc “ Dạy từng cá-nhân và làm việc tập-thể ”

Bài học trong phần học-sinh được biên soạn dưới hình-thức “ phiếu học cá-nhân ”. Mỗi học sinh ở nhà có thể soạn bài học, tìm tài-liệu, làm bài tập hoặc thực hành. Vào lớp, giáo-viên chỉ cần bổ-khuyết những thiếu sót, sửa chữa những lỗi-lầm, phê-bình, tổng-kết những kết-quả thực-hiện của học-sinh và cuối cùng, tóm-tắt bài học.

1.— TRƯỚC KHI VÀO LỚP :

Cá-nhân tự-lực : Cho học-sinh biết trước đề-tài học. Việc này, nên giải-thích cách tìm tài-liệu, làm bài tập hoặc thực-hành dựa theo tài-liệu hướng-dẫn trong phần học-sinh.

Học-sinh sẽ sửa-soạn trước bài học ở nhà, có thể tra-cứu trong sách vở hoặc hỏi bạn-bè, anh chị, cha mẹ v.v... Kết-quả sẽ được ghi vào một trang giấy (dưới hình-thức một bài-tập hoặc bảng tường-trình) theo thứ tự ở phần học-sinh « Em nhận-xét và suy-nghĩ » — « Em trả lời câu hỏi » — « Em làm bài tập ». Bảng ghi kết-quả sẽ được học-sinh mang theo vào lớp để căn-cứ vào đó thảo-luận và trình thầy kiểm-soát.

2.— KHI VÀO LỚP :

a) *Làm việc tập-thể* :

Chia học-sinh ra từng toán theo tổ-chức học-sinh có sẵn. Mỗi toán sẽ làm việc trong một khu riêng (cho đâu bàn học-sinh lại thành nhóm).

Cũng có thể chia lớp học ra làm 3 toán, mỗi toán tìm-tòi, thảo-luận một phần bài học. Chẳng hạn, toán 1, đoạn « Em nhận-xét và suy-nghĩ » ; toán 2, đoạn « Em đọc bài và Em có biết không ? » ; và toán 3, đoạn « Em thực-hành ».

Trưởng toán (hoặc một học-sinh được đề-cử) hướng-dẫn cuộc thảo-luận dựa theo các điểm trong phần học-sinh (mỗi học-sinh một quyển sách và bảng ghi kết-quả cá-nhân).

Đề-tài : Làng.

Đầu-bài : Làng Mỹ-phước.

I. SỬA-SOẠN Ở NHÀ

1.— **Ý CHÁNH** : Trong làng, dân chúng ở rải-rác. Phần đông sống về nghề nông.

2.— **TÀI-LIỆU CẦN-THIỆT** : Giáo-viên cần tìm hiểu những chi-tiết sau đây :

- . tên làng của học-sinh đang ở (nếu học-sinh ở thành-phố, tìm biết tên phường).
- . lịch-sử của làng (sự thành-lập, nguồn-gốc của tên làng, danh-lam thắng-cảnh, các sự thay-đổi trong làng...)
- . đường giao-thông trong làng : đường xe lửa, đường sá, sông rạch,
- . dân-cư (Việt-Nam, thiểu-số, ngoại-kiều).
- . các công-sở và đình, chùa, miếu, nhà thờ trong làng,
- . nông-nghiệp và tiểu công-nghệ, các sản-phẩm.

3.— **HỌC-LIỆU** :

- . Bản-đồ làng.
- . Hình và tranh-ảnh có liên-quan đến lịch-sử, cách giao-thông, nền kinh-tế, việc hành-chánh trong làng.
- . Hình và tranh-ảnh có liên-quan đến sự thay-đổi trong làng.
- . Tranh và hình vẽ trong sách.

II. HƯỚNG-DẪN BÀI HỌC

1. TRƯỚC KHI MỞ SÁCH :

Hướng-dẫn học-sinh (nếu trường học ở trong làng) đi xem các công-sở, đình, chùa, chợ...

Khi tới chợ, có thể chia học-sinh ra ba nhóm :

- nhóm đi quan-sát các tiệm buôn,
- nhóm theo dõi việc buôn bán tại chợ,
- nhóm đi quan-sát bến xe hoặc bến đò.

Trưởng toán (hoặc một học-sinh được đề-cử) phối-hợp công-tác cá-nhân, ghi chép những thắc-mắc không giải-đáp được, đúc kết thành một bảng ghi kết-quả duy-nhất của toán.

b) **Kiểm-điểm và tổng-kết** :

— Kiểm-điểm công-tác tập-thể : lần-lượt mỗi trưởng toán (hoặc một học-sinh được đề-cử) đọc bảng ghi kết-quả của toán. Giáo-viên bổ-khuyết hoặc sửa-chữa những thiếu-sót hoặc lỗi-lầm. Phê-bình.

— Kiểm-điểm công-tác cá-nhân : soát lại các bảng ghi kết-quả cá-nhân (có thể cho góp các bảng ấy và soát lại ngoài giờ học) Phê-bình hoặc phê điểm nếu cần.

Có thể kiểm-điểm công-tác cá-nhân bằng cách dùng câu hỏi và trả lời theo cách-thức cổ-diễn.

— **Tổng-kết** : giáo-viên tổng-kết và tóm-tắt bài học (xem mục « Em nhớ », phần học-sinh).

Trước khi mãn giờ, cho học sinh dùng đất sét nặn một viên đạn rồi dùng kim ghim ngang như hình vẽ trong sách. Và sau cùng, căn-dẫn chuẩn-bị bài « Mặt trời » cho kỳ học tới.

Chú-ý : Nếu áp-dụng phương-pháp trên, cách phân-phối bài học có vẻ khác hơn cách đề-nghị ghi trong bức thư gửi các bạn đồng-nghiệp. Nhưng mỗi bài trong sách vẫn được dùng dạy trong hai kỳ :

Kỳ thứ nhất : làm việc tập-thể và kiểm-điểm công-tác tập thể.

Kỳ thứ hai : kiểm điểm công-tác cá-nhân và tổng-kết.

III. HỢP-TÁC GIỮA-GIA-ĐÌNH VÀ HỌC-ĐƯỜNG.

Cho học-sinh biết trước đề-tài bài học và căn-dẫn chúng về nhà hỏi phụ-huynh để chuẩn-bị trước.

Khuyến-kích học-sinh trình-bày những điều nhận-xét của chúng. Dùng câu hỏi khéo-léo dẫn-dắt, đại-đề :

- Nhà em ở cách chợ làng em bao xa ?
- Gần chợ có những công-sở nào ?
- Em thấy gì ở bến đò ?
- Tại bến xe ở chợ làng (nếu có) có những loại xe gì ? Xe đó từ đâu đến và sẽ đi đâu ?
- Người ta bán những gì ở chợ ?
- Người ta bán những gì trong các tiệm buôn ?
- Từ chợ về nhà em, hai bên đường có nhà cửa san-sát như ở phố chợ không ?
- Dân chúng trong xóm em sống về nghề gì ?

2.— DÙNG SÁCH :

a) Cho xem hình trong sách và dùng câu hỏi có sẵn để hướng-dẫn học-sinh quan-sát các nhân-vật và quang cảnh chợ làng Mỹ-Phước. Cho học-sinh so-sánh chợ tại làng chúng với chợ vẽ trong sách.

b) Dùng những câu hỏi đặt sẵn trong phần này dạy học-sinh biết : tên làng, chợ trong làng, các xóm, cách sinh-sống của nhân-dân trong làng, cách giao-thông...

c) Kể chuyện : Thành, Gia về làng Mỹ-phước, nơi sanh đẻ của An mà cũng là quê nội của Thành và Gia. Chúng đi bằng xe đò. Xe đỗ tại chợ. Ba anh em xuống xe. Đây là câu chuyện :...

d) Cho đọc bài : « LẠNG MỸ-PHƯỚC » rồi hỏi :

- . Chiếc xe đò đỗ tại đâu ?
- . An vừa xuống xe vừa nói gì ?
- . Gia nói gì với Thành ?
- . Thành dẫn-giải thế nào ?

3.— KIỂM-ĐIỂM :

Dùng những câu hỏi đặt sẵn trong phần : “ Em có biết không ? ” để kiểm điểm bài học.

Dựa theo các câu trả lời của học-sinh, tổng-kết thành hai câu :

. Trong làng dân-chúng ở rải-rác. Phần đông sống về nghề nông.

. Làng nào cũng có trụ-sở hành chánh xã, một trường học, một đình làng.

Cho nhiều em nhắc lại hai câu trên để ghi nhớ.

4.— TẬP HÁT :

Tập cho các em hát bài : « Làng em ».

III. HỢP-TÁC GIỮA GIA-ĐÌNH VÀ HỌC-ĐƯỜNG.

Trước ngày dạy bài này, thầy báo học-sinh về hỏi cha mẹ các tài-liệu cần-thiết về lịch-sử của làng, dân-cư, đường giao-thông, danh lam thắng-cảnh...

CHƯƠNG IV — Bài 23

Đề tài: Vẽ bản đồ

Đầu bài: Tập vẽ bản đồ lớp học.

I. SỬA-SOẠN Ở NHÀ

1.— Ý CHÁNH: Vẽ bản đồ lớp học là vẽ hình-dáng lớp học và các vật-dụng trong lớp học nhìn từ trên xuống.

2.— TÀI-LIỆU CẦN-THIỆT:

a) Một món đồ như một cái hộp, nếu vẽ theo lối phối-cảnh không thể thấy được cùng một lúc mặt trên, mặt đáy, chung quanh, bề dài, bề ngang bề dày của chiếc hộp. Một người thợ không thể nhìn vào hình vẽ cái hộp theo lối phối-cảnh mà đóng thành chiếc hộp ấy đúng theo ý muốn của khách hàng được.

b) Đóng một cái bàn hay cất một căn nhà cũng thế. Bàn hay nhà cần phải được trình bày đầy đủ chi-tiết.

— Bàn thì phải có bề cao, bề ngang, bề dài, có mặt bàn, chân bàn, các ngăn tủ, bề dày mặt bàn, bề dày ván trong mấy ngăn tủ...

— Nhà thì phải có chiều dài, chiều ngang, chiều cao, cửa cái, cửa sổ, tường, phòng...

Vì vậy muốn cho anh thợ mộc đóng được chiếc bàn ấy, muốn nhà thầu khoán xây được căn nhà ấy, thì bàn và nhà phải vẽ theo phân-độ (croquis cote), gồm 3 phần: phần thấy ngang tức là trắc-diện (profil), phần thấy cái nhà chệ ra làm đôi từ trên xuống, tức là thiết-diện (coupe) và phần nhìn từ trên xuống, tức là bình-diện (plan).

c) Vẽ bản đồ để học về địa-lý tức là vẽ bình-diện mà thôi: từ bản đồ (plan) bàn học-sinh đến bản đồ lớp học, trường học, đi lần tới bản đồ (carte) làng, bản đồ quận, tỉnh và xứ, ta chỉ vẽ những nét đại cương: như hình-dáng chiếc bàn học-sinh từ trên nhìn xuống, hình-dáng trường học cùng với hình-dáng, vị-trí, bàn ghế, tủ... hình

dáng trường học cùng với các dãy phòng..., những đường sá, sông rạch, ranh-giới... của làng, quận, tỉnh và xứ.

3.— HỌC LIỆU:

- 1 bản đồ lớp học vẽ sẵn trên một tờ giấy lớn (có kẻ ô vuông).
- 1 bảng lớn thứ hai có kẻ sẵn ô vuông (dùng trong giờ dạy vẽ bản đồ).
- thước kẻ để đo lớp học.
- phấn màu.
- hình trong sách.

I. GIẢNG BÀI

1.— TRƯỚC KHI MỞ SÁCH:

- Bảo học-sinh lên bảng và nhìn xuống lớp học. Dùng câu hỏi hướng-dẫn học-sinh quan-sát, đại-đề như sau:
- Các em hãy nhìn thẳng xuống cuối lớp, các em thấy những gì? (bàn học trò, tường, cửa sổ...)
- Em có thấy mấy hàng ghế ngồi của các em không? Tại sao?
- Em có thấy bảng lớn, bàn thầy, tủ đựng sách vở không?
- Muốn thấy những vật này, em phải làm sao?

2.— DÙNG SÁCH:

a) Hướng-dẫn học-sinh so-sánh 2 hình trong sách (hình 1 và 2). Dùng những câu hỏi trong phần «Em quan-sát» để chỉ cho chúng thấy nhờ bản-đồ mà chúng thấy được toàn-thể lớp học, hình-dáng lớp học, số bàn ghế học-sinh, bàn-thầy, bảng lớn... vị-trí của mỗi vật-dụng trong lớp học.

b) Giúp học-sinh khi nhìn vào bản-đồ lớp học, biết được vị-trí của mỗi vật-dụng trong lớp học.

3.— KIỂM-ĐIỂM:

Dùng những câu hỏi trong sách phần «Em có biết không» để học-sinh nhìn vào bản-đồ của lớp học mình vẽ trên bảng

lớn (hay trên giấy lớn gắn trên bảng) mà nhận định được hình-dạng (hình vuông, chữ-nhật, tròn,...) các vật-dụng trong lớp, vị-trí của các vật ấy, nơi các em ngồi, chiều hướng của lớp học. Nhờ vậy, chúng biết cửa vào bên mặt day về hướng nào, cửa bên trái day về hướng nào, trước mặt và sau lưng chúng thuộc về hướng nào.

III. EM TẬP VẼ BẢN-ĐỒ LỚP HỌC

1.— Bảo học-sinh kẻ hàng vuông trên giấy (hay dùng giấy tập gạch ô vuông)

2.— Cho học-sinh đo kích thước lớp học, các vật-dụng sẽ vẽ lên bản-đồ, ghi trên bảng các kích-thước ấy và hướng-dẫn học-sinh so-sánh :

- a) bề dài với bề ngang lớp học,
- b) bề ngang lớp học với bề dài bàn thầy.
- c) bề ngang lớp học với bảng lớn,
- d) bề dài bàn thầy với bề ngang và bề sâu tủ đựng sách,
- e) bề dài và bề ngang bàn thầy với bề dài và bề ngang bàn học-sinh.

3.— Vừa hướng-dẫn học-sinh bằng những câu hỏi trong phần «Em tập vẽ bản-đồ lớp học» để chúng vẽ lần hồi bản-đồ lớp học của chúng, vừa chỉ lên bản-đồ đã vẽ sẵn trên giấy lớn hay trên bảng lớn. Mỗi lần học-sinh vẽ trên tập xong một phần nào thì thầy gọi một em lên bảng thứ nhì có kẻ ô sẵn để vẽ lại hầu giúp các em tự sửa chữa lấy những nét vẽ sai. Cho vẽ theo thứ tự như sau :

- . bề dài rồi bề ngang lớp học
- . bảng lớn,
- . tủ
- . bàn học-sinh...

4.— Tô màu.

TÀI-LIỆU CẦN-THIỆT

MẶT TRỜI

Mặt trời ở cách quả địa cầu bao xa?

Mặt trời trung bình ở cách quả địa-cầu 149.500.000km (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm ngàn cây số). Tuy nhiên những nhà khoa-học hiện đại cho rằng khoảng cách đó có thể xê-xích tới nhiều ngàn cây-số, Đầu tháng giêng dương-lịch, khoảng cách đó chỉ có 147 triệu km và đến những ngày đầu của tháng 7 dương-lịch khoảng cách đó kéo dài ra tới 152 triệu km.

Như ta đã biết ánh sáng đi 300.000 km mỗi giây, ánh sáng đi từ mặt trời đến trái đất trong 8 phút và 18 giây.

Vài con số so-sánh mặt-trời và quả địa-cầu.

Đường kính : 1.391.000 km (109 lần đường kính trái đất)

Khối-lượng : 333.000 lần lớn hơn khối quả địa-cầu.

Thể-tích : 1.300.000 lần thể tích quả địa-cầu.

Thời gian tự xoay tròn một vòng : 24 ngày 9 giờ

thuongmaitruongxua.vn

NGUYỆT-CẦU

Nguyệt-cầu là vệ-tinh (satellite) duy nhất chạy quanh trái đất. Cách xa ta 384.000 km, nhỏ hơn trái đất 50 lần, nguyệt-cầu tròn như quả địa-cầu, đầy cát, sỏi, không có không-khí, không có nước, nhiều hang hốc. Những du-khách đầu tiên được lên đến mặt trăng sẽ cảm thấy mình lơ-lơ, như đứng giữa một sa-mạc chìm trong yên-lặng. Họ không thể trao đổi cho nhau một lời nào, vì không có không-khí nên tiếng nói không thể được truyền đi. Nếu họ lên đứng chỗ mặt trời rơi vào, thì họ sẽ bị chết thiêu với sức nóng trên 100° ; nhưng nếu họ ở bên tối, thì lại càng nguy hại hơn, vì họ sẽ thành một khối nước đá lạnh 100° dưới không.

Nếu ta nhìn mặt trăng, ta có cảm-tưởng là nguyệt-cầu đứng yên một chỗ, kỳ thật nó xoay với một tốc-độ kinh-khủng là 3.600 km trong một giờ (1 km mỗi giây).

Trong lúc trái đất xoay chung quanh mặt trời hết sức nhanh, nguyệt-cầu vừa chạy theo vừa xoay chung quanh trái đất, giáp một vòng là 28 ngày.

Nhưng, trong khi vội-vàng chạy quanh trái đất, nguyệt-cầu còn xoay quanh trục của nó mỗi vòng 29 ngày, và, cũng như một chiếc tàu xây một phía hông vào hòn đảo trong khi chạy quanh đảo ấy, mặt trăng luôn luôn xoay một phía về trái đất. Từ trước, không một ai nhìn thấy mặt bên kia của mặt trăng, mãi đến ngày 4-10-1959, khi tiểu-nguyệt III (Lunik III) chụp được lần đầu tiên hình mặt này.

Nhờ những viễn-vọng kính thật tinh-vi, người ta có thể quan-sát tường-tận mặt trăng và đã vẽ được bản đồ mặt trăng đầy đủ chi-tiết. Một du-khách có thể dựa theo bản đồ ấy mà dạo quanh mặt trăng khỏi lo lạc đường.

VÀI CON SỐ VỀ MẶT TRĂNG

Trục-kính : 3.476 km (trục-kích trái đất 12.756 km)

Cách trái đất : 348.000 km.

Ngọn núi cao nhất : 8.200 m.

Miệng núi lửa rộng nhất : 240 km.

Trọng-lượng : nhẹ hơn trái đất 81 lần.

Nguyệt cầu nhỏ hơn trái đất, nên sức hút của nó cũng yếu hơn. Trên mặt đất, một người nặng 60 kg, nếu lên đến mặt trăng, sẽ chỉ còn nặng 10 kg.

Sức nặng giảm đi nhiều như thế (giảm 6 lần), nên một người mập mạp thế mấy lên đến cung trăng, cũng nhảy-nhót dễ-dàng như con dê con. Và một người bé nhỏ có thể mang được một khối đá to lớn mà ở tại mặt đất, họ không thể xê-dịch được.

NGÀY VÀ ĐÊM

SỰ VẬN-CHUYỂN CỦA TRÁI ĐẤT SINH RA NGÀY VÀ ĐÊM

Mặt trời mỗi sáng mọc ở phương đông, nhắc-nhở chúng ta : trái đất vẫn thường-xuyên chuyển-động. Trái đất xoay quanh hai cực ở đầu địa trục là Bắc-cực và Nam-cực.

Trái đất xoay từ phương tây sang phương đông. Nếu chúng ta nhìn xuống Nam-cực trên địa-cầu, chiều xoay của trái đất sẽ nghịch với chiều xoay của kim đồng hồ.

NGÀY VÀ ĐÊM.

Ánh sáng mặt trời lúc nào cũng chiếu sáng nửa trái đất chúng ta chỉ ở vào thời-gian ban ngày, khi phần trái đất của chúng ta quay về phía mặt trời. Trong thời-gian phần đất của chúng ta quay sang phía khuất mặt trời, chúng ta đang ở vào thời gian ban đêm.

CHỨNG-MINH CHUYỂN-ĐỘNG XOAY (ROTATION) NGÀY VÀ ĐÊM.

Nếu dùng địa-cầu để chứng-minh, ta sẽ hiểu rất dễ-dàng chuyển-động của trái đất và thời-gian ngày và đêm. Dùng một chiếc đèn bin rọi thẳng vào một địa-cầu trong một phòng tranh tối tranh sáng để biểu-thị mặt trời đang chiếu sáng lên trái đất.

Khi địa-cầu chuyển-động (luôn luôn xoay về phía đông) thì nửa phần nằm trong bóng tối, trong khi nửa phần kia nằm dưới ánh sáng. Mặt trời hình như mọc lên từ một nơi ở phía đông chân trời, đi qua vòm trời, rồi lại hình như lặn về hướng tây. Nếu ta xoay địa cầu nữa, hình như mặt trời lại hiện ra ở phía đông chân trời.

KHU GIỜ TIÊU CHUẨN.

Khi đi qua một múi giờ và tới một múi giờ khác,

người ta theo một hệ-thống múi giờ tiêu-chuẩn để điều-chỉnh đồng hồ. Trái đất chuyển-động xoay xong 360° thì mất 24 giờ ; như vậy, thế-giới chia thành 24 múi, mỗi múi có một khoảng rộng 15° giữa hai kinh-tuyến. Một đôi khi, vì nhu-cầu tiện dụng của địa-phương, giới tuyến giữa hai múi được điều-chỉnh lại và như thế không theo đúng kinh-tuyến nữa.

Khi ta đi từ tây sang đông, mỗi khi ta qua một múi giờ, ta phải vặn đồng hồ nhanh lên một giờ, bởi vì mặt trời đã trôi qua kinh-tuyến của múi ấy từ một giờ trước. Ngược lại, khi ta đi từ đông sang tây, mỗi khi bước vào một múi giờ tiêu chuẩn mới, ta phải vặn đồng hồ lui lại một giờ. Muốn cho học-sinh hiểu rõ, giáo-viên nên cho học-sinh kể những múi trên một địa-cầu tròn để tính những giờ khác nhau của địa-phương này với địa phương khác trên thế-giới.

Thí-dụ : Giờ trên thế giới :

Khi tại Saigon, đồng hồ chỉ 12 giờ trưa thì ở :	
Nữu-Uớc . . . 0 giờ	Yokohama . . . 14 giờ
Ba-Lê . . . 5 giờ	Bắc-Kinh . . . 12 giờ 46
La-Mã . . . 6 giờ	Luân-Đôn . . . 5 giờ
Chicago . . . 23 giờ	Bá-Linh . . . 6 giờ

ĐƯỜNG SANG NGÀY

Nhờ cách tính các thì-đạo trên địa-cầu, ta thấy rằng : nếu trên thì-đạo gốc ở kinh-tuyến Greenwich, Luân-đôn là trưa thứ hai, thì ở chỗ ghi 180° , tức là điểm đối chiếu của kinh-tuyến này là nửa đêm. Nếu chúng ta kể từ hướng đông chúng ta thấy thời-gian ở 180° đông chậm hơn giờ tại Greenwich 12 giờ, hay nói khác đi, ở đó là nửa đêm thứ hai.

Tương-tự, tính ở phía tây, chúng ta thấy rằng thời-gian ở 180° tây, sớm hơn thời-gian ở Greenwich là 12 giờ, hay là ở nửa đêm chủ-nhật. Để bù cho sự sai-biệt này trên đồng hồ, người ta điều-chỉnh lại lịch mỗi khi vượt qua đường sang ngày.

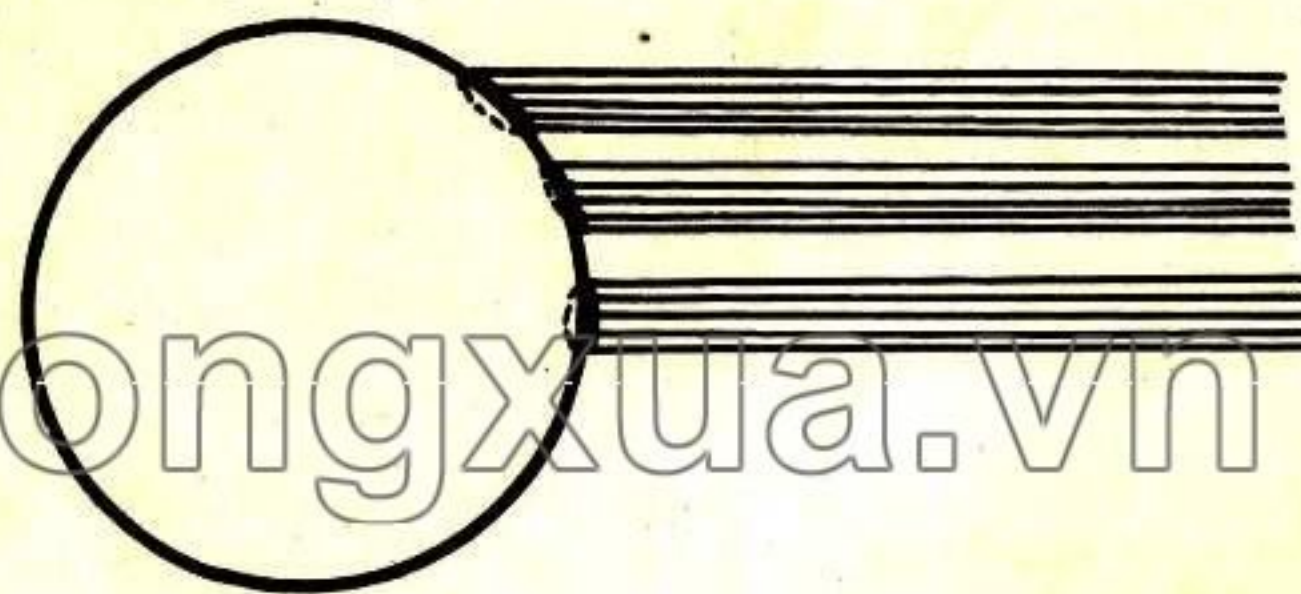
Nếu ta đi sang đông và gặp đường sang ngày, ta được lợi một ngày lịch (Lịch đề yên không gõ). Lúc đi sang phương đông từ nửa đêm thứ hai, ta sẽ đi ngược thời-gian, cả ngày thứ hai sẽ lập lại. Lúc đi sang phương tây, ta sẽ mất một ngày và quyền lịch sẽ phải gõ hai tờ lịch. Đi sang hướng tây từ nửa đêm chủ nhật đến nửa đêm thứ hai có nghĩa là thứ hai sẽ không có đối với khách du-hành, thành-thử người ấy nhảy từ đêm chủ nhật sang sáng thứ ba.

BỐN MÙA

KHÁI-NIỆM CƠ BẢN VỀ BỐN MÙA:

Chúng ta đã biết vì mặt trời ở cách trái đất quá xa, cho nên các tia sáng từ mặt trời đến ta đều song song với nhau.

Quan-sát một cụm tia sáng chiếu vào một mặt phẳng, ta thấy, nếu cụm tia sáng ấy chiếu thẳng góc với mặt phẳng, thì diện-tích tiếp nhận ánh sáng sẽ nhỏ; trái lại, nếu các tia-sáng chiếu xiên xiên vào mặt phẳng, thì diện-tích được rọi sáng sẽ lớn và các tia-sáng càng rọi xiên chừng nào thì diện-tích soi rọi càng lớn thêm lên chừng ấy.



Trong hình vẽ trên đây, chúng ta nhận thấy, càng gần địa-cực, thì các tia sáng mặt-trời càng chiếu xiên vào mặt đất.

Lẽ dĩ-nhiên, một cụm ánh sáng nhứt định, khi rọi thẳng vào một diện-tích nhỏ sức nóng sẽ lên cao, trái lại, khi cụm ánh sáng ấy rọi xiên xiên vào một diện-tích rộng lớn thì sức nóng sẽ giảm đi. Sự kiện này giúp ta hiểu sự thay đổi thời-tiết trên một vùng nhứt-dịnh của trái đất do ảnh-hưởng của các tia sáng mặt trời chiếu thẳng hoặc chiếu xiên vào vùng ấy.

Giữa đêm 31 tháng 12, tuyết rơi, giá lạnh, một nhà ngoại giao đến dự buổi tiếp-tân tại «Tòa nhà kiếng», trụ-sở Liên-hiệp-quốc ở Nữu-Uớc.

Một giờ sau, nhà ngoại-giao ấy, trong bộ y-phục ấm bằng nỉ dày, ra xe đi thẳng đến phi-cảng. Tại đây, một chiếc

máy bay riêng đang chờ ông. Sau khi ông ngồi yên chỗ, máy bay cất cánh.

Mười giờ sau, một nữ chiêu-dã-viên khả-ái đến cho ông hay máy bay sắp hạ cánh tại một phi-cảng khác. Sau khi chiêu-dã-viên bước ra, ông khách của chúng ta cũng biến vào phòng thay áo, và, năm phút sau, ông trở ra, trong bộ y-phục trắng, mỏng mà ông thường mặc vào mùa hè. Phải chăng, sự thay-đổi ấy do ảnh-hưởng của mấy ly rượu mừng năm mới mà ông đã nâng giữa bữa tiệc liên-hoan tại trụ-sở Liên-hiệp quốc ở Nữ-ước vào lúc nửa đêm?

Thưa không ! Sự thay đổi ấy do kinh-nghiệm nhiều năm trên trường ngoại-giao của ông khách, trong khi ông di-chuyển mau lẹ từ bán-cầu này sang bán-cầu khác. Trong khi người Hoa-Kỳ vây quanh lò sưởi để đón năm mới thì dân-chúng Úc-châu lại đang sống giữa mùa nắng, nóng, oi-bức.

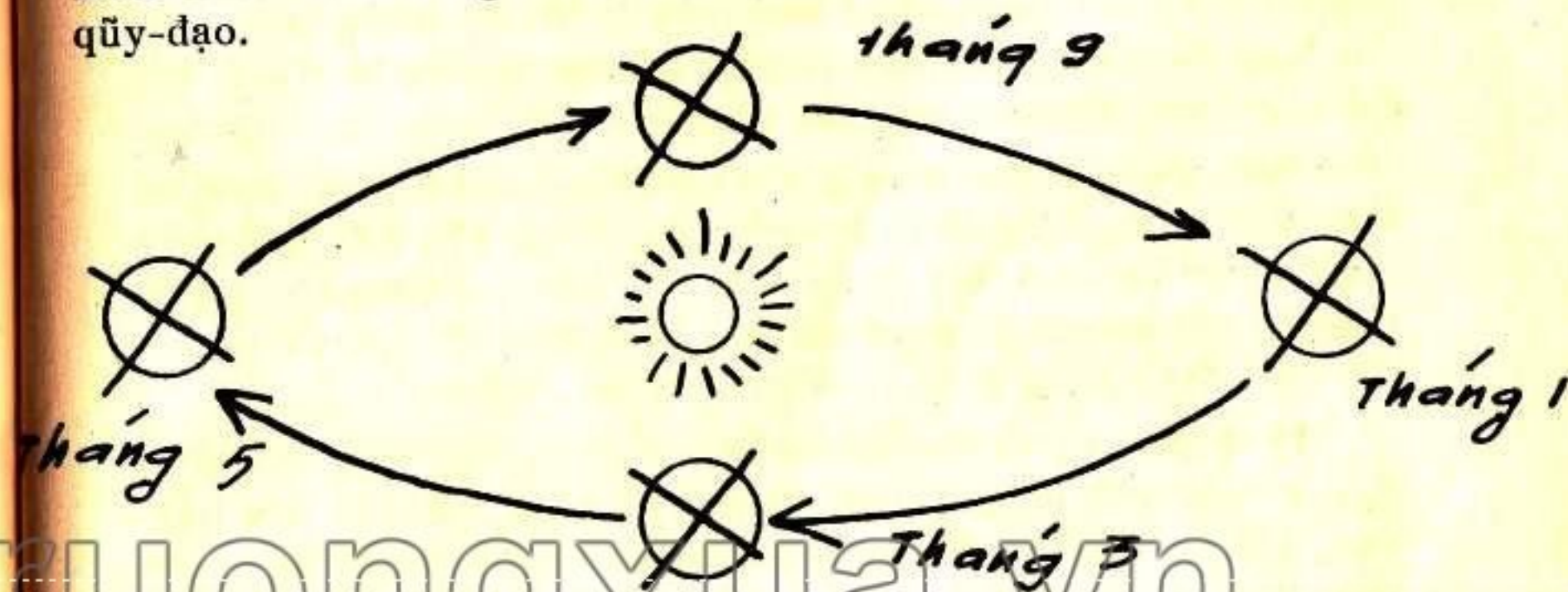
Thời-tiết khác nhau như thế, vì trong lúc trái đất xoay quanh mặt trời, địa trục luôn luôn nằm xiên xiên, so với quỹ-đạo, tức là đường bầu-dục mà trái đất theo đó để đi quanh mặt trời.

Vì là hình bầu-dục nên quỹ-đạo có điểm gần điểm xa mặt trời. Điểm gần nhất tính được 147 triệu km. điểm xa nhất 152 triệu km.

Nếu, từ đầu đến cuối năm, trong lúc xoay quanh mặt trời luôn luôn trục trái đất đứng thẳng, không nghiêng về bên nào thì một điểm nhứt định của trái đất lúc nào cũng tiếp nhận một luồng ánh sáng giống nhau của mặt trời. Trong trường-hợp ấy, khí-hậu ở mỗi khu vực sẽ không thay đổi từ đầu đến cuối năm : vùng xích đạo sẽ nóng bức mãi mãi, ở hai cực luôn giá lạnh và ở những khoảng giữa không nóng không lạnh suốt năm. Nhưng trục trái đất lúc nào cũng nghiêng về một bên, nên ánh sáng mặt trời chiếu vào trái đất trên những góc luôn luôn thay đổi. Sự kiện ấy giúp ta hiểu tại sao bốn mùa thay đổi trên mặt đất.

Quan-sát hình dưới đây, ta thấy con đường bầu dục tượng trưng cho quỹ-đạo mà trái đất đi qua trong lúc xoay quanh

mặt trời. Ở xứ ta, khi trái đất xoay tới điểm nhứt định nào của quỹ-đạo thì mùa nắng bắt đầu. Mỗi năm, cứ đến lúc trái đất trở lại điểm ấy thì mùa nắng trở lại. Trái lại, khi trái đất đi đến điểm nào của quỹ-đạo mùa mưa bắt đầu, thì năm khác mùa mưa cũng khởi sự lúc trái đất đến điểm đó của quỹ-đạo.



Tại những vùng khác của trái đất, thời-tiết không giống như ở xứ ta. Bạn còn nhớ người Et-ki-mô và tốp lều bằng nước đá trong mùa đông dài trên 6 tháng tiếp theo là mùa hè dài gần 6 tháng. Suốt mấy tháng hè, lúc nào cũng có mặt trời, ngay đến lúc giữa đêm. Nhưng ánh sáng không nóng, đó là khí-hậu miền hàn-đới. Trái lại gần xích-đạo, khí-hậu nhiệt-đới, mỗi năm cũng có hai mùa, không phải mùa đông và mùa hè như miền hàn-đới, mà mùa nắng và mùa mưa. Trong rừng sâu xích-đới, nóng quanh năm mỗi ngày đều có mưa. Giữa xích-đạo và hai cực có hai vùng khí-hậu mát-mẻ gọi là ôn-đới. Nơi đây, mỗi năm có bốn mùa rõ rệt : xuân, hạ, thu, đông.

Tuy Bắc và Nam bán-cầu, mỗi miền có những vùng khí-hậu giống nhau : hàn-đới, ôn đới, nhiệt-đới, nhưng khí-hậu Bắc bán-cầu trái hẳn với khí-hậu Nam bán-cầu : mùa đông ở Bắc-cực thì mùa hè ở Nam-cực. Lạnh ở Hoa-kỳ, oi bức tại Úc-châu.

ĐẠI-DƯƠNG

ĐẶC-ĐIỂM CHÁNH :

— Diện-tích của các đại-dương kể cả các biển phụ thuộc trên địa cầu (gần 3 phần 4 diện-tích quả địa cầu hay chừng 71%) rộng độ 360 triệu km²,

— Khối nước của các đại dương độ 1.370 triệu Km³

— Nhiệt-độ của mặt nước thay đổi từng nơi, từ dưới hai độ (-2° centigrade) trong các vùng Bắc và Nam cực đến ba mươi lăm độ (35° centigrade) trong vịnh Persique, gần xích-đạo. Nhiệt-độ trung-bình ở tận đáy biển sâu gần một độ (1° centigrade).

NHỮNG NƠI SÂU NHỨT :

Những nơi sâu nhất không phải ở giữa các đại dương mà lại ở gần bờ biển hay các quần-đảo. Chỗ trũng sâu nhất là chỗ trũng ở tại đảo Mariannes trong Thái-bình-dương. Một đoàn thám hiểm người Huê-Kỳ vào tháng giêng năm 1960 đo bề sâu đại dương nơi đó được 11.521m.

Những trũng khác là trũng Mindanao tại Phi-luật-Tân. «hồ Nhứt-bồn» (ravin Japonais) ở về phía tây Nhứt-bồn, trũng Porto Rico và trũng Java.

Thái-bình-dương sâu nhất trong các đại-dương.

ĐẠI-TÂY-DƯƠNG :

Diện-tích : 105 triệu km² (gồm cả Bắc-băng-dương 14 triệu km² và các biển phụ thuộc 9 triệu km²)

Bề sâu trung-bình : 3.200m.

Chỗ sâu nhất : 9.187m (trũng Porto Rico)

Bề rộng trung-bình : 6.000km.

Chỗ hẹp nhất : 2.840km (từ Dakar qua Brésil).

THÁI-BÌNH-DƯƠNG :

Diện-tích : 180 triệu km² (kể cả diện-tích các biển phụ thuộc

nằm trong Thái-bình-dương 15 triệu km².)

Bề sâu trung-bình : 4.300m

Chỗ sâu nhất : 11.521m (trũng ở đảo Mariannes)

Bề rộng từ Bắc xuống Nam độ 17.000km,

ẤN-ĐỘ-DƯƠNG :

Diện-tích : 75 triệu km² kể cả các biển phụ thuộc 1 triệu rưỡi km²

Bề sâu trung-bình : 3.900m

Chỗ sâu nhất : 7.000m (trũng Java)

Nhiệt-độ cao nhất trên mặt nước : ở phía Bắc Nouvelle Guinée độ 30° centigrade.

Chú ý : Các nhà địa-lý học hiện nay cho rằng quả địa cầu chỉ có 4 đại dương mà thôi : Thái-bình-dương, Đại-tây-dương, Ấn-độ-dương, Bắc-băng-dương.

Chỗ mà trước kia người ta gọi là Nam-băng-dương thật ra là đất liền phủ bởi một khối nước đá quanh năm.

THỦY-TRIỀU

TẠI SAO CÓ THỦY-TRIỀU ?

Thủy-triều (nước lớn và nước ròng) do sức hút của mặt trăng (chính-yếu) và của mặt trời (thứ yếu).

NHỮNG NHÀ BÁC HỌC NÀO TÌM HIỂU THỦY TRIỀU ?

- Ô. Newton cho ta biết nguyên-nhân.
- Ô. Laplace (1774) cho ta biết hiện-tượng.
- Ô. Henri Poincaré (1909) cho ta sự giải-đoán nhờ sự khai-triển của toán học.
(hiện nay, Hàng-hải có những bảng tính thuộc về thủy-triều hàng năm rất đúng).

CÓ MẤY LOẠI THỦY-TRIỀU ?

- nhất nhật-động (mỗi ngày lớn ròng một lần, thí dụ : Đồ-sơn ở Việt-Nam và địa Trung-Hải ở Âu-Châu),
- lưỡng nhật-động (mỗi ngày lớn ròng 2 lần).
(ở nhiều nơi trên mặt đất)
- hỗn tạp, thí dụ : Qui-nhon (Việt-Nam).

KHI NÀO CÓ NƯỚC RÒNG VÀ NƯỚC KỀM ?

Sức hút của mặt trời chỉ là phân nửa của mặt trăng vì mặt trời rất xa địa-cầu, nhưng khi mặt trời, mặt trăng và trái đất đứng cùng một hàng với nhau (mồng 1 và rằm âm-lịch) thì sức hút cộng lại và nước dâng lên tới tột-độ (nước ròng). Ngược lại, khi mặt trời, mặt trăng và địa-cầu đứng ở vào 3 điểm hợp thành góc thẳng, thì nước dâng lên ít (nước kèm).

VÀI CON SỐ VỀ THỦY-TRIỀU TRÊN THẾ-GIỚI :

Mực nước dâng lên :

- Giữa các đại-dương : độ 80 cm.
- trên Địa-trung-hải : trung bình 60 cm.
- tại Grandville (Normandie) bên Pháp : 12m.
- trong các vịnh của Pantagonie bên Nam-Mỹ : 15m.
- trong vịnh Fundy (Gia-nã-đại) 18m.

ÂM - LỊCH và DƯƠNG - LỊCH

ÂM-LỊCH :

Ngày xưa, ông bà chúng ta dùng Âm-lịch, nhưng sau khi tiếp xúc với Tây-phương, thấy tính ngày giờ theo Dương-lịch tiện hơn nên dùng thêm Dương-lịch.

Âm-lịch tính ngày tháng theo sự vận-chuyển của mặt-trăng. Vệ-tinh này xoay quanh trái đất giáp một vòng là 28 ngày và trong vòng 28 ngày thì mặt trăng trở về ngay một điểm nhứt định trên không trung : thời gian 28 ngày này được chia ra làm 4 tuần-lễ.

Cũng như Dương-lịch, Âm-lịch chia năm ra làm 12 tháng : tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng tư, ... tháng chạp. Tháng đủ có 30 ngày, tháng thiếu 29 ngày. Từ mồng một đến mồng 10 âm-lịch gọi là thượng tuần (trăng non), từ mồng 10 đến 20 âm-lịch gọi là trung-tuần (trăng tròn), từ 20 đến 29 hay 30 âm-lịch gọi là hạ-tuần (trăng già).

Âm-lịch chia ngày ra làm 12 thời, mỗi thời 2 giờ : tý, sửu, dần, mèo, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi. Giờ tý chỉ nửa đêm, giờ ngọ, giữa ngày.

Cứ 5 năm thì có 2 năm nhuận. Năm nhuận ở vào năm thứ ba và năm thứ năm. Năm nhuận có 13 tháng, tháng nhuận không nhứt định là tháng nào, nhưng không bao giờ nhuận tháng giêng và tháng chạp.

DƯƠNG-LỊCH :

Dương-lịch tính theo mặt trời, căn-cứ vào thời-gian trái đất xoay quanh mặt trời.

Từ năm 45 trước Chúa giáng-sinh, người La-mã đã sửa đổi thứ lịch cũ của họ giống như âm-lịch (một năm 360 ngày) ra thứ lịch 365 ngày.

Cuối thế-kỷ thứ 16, các nhà thiên-văn-học ở Âu-châu thuyết minh rằng trái đất xoay quanh mặt trời mất 365 ngày lẻ 6 giờ. Do đó, người ta xét lại lịch La-mã thấy ngày tháng sai lệch đi. Năm 1582 Đức Giáo-hoàng Grégoire XIII mới cho sửa

lại. Từ đó, các nước Âu-châu đều dùng Dương-lịch.

Dương-lịch chia ngày ra 24 giờ : 12 giờ ban ngày, 12 giờ ban đêm. Mỗi tháng có 30 hoặc 31 ngày, tháng hai chỉ có 28 ngày. Muốn biết một tháng có 30 hay 31 ngày, người ta dựa theo những chỗ lõm ở đầu năm tay : khởi đầu từ tháng giêng (ngay đầu xương ngón trỏ bàn tay trái), đến tháng 7 thì dùng vào đầu xương ngón út, rồi trở lại đầu xương ngón trỏ. Tháng nào ở đầu đốt xương có 31 ngày, tháng nào ở chỗ hổng có 30 ngày, trừ tháng hai, 28 ngày.

Trái đất xoay quanh mặt trời mất 365 ngày 6 giờ, tức là 365 ngày $1/4$. Sự-kiện này làm căn-bản cho niên-lịch của chúng ta.

Để khỏi phải dùng phân-số trên lịch, người ta đã gộp 4 lần $1/4$ ngày thành 1 ngày dư và nhập ngày ấy vào tháng hai (29 Février) của năm thứ tư : năm ấy gọi là năm nhuận.

BÁN - CẦU

Bán cầu là nửa hình cầu.

Nhìn vào một hình cầu, ta chỉ thấy nửa hình cầu (bán cầu), do đó ta hiểu rằng có một bán cầu-đối diện không nhìn thấy. Nhà địa-lý học thường phân-biệt : Bắc bán-cầu, Nam bán cầu, Đông bán-cầu, Tây bán-cầu.

BẮC BÁN-CẦU và NAM BÁN-CẦU :

Bắc bán-cầu và Nam bán-cầu có một giới-tuyến là đường xích-đạo

Ta nhìn thấy Bắc bán-cầu khi Bắc-cực của địa-cầu đối diện thẳng với mặt ta. Ta cũng nhìn thấy Nam bán-cầu nếu Nam-cực ở vào một vị-trí tương-tự.

ĐÔNG BÁN-CẦU và TÂY BÁN-CẦU :

Đông bán-cầu và Tây bán-cầu không có giới-tuyến rõ-ràng như xích-đạo nhưng ta có thể chia Đông và Tây bán-cầu bằng các kinh-tuyến. Đông bán-cầu gồm Phi-châu, Âu-châu, Á-châu và Úc-châu. Tây bán-cầu gồm có Bắc-mỹ và Nam-mỹ.

CHÂU NAM-CỰC (ANTARCTIQUE)

MỘT LỤC ĐỊA MÈNH MÔNG :

Nam-cực châu không phải là một vùng biển như trước kia người ta đã hiểu lầm mà là một lục địa mênh mông lớn hơn Âu-châu. Đó là lục địa thứ sáu.

Lục địa Nam-cực do một lớp băng (glace) phủ trên mặt đất.

Lớp băng nói trên dày trên 2.000m, có nơi dày tới 4.500m.

Để hình dung số lượng nước đá trên Nam-cực, nếu ta đem chia số nước đá này cho 3 tỷ dân trên thế-giới thì cứ mỗi giây đồng hồ mỗi người lãnh một tấn nước đá suốt trong một năm mới hết.

MỘT NGỌN NÚI LỬA BỊ TUYẾT PHỦ :

Trên lục địa này có một trái núi lửa đang trong thời kỳ hoạt động (en activité). Trái núi này cao 4.024m. Đó là núi Erebus. Mặc dầu là một núi lửa, núi này bị nước đá và tuyết phủ quanh năm.

THỜI TIẾT :

Mùa hạ (vào lúc tháng 12 và tháng giêng) nhiệt-độ ở đây không khi nào trên 0° ở vùng trung tâm lục địa, khí trời rất lạnh. Một nhà địa-lý-học đã ghi nhận thời tiết tại đây hồi tháng 8 năm 1960 (lạnh 88, 30 dưới không—88°,3) Chính cũng tại lục địa này mà người ta ghi nhận những luồng gió mạnh nhất thế-giới, có khi hơn 250 cây số trong một giờ : 250 Km/h

CÂY CỐI, THÚ VẬT :

Cây cối ở lục địa Nam-cực chỉ có một ít loài rong rêu (mousse, lichen) Ngoài ra, chỉ có hai loại cây có trổ hoa mà thôi.

Ngược lại, vùng này có nhiều thú vật. Muôn vạn con hải-cẩu (phoque) trăm ngàn loài chim như hải-âu (pétrel) chim biển (manchot) gấu trắng sống nơi đây.

Trong biển bao quanh Nam-cực-châu có nhiều loại cá ông và việc săn cá ông nơi đây được qui định bởi một điều ước quốc-tế.

SA-MẠC

Chúng ta chớ nên tưởng lầm rằng tất cả sa-mạc trên trái đất này là những bãi cát mênh-mông.

Thật ra, cũng có những sa-mạc hoàn-toàn là những bãi cát như những sa-mạc ở Phi-Châu, Á-rập, I-ran và Úc-Châu mà cũng có những sa-mạc không có một hạt cát mà chỉ toàn là đá (désert rocheux); đó là phần đông sa-mạc ở Mỹ-Châu và một phần sa-mạc ở Sahara. Các sa-mạc đều có điểm giống nhau là sự khô khan nghĩa là thiếu nước, tuy nhiên tại sa-mạc cũng có cây cối và mỗi loại sa-mạc có cây cối đặc-biệt của nó.

Cây cối vùng sa-mạc có cát : cây chà là (dattier), cây lữ hành (palmier)

Cây cối vùng sa-mạc có đá : xương rồng (cactus) giống cây sung (figuier)

THÚ VẬT Ở SA MẠC :

Thú vật sống ở vùng sa-mạc là loại thú nhin khát lâu ngày được hay chỉ cần một ít nước để sống.

Những thú ăn cỏ, ăn cây cối ở ốc đảo (oasis) còn các thú ăn thịt thì giải khát bằng máu của loại thú mà nó giết để nuôi sống nó.

Ngoài ra, nơi sa-mạc, còn có những con thú sống không cần một giọt nước.

LỤC-ĐỊA

AU-CHÂU :

Diện-tích : 10.093.000 km²
Bờ biển : 3 8000 km.
Núi cao nhất : Bạch-sơn (Mont-Blanc), 4.810 m.
Sông dài nhất : Volga, 3.688 km.
Hồ rộng nhất : Ladoga, 18.400 km²
Dân-số : 559 triệu (35 người mỗi km²)
Thành-phố đông dân nhất : Luân-đôn 8.350.000 người.
Giống người : da trắng
Tôn-giáo : Thiên-Chúa-giáo
Đường sắt : 420.000km.
Đường bộ : 3.260.000km

Á-CHÂU :

Diện-tích : 44.150.000km², gấp 4 lần diện-tích Âu-châu
Bờ biển : 70.000km.
Núi cao nhất : Everest : 8.848m.
Sông dài nhất : Dương-tử, 5-552km.
Hồ rộng nhất : Caspienne, 424.000km²
Dân-số : 1.540 triệu người (31 người mỗi km²).
Thành-phố đông dân nhất : Tokio (Đông - kinh)
8.500.000 người.
Giống người : da vàng, da trắng, da đen.
Tôn-giáo : Bà-la-môn, Phật-giáo, Hồi-giáo, Thiên-Chúa-giáo
Đường sắt : 175.000km.
Đường bộ : 1.500.000km.

MỸ-CHÂU :

Diện-tích là 42.142.000km², gần bằng diện-tích Á-châu,
Dân-số 472 triệu người.

1) Bắc-Mỹ và Trung-Mỹ :

Diện-tích : 24.379.000km²
Bờ biển : 75.500km.
Núi cao nhất : Mac Kinley, 6.187m.

Sông dài nhất : Mississippi Missouri, 6.200km.
Hồ rộng nhất : hồ Supérieur, 82.700km²
Dân-số : 243 triệu người (10 người mỗi km²)
Thành-phố đông dân nhất : Nữu-uớc, 8 triệu người (11 triệu nếu tính luôn ngoại-ô)
Giống người : da trắng, Et-ki-mô, da đỏ, Mễ-tây-cơ
Tôn-giáo : Thiên-Chúa-giáo
Đường sắt : 440.000km,
Đường bộ : 5.790.000km,

2) Nam-Mỹ :

Diện-tích : 17.763.000km²
Bờ biển : 28.700km.
Núi cao nhất : Aconcagua, 6.959m.
Sông dài nhất : Amazone—Ucayali, 6.280km.
Hồ rộng nhất : hồ Titicaca, 6.900km²
Dân-số : 129 triệu người (7 người mỗi km²)
Thành-phố đông dân nhất : Buenos-Aires, 3 triệu người (nếu tính cả ngoại ô : 4.650.000 người).
Giống người : da trắng, thổ dân (Indien)
Tôn-giáo : Thiên-Chúa-giáo
Đường sắt : 137.000km.
Đường bộ : 952.000km.

PHI-CHÂU :

Diện-tích : 30.500.000km²
Bờ biển : 30.500km.
Núi cao nhất : Kilimandjaro, 5.895m.
Sông dài nhất : Sông Nil, 6.671km.
Hồ rộng nhất : hồ Victoria, 68.100km²
Dân-số : 221 triệu người (7 người mỗi km²)
Thành-phố đông dân nhất : Le Caire, 2.370.000 người
Giống người : da đen, da trắng,
Tôn-giáo : Hồi-hồi, Đa thần giáo (fétichisme).
Đường sắt : 71.000km.
Đường bộ : 775.000km.

ÚC-CHÂU và ĐẠI-DƯƠNG-CHÂU :

Diện-tích : 7.700.000km²

Bờ biển : riêng của Úc-châu, 19.500km

Núi cao nhất : núi Carstenz (Nouvelle-Guinée), 5.030m

Sông dài nhất ; Murray-Darling, 3.490km.

Hồ rộng nhất : hồ Eyre, 10.000km²

Dân-số : 9 triệu người (1,7 người mỗi km²)

Giống người : da trắng và thổ dân

Tôn-giáo : Thiên-Chúa-giáo, Đa thần giáo.

Đường sắt : 42.375km.

Đường bộ : 915.000km

NAM-CỰC-CHÂU :

Diện-tích : 13.177.000km²

Bờ biển : 24.700km.

Núi cao nhất : núi Markham, 4.572m.

thuongmaitruongxua.vn

NHÂN DÂN HOA-KỲ

với sự hợp-tác của

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

thân tặng

các Trưởng Sở tại Việt-Nam